

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 190

THÍCH CA PHƯƠNG CHỈ

SỐ 2088
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

www.daitangkinh.org

SỐ 2088

THÍCH-CA PHƯƠNG CHÍ

*Thời tiền Đường, Sa-môn Thích Đạo Tuyên
ở núi Thái nhất; Chung Nam soạn thuật.*

LỜI TỰA

Triều đại tiền Đường có được thiên hạ gần 40 năm, thuận phong dướm hợp; tục xấu đổi thay, văn đức tu chính; võ công đủ đầy. Nên khiến các tước hầu Thanh khâu Đan huyết đều vào Đô phong, các cõi vực Long sa nhận tái bèn tuân theo Thánh giáo, cúi đầu lay dài, hiển hiện vũ nghi của triều Tông, nộp ngọc dâng lễ, tỏ bày đức lớn của Hoài Nhu. Nhưng mà tám vực hoang vu khắp trong ngoài sử trước ghi bày đủ, còn các phương của năm xứ Thiên Trúc xưa nay ít thuật. Đâu chẳng phải thời vậy. Tuy là Chu mục đi thú hưởng Tây chỉ đến côn, Thuấn võ tuần mảo phương Nam không vượt qua biển cả. Tần Hoàng phân vạch bờ cõi gần suốt Lâm Thao. Hán Võ phong vương cửa ải mở cùng Thiết Lộ. Quyết ấy đã ban gián, xem xét chưa rõ ràng. Do đó, không đồng hỏi Đạo chỉ hạn cục tại đất Tửu Tuyền, Côn Lôn bá yết Thánh chỉ đến bên cạnh ngọc môn. Đến như Nhược Thủy Động Đình, Tam Nguy Cửu Lũng, Yến nhiên Long Lạc, Sa Chương Lê Hà đầy đủ dàn trải trong Hạ thư, đều đồ khắc ở Ung Bộ. Cho nên rộng trông đến Tầm Hà bắt đầu nghe tên nước Đại Hạ (Trung Hoa). Hiên Hoàng du mộng đầu tiên thuật bày về nước Hoa Tư. Nhị sư đến đánh Đại Uyên, Định Viễn đến mở thiết môn. Do Dư vào đất Tần, Nhật Đạn làm quan nhà Hán tiếng tăm vang vọng tỏa cùng thống lãnh, đức vua phô bày tận kỳ sơn, Hoàng Hoa rực rỡ loại ấy lắm nhiều vậy. Nhưng mà ghi chép về phương thổ, mọi thích nghi của nhân vật, sự lần lượt đổi thay phong tục, mọi lạ lùng

của núi sông, du tố lược không thể ghi chép, đâu chẳng vì đường sá xa xôi, ít có người đến nơi vậy. Dùng sự mà luận xét, giả sử như có truyền thuyết đều là ghi lại tin tức của các hành nhân, chẳng phải chính mắt đã trông thấy, lần lượt đua nhau đem điều lui dối làm thực lục. Cớ sao biết được như vậy? Bởi Tích Thạch Hà Nguyên theo hường Tây chỉ trông đến Xích Huyện, Côn Lôn Thiên Trụ với hướng Đông chỉ nhìn lại thần châu. Từ Ô Sa trở ra ngoài đều gọi là nước Hồ, đâu dùng toán tính xa, không truyền tương giản. Vậy biết thuyết của nước Thân Độc dịch lại kịp vậy. Các truyện về Thần Châu v. v... đoán chắc có thể biết đó.

Từ khi Phật giáo lưu truyền đến phương Đông, vẻ vang đất Hán, dòng chính có 10 đời gần 600 năm, xe nhẹ kế tiếp quán phương khắp cùng, có hơn trăm nước đều về tựa nương phong hóa, cây núi tiến cống chức, trông mặt trời mà đến vua. Nhưng trước sau ghi chép lưu truyền có sự lẫn lộn bất đồng, sự tích ít thuật đáng gọi là lắm hoặc, tìm lại đến cùng việc ấy kết quy bởi người chuyển dịch. Trước kia, trung thời nhà Tùy có Sa-môn Ngạn Tông ở Phiêu kinh quán; Thượng lâm viên tại Đông Đô trước thuật 1 bộ Tây Vực truyện gồm 10 chương, rộng nêu bày phong tục mà sơ lược về Phật sự, được ở điểm hợp nghe, mất ở điều tín bản. Tôi (Đạo Tuyên) cho là Tám tướng hiện bày đạo, Ba thừa đào luyện phong hóa, Bốn nghi thiết bày không gì chẳng hợp căn cơ, Hai Nghiêm khắp đủ chư chính ở tuệ giải. Nay Thánh tích linh tướng lắm nhiều ở Hoa Tư, Thần Quang thụ ảnh chan hòa trong Hoàn Vũ, nghĩa hẳn phải xương minh, hình tượng động phát tâm linh. Nhân trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời tiền Đường, trong công việc phiên dịch kinh điển, tôi thường dự tham pháp tịch, bên cạnh lưu xuất Tây ký đầy đủ như riêng rõ bày, nhưng vì giấy bút lắm nhiều đọc xem khó biết, giềng mối tiếp nối để lại của Đức Phật, các hàng Thích tử đều cùng quay về tựa nương, nên lược rút cương du làm thành 2 quyển để tặng cùng các hàng hậu học, tạm nêu tỏ ý như vậy.

Thích-ca Phương Chí 1 bộ gồm 8 chương:

- 1 là Phong chương
- 2 là Thống nhiếp
- 3 là Trung biên
- 4 là Di tích
- 5 là Du lý
- 6 là Thông cục
- 7 là Thời trú
- 8 là Giáo tướng.

Ngưỡng tìm giảng linh của chư Phật không thể dùng hình tướng để tìm cầu, tùy cơ ẩn hiện nên có thể lấy ngôn từ rõ ràng để bày thuật. Nhưng tìm học giáo pháp trước tiên nêu bày tông quát, tiếp đến là nghiên cùng nhánh lá cuối cùng chẳng xa thấu đạt đó. Nêu ở đầu chương quyển nên điểm đến cùng như vậy.

THÍCH-CA PHƯƠNG CHÍ

QUYỂN THƯỢNG

(Gồm 4 chương: Phong cương, Thống nhiếp, Trung biên, Di tích)

CHƯƠNG I: PHONG CƯƠNG.

Vương thể của Đức Phật hiệu là Thế Giới Sách Ha, tức xưa trước trong việc phiên dịch kinh điển gọi đó là Sa-bà. Trong kinh thường nói đó là Nhân thổ (cõi đất kham nhân), có nghĩa là người ở cõi đất này mạnh biết lực niệm, hay nhân khổ vui, kham nhân Đạo khí, nên Đức Phật làm vua ở đây vậy. Xét về Phong cương ở đây thì bao quanh núi (Sắt) Thiết, ngoài núi là không, không chẳng thể lường, dưới núi là đất, dưới đất là vàng, dưới vàng là nước, dưới nước là gió, gió ấy kiên cố chắc thật hơn cả kim cương, bởi tâm lực chúng sinh đồng nghiệp cảm nên vậy, có khả năng gìn giữ thế giới khiến chẳng nghiêng đổ. Từ gió trở ra tức là hư không. Nếu ước về vòng bao quanh từ dưới lên trên đến tột cùng cõi vô sắc có tên gọi là Hữu Đảnh, luận về lượng giới ngang rộng đến tận cùng thì khả năng lý số chẳng thể đo đạt được. Và lại, như trong luận Đại Trí Độ nói: “Từ cõi trời Sắc giới rơi xuống một tảng đá lớn phải trải qua một vạn tám ngàn ba trăm tám mươi ba năm mới tới mặt đất đây. Ước về trên dưới và các phương hướng đây thì gọi là vương thể của một Đức Phật vậy (tức lấy Đại thiên thiết vi mà làm địa vực của Phong cương vậy).

CHƯƠNG II: THỐNG NHIẾP

Xét theo các cõi nước nhiếp thuộc trong vòng quanh núi thiết của thế giới Sách Ha thì có đến muôn ức. Tại sao biết vậy? Như chỗ ở hiện nay là một cõi nước. Trong cõi nước riêng có một núi Tô-mê-lô, tức trong kinh gọi là núi Tu Di. Núi ấy ở trong biển cứ định ngoài kim luân, một nửa xuất hiện trên mặt biển cao tám vạn do tuần. Mặt nhật mặt nguyệt xoay quanh eo lũng núi ấy, ngoài ra có bảy lớp núi vàng bao bọc chung quanh, trong mỗi biển nước có đủ tám thứ công đức, và bên ngoài là nước biển mặn rộng chiều không ngần mí, ngoài biển lại có núi bởi

chất sắc tạo thành bao bọc chung quanh bốn phía, trong biển là nơi ở được. Đại lược có bốn tức ước từ núi Tô-mê dùng phân phương diện: Ở Đông châu gọi là Ty-đề-ha, Nam châu gọi là Thiệm bộ, Tây châu gọi là Cù-đà-ni và Bắc châu gọi là Câu-lô. Bốn châu ấy cũng còn gọi là bốn hữu, là nơi của con người là nơi làm vua của Đức Phật. Chuẩn cứ bên cạnh đây và trong biển Thiết vi chỉ có bốn châu. Từ núi Tô-mê trở lên có 28 tầng và một mặt nhật một mặt nguyệt làm một quốc độ, tức đây lượng số đến một ngàn, thiết vi bao bọc chung quanh gọi là một Tiểu thiên thế giới, tức số Tiểu thiên ấy đến một ngàn, thiết vi bao bọc chung quanh gọi là Trung thiên thế giới, tức số Trung thiên đây đến một ngàn, thiết vi bao bọc chung quanh gọi là một Đại thiên thế giới. Căn cứ Tam thiên đại thiên thế giới đây thì bốn châu, núi, vua, mặt nhật mặt nguyệt trong đó cho đến cõi trời Hữu Đảnh thí có muôn ức có sơ đều do Đức Phật thống nhiếp, và tất cả đều tuân theo Thánh giáo.

CHƯƠNG III: TRUNG BIÊN

Sở bộ của Pháp vương thì nhiếp trong Đại thiên, nêu y cứ về thành đô thì châu này thường làm nơi chỗ ở. Châu này ở trong biển của phía Nam núi Tô-mê, đất nước trải dài theo hướng Đông Tây 24 vạn dặm, tải rộng theo hướng Nam Bắc 28 vạn dặm. Lại y cứ theo trong luận nói: “Ba phía ngang bằng với lượng 2.000 do-tuần ở phía Nam rộng dài ba do-tuần rưỡi, như vậy là phía Bắc rộng phía Nam hẹp, mặt người theo hình dạng ấy”. Lại y theo Phạm ký thì chỗ ở của người vật theo hướng Đông tây dài rộng 11 vạn sáu ngàn dặm, còn theo hướng Nam bắc xa gần lược cũng đồng vậy. Nơi chốn định đô là ở trong thành Ca-tỳ-la; đất nước nơi Đức Phật Đản sinh, nghĩa là ở trong bốn lớp thiết vi. Nên trong kinh nói rằng: “Ba ngàn mặt nhật mặt nguyệt là trung ương của vạn hai ngàn trời đất. Do oai thần nên Đức Phật không sinh ở chốn biên địa, nơi đất nghiêng vẹo. Tại nước Trung Thiên Trúc được gốc cây Đức Phật Thành Đạo có tòa Kim cang dùng làm nơi Đức Phật ngồi vậy. Căn cứ vào đây mà luận bàn, ước về các Thiên hạ khác để định là ở trung tâm. Nếu ngay châu này theo nghĩa ước về quỹ sự để rõ là trung tâm vậy. Năm sự đó tức là Danh, Lý, Thời, Thủy, Nhân.

- Về Danh thì đều cho rằng Tây Vực là Trung Quốc (cõi nước trung tâm), lại cũng cũng gọi là nước Trung Thiên Trúc, cõi nước đó tên là Hiền-đàm-bang-chi-thứ. Lại chỉ Tây Vực mà làm Trung Quốc. Nếu chẳng phải là trung tâm thì phạm Thánh hai thuyết không nên gọi Trung, xưa kia, trong thời Tiên Tổng có Hà Thừa Thiên là người thông rành mọi

vật, nổi danh trên các bậc anh tài hỏi Sa-môn Tuệ Nghiêm rằng: “Cõi nước của Đức Phật dùng dịch thuật gì mà gọi là Trung tâm?”. Ngài Tuệ Nghiêm đáp rằng: “Tại nước Thiên Trúc đến ngày Hạ chí tại phương giữa không ảnh bóng, điểm gọi là Trung bình của đất trời. Nước ấy tại Trung nguyên ảnh đẹp, lường xét đó nên có các phần khác. Đến như Lịch có ba đời, lớn nhỏ có hai, ngoài ra thì thêm bớt, thời gian tính toán liền sai, thời tiết rõ ràng chẳng phải là trung tâm vậy”. Hà Thừa Thiên không còn lời nào để chống đỡ. Vua Văn Đế (Lưu Nghĩa Long 424 - 454) nghe thế mới ban sắc Nhâm Dự nhận vậy. Phàm lấy tám nạn nêu bày biên địa chẳng nhiếp. Vượt phàm vào Thánh hản trước tại Trung Quốc, nên Đại Hạ thân gồm kính phụng âm hình, Đông Hoa mở muện giáo tích, Lý số hản vậy.

- Nói về Lý thì châu này lượng lớn phân làm ba phần. Trong đó hai phần về phía Bắc đất rộng ít người, là nơi mọi rợ sinh sống lắm nhiều không có khả năng kham nhận việc Đạo, và một phần về hướng Nam đến tận ba biển. Con người ở đó phần nhiều tinh sáng có khả năng thọ nhận Thánh hóa, nên ước về Đạo thẳng là Đại Thánh đô vậy. Nên Thành Quang Tử nói rằng: “Nước Trung Thiên Trúc theo hướng Đông đến nước Chấn Đán cách khoảng 5800 dặm (Chấn Đán tức hiệu của Thần Châu. Người ở xứ ấy xem như vậy), theo hướng Nam đến nước Kim Địa cách 5.800 dặm, theo hướng Tây đến nước A-câu-già cách 58.000 dặm, theo hướng Bắc đến núi Tiểu hương; ao A-nậu-đạt cách 58.000 dặm”. Quán xét sự thông nhiếp đây nắm lấy sự xa gần ngang bằng đến cùng để quyết định đó là trung tâm, lý ấy rõ bày.

- Nói về Thời, nghĩa là từ núi Tuyết trở về hướng Nam gọi đó là Trung Quốc. Xứ ấy thảo nhiên ngang bằng thẳng thẳng, mùa Đông mùa Hạ đều điều hòa, cây cỏ thường tươi tốt, sương tuyết không rơi đổ, ngoài ra các xứ biên鄙 sao đủ để nói ư?

- Nói về Thủy (nước), nghĩa là trung tâm châu này có một ao lớn tên là A-nan-đà-đáp-la, Trung Hoa dịch nghĩa là Vô nhiệt nào, tức trong kinh điển thường gọi đó là ao A-nậu-đạt. Ao đó ở thuộc phía Nam Hương sơn mà phía Bắc núi Tuyết, ngay trên đỉnh núi, chẳng phải nơi kẻ phàm bước đến, chu vi ao rộng tám trăm dặm, bốn phía bờ dùng các vật báu trang sức. Vì phía chánh Nam ngay nơi chỗ đất bằng phẳng là chốn địa ngục, nên tòa Kim cang thuộc về phía Đông hợp dài đến 500 dặm, về hướng chánh Nam của ao ấy là Đương Châu, nơi dừng nghỉ, về hướng Bắc thì ngay sông Mê-la tức Bắc. Lại ngay phía Bắc của Thông Lĩnh là Thiên Tuyền, trên không định ước là ngay Bắc thần tinh. Nay

trông đến thứ năm tự như Tây y. Vả lại trên trời một tắc dưới đất một thước, Thiên Tuyền cách kinh độ 8. 000 dặm, ước về Trời thì không một thước vậy. Từ ao đó về phía Bắc cách nước Bát-lộ-la gần ngàn dặm, về hướng Đông nam là nước Quật-lộ-đa, về hướng Tây Nam là nước Kế Tân, mỗi bên đều cách xa hơn ngàn dặm, nhưng bốn biển là nơi cuối cùng chứa đựng nước, nên từ một ai ấy phân làm thành bốn dòng sông, mỗi mỗi tùy theo thế đất mà nước trút đổ vào một biển. Nên từ Thông Lĩnh thuộc về hướng Đông do đó nước trút đổ về Đông Hải, nước Đại Sấu thuộc về hướng Nam nên nước trút đổ về Nam Hải, núi tuyết thuộc về hướng Tây nên nước trút đổ về Tây hải, và Đại Tần thuộc về hướng Bắc nên nước trút đổ về Bắc Hải. Nên địa thế cao nước đều trút đổ xuống, nên trung tâm đây ở bên bờ sông biển gọi là nan đoạt. Nên kinh Phật rộng lớn thông khắp mọi sự thấy cùng Thánh Hiền, nghĩa ấy chẳng vọng gương theo. Nên bày trên đây từ Phù Địa đồ, nhưng châu này viết chép về sử sách ngụ ngôn ước đạt phù hư xem lạm lắm nhiều. Khi ước về kinh Phật lại lắm nhiều loại ấy thấy đều là hoang kể thứ vì nêu cử đó. Trong Thủy kinh nói: “Gò vô nhiệt tức là núi Côn lân”. Phù Nam truyện nói rằng: “Núi A-nậu-đạt tức là núi Côn lân”. Sơn Hải kinh nói rằng: “Nam lưu Sa Tân nước đổ sau nước đen trước có một núi lớn tên là Côn lân”. Lại nói rằng: “Về phía Tây Chung Sơn cách khoảng 600 dặm có núi Côn lân lưu xuất ra 05 dòng sông”. Còn căn cứ theo Mục Thiên Tử truyện nói rằng: “Thông sơn âm chung”. Lại nói rằng: “Gò Côn lân trong biển, tại dưới Tây Bắc Đế, vuông vức 800 dặm, cao vạn nhận”. Theo Thập Châu ký nói rằng: “Gò Côn lân tức là Côn sơn tại phía Tây Bắc của Bắc Hải cách bờ 13 vạn dặm. Đó là ước chỉ về kinh Phật nói là núi Tô-mê vậy. Lại nữa, Trung Đông hải có núi tên là Phương trượng cũng còn gọi là Côn lân”. Lại nói rằng: “Tây Vương mẫu bảo cùng Chu Mục rằng: “Núi ấy các Hàm Dương 36 vạn dặm, cao so với mặt đất bình thường 36. 000 dặm”. Lại theo Chu Mục truyền thuật Tây Vương mẫu nói rằng: “Cách khe suối Triều ở Đông Chu 11. 100 dặm”. Thần Dị kinh nói rằng: “Núi Côn lân có trụ đồng cao ẩn trong trời, chu vi lớn 3. 000 dặm”. Vinh Thị ghi chú rằng: “Trụ Châu ở phía Đông nam núi Côn lân cao 2. 000 dặm có không ngoài núi”. Theo Sử ký nói rằng: “Núi Côn lân cách Tung cao năm vạn dặm, cao vạn một ngàn dặm!” Theo Quách Bộc nói rằng: “Cao hơn 2. 500 dặm”. Theo Hoài Nam nói là: “Cao vạn một ngàn một trăm dặm 14 bộ 2 thước 6 tắc”. Theo Đạo kinh tạo lập Thiên Địa ký nói: “Núi Côn lân cao 4. 800 dặm”. Theo Chuyển Hình Tế Khổ Kinh nói: “Cao vạn chín ngàn dặm”. Lại nói: “Núi ấy nổi bay”.

Lại nói: “Về phía Nam Côn lân cách 30 dặm lần lượt có ngàn núi Côn lân, gọi đó là tiểu thiên thế giới”. Theo Hóa Hồ kinh nói: “Núi Côn lân cao 9 tầng lớp mỗi tầng lớp cách nhau 3.000 dặm”. Lại nói: “Cao vạn vạn 5.000 dặm.” Trên đây là thuyết của Nho giáo và Đạo giáo, tuy hình lượng có sai khác, nhưng chẳng vượt quá núi Côn lân. Tìm xét ở gần núi Côn lân là đất của Tây Lương, Tửu Tuyên, là nơi Mục Hậu thấy gặp Tây Vương Mẫu, đầy đủ trong Đồ kinh ấy. Nếu ở xa núi Côn lân là trung tâm của Hương sơn và Tuyết sơn, và Hà Nguyên lưu xuất ở ngoài vậy. Nên Nhĩ Nhã nói rằng: “Hà Nguyên ra ngoài Côn lân”. Và Quách Bộc Đồ Tán nói rằng: “Côn lân ở tầng thứ 3 gọi là Thiên Trụ, thật chỉ là Linh phủ của sông Hà Nguyên”. Căn cứ theo Võ Cống nói rằng: “Dầu dòng từ Tích thạch chỉ y cứ nơi dòng lưu xuất mà gọi tên vậy”. Nếu xét về cội nguồn thật có sở do vậy. Nên trong kinh Phật nói rằng: “Ở phía Đông ao Vô nhiệt nào có miệng Trâu bạc lưu xuất ra sông Khắc già, tức xưa trước gọi là sông Hằng chạy vòng quanh theo phía hữu của ao mà trút vào biển phía Đông nam, về phía Nam có miệng voi vàng lưu xuất ra sông Tín Độ, tức xưa trước gọi là sông Tân Đầu, vòng quanh theo phía hữu của ao mà trút vào biển phía Tây nam, về phía tây có miệng Ngựa lưu ly lưu xuất ra sông Phược sô, tức xưa trước gọi là sông Bác xoa và cũng chạy quanh phía hữu ao mà trút vào biển phía Tây bắc. Về phía Bắc có miệng Sư tử phải chi lưu xuất ra sông Tỷ Đa, tức xưa trước gọi là sông Tư Đà, cũng chạy quanh phía hữu ao mà trút vào biển phía Đông Bắc.”

Căn cứ theo Hà Đồ thì nói rằng: Từ núi Côn lân về hướng Đông cách 5.000 dặm gọi là Thần Châu, còn gọi là Xích Huyện”. Lại y cứ theo sách nói rằng: “Từ Hà Nguyên về hướng Đông Bắc lưu xuất ra hang Kỳ sa; thông lãnh, phân làm hai dòng sông. Dòng sông phía Đông Bắc chảy qua phía Nam nước Vu Điền, núi ở phía Tây Bắc của nước ấy lưu xuất ra. Lại dòng phía Đông là sông lớn chảy qua phía Đông nam của thành Khiết-bàn-đà. Lại xoay dòng trở lại phía Nam nước ấy cách hơn 500 dặm đến phía Nam nước Ô Sút, lại theo hướng Đông Bắc đến phía Bắc nước Sơ Lặc, cách 610 là đến thành Xích Cốc ranh giới của Ô Tôn. Lại theo hướng Đông cách 270 dặm chạy qua phía Nam của nước Cô Mặc, lại theo hướng đông cách 670 dặm chạy qua phía Nam nước Quy Tư. Lại theo hướng Đông cách 350 dặm chạy qua phía Nam nước Ô Diệp. Đó tức là xứ trị vì của nước Hán thời đô hộ. Về hướng Tây nam cách nước Sơ Lặc 2.110 dặm, về hướng Đông Bắc cách nước Ô Kỳ 400 dặm. Sông ấy lại theo hướng Đông nam chạy dài 340 dặm qua phía

Nam nước Cừ Lê, lại theo hướng Đông 240 dặm chạy qua phía Nam Hắc sơn. Từ đó về hướng Đông cách ải Ngọc môn 2. 660 dặm, sông ấy lại theo hướng Đông chảy qua liên thành theo hướng Nam trút đổ vào Tân Thành, đến phía Bắc nước Thư Mạt hợp cùng dòng nước. Sông ấy lại theo hướng Đông chảy qua đất Lũ Lan, lại theo hướng Đông chạy qua phía Nam thành nước Thiện Thiện, vượt qua hướng Đông Bắc vài trăm dặm chảy vào biển Bồ Xương. Mặt hướng Đông biển ấy một ít chênh về hướng Bắc cách Ngọc môn 1.300 dặm. Lại về hướng Đông bắc cách Dương Quan 300 dặm. Sông ấy lại từ phía Nam Bồ Xương; Phục lưu mà chênh về hướng Tây vài ngàn dặm vào núi Tích thạch tại trong khu đảng Khương Thiêu. Theo sách nói: “Tích thạch cách núi Côn lôn 1740 dặm”, hoặc nói: “Phục lưu cách xa vùn ba ngàn dặm”. Các ức thuyết ấy khó có thể nghiên cứu rõ ràng tường tận. Sông ấy lại ra phía Tây của Tích thạch chảy về phía Đông Bắc cửa cừu khuất hợp dòng chảy vào đất chiết chi tức là Hà Khúc (Tùy?). Lại theo hướng Đông Bắc vào Tái qua phía Nam Trương Dịch; Đôn Hoàng, đó là xứ Hà Nguyên vậy. Căn cứ theo thực lục đây để tìm về Hà Nguyên rốt cùng đến chỗ ao Vô nhiệt não, mới là xét cứu cùng cực. Nhưng ao ấy chỉ có Thần ở chẳng phải nơi con người bước đến. Đó là địa vực của Bắc thiên núi tuyết, phía Nam tiếp liền với Trung độ; nơi Đức Phật Đản sinh, vì xứ ấy cao thẳng nên chẳng phải là biên鄙 vậy.

- Nói về Nhân (con người) tức chẳng vượt ngoài phạm Thánh, ngôi vị cao tột của phạm nhân gọi là Luân vương, ngôi vị cao tột của Thánh nhân gọi là Pháp vương. Bởi vì hai ngôi vương ấy chẳng ra đời thì thôi, còn nếu ra đời hẳn ở tại trung tâm. Lại nữa, núi sông làng nước là y báo của con người, con người ưu thắng thì y báo ưu thắng, nên hai vương ấy sống ở tại đó vậy. Lại nữa, Luân vương có 4 vị định ước thống nhiếp cả bốn châu. Kim Luân vương thì thông cùng cả bốn hữu (châu, cõi); Ngân Luân vương thống nhiếp ba châu, trừ một châu ở phía Bắc; Đồng Luân vương thống nhiếp hai châu, trừ hai châu ở phương Tây và phương Bắc; còn Thiết Luân vương chỉ thống nhiếp một châu ở phương Nam, trừ ba châu kia. Nói “Thiệm Bộ” tức là tiếng của Trung Phạm thiên, Trung Hoa dịch nghĩa là nơi của Luân vương. Nói về thông cục của Tứ Luân vương là khác chỗ ở hẳn tại phía Nam. Xưa trước phiên dịch châu này là Hảo kim địa (đất vàng tốt đẹp), nghĩa là vàng Diêm phù trong bờ biển phía Bắc châu, ánh sáng vàng nổi ra trên biển. Bên cạnh đó có rừng cây Diêm phù trái quả rất lớn. Người chứng đắc thần thông mới đến được nơi ấy. Nay nói Luân vương châu này được tên gọi cả hai giả thiết đều

đạt đến cùng vậy. Lại nữa, châu này có bốn chúa thống nhiếp, tức từ núi tuyết trở về hướng Nam đến tận Nam Hải gọi là Tượng chúa, vì đất xứ đó chỉ thuần nắng nóng ẩm ướt rất thích nghi với voi ở. Và vua các xứ ấy dùng lính voi mà an trị đất nước, phong tục con người xao động mãnh liệt rất độc lòng tập học dị thuật, đó tức là nước Ấn Độ, nhưng tên nước Ấn Độ còn gọi là nước Hiền Đậu, hoặc gọi là nước Thiên Trúc, Thân Độc, Thiêu Đốc v. v... đều là lầm bậy lưu truyền, chỉ lấy tên Ấn Độ làm chánh, Trung Hoa không ngôn từ phiên dịch. Về phía tây núi Tuyết đến tận Tây Hải thì gọi là Bảo chúa. Đất xứ đó tiếp liền với Tây Hải riêng có nhiều trâu quý khác lạ, nhưng xem thường lễ nghi quý trọng của cải, đó là nước Hồ vậy. Về phía Bắc của núi tuyết đến tận Bắc Hải, đất xứ đó rất lạnh nên thích nghi với loài ngựa. Vì vậy gọi là Mã chúa, phong tục con người rất hung bạo nhẫn chịu giết hại, mang mặc lông da, tức là nước Đột Quyết vậy. Về hướng Đông của núi Tuyết đến tận Đông Hải gọi là Nhân chúa. Đất xứ đó thuần hòa sướng, phong tục chuyên làm điều nhân nghĩa, nước yên nhiều lớp đời, đó là nước Chí Na, tức xưa trước gọi là nước Chấn Đán vậy. Bốn chúa nói trên là y cứ vào một châu, phân ranh giới mà Vương hấn định ở tại trung tâm của châu. Luân vương là vua ở tại trung tâm xưa nay không cải đổi. Ở châu này các nhà Nho bị ngưng trệ bởi Khổng giáo vì vậy gọi là trung tâm, ngoài ra là nhiếp thuộc biên鄙. Riêng chỉ Lạc Dương là nước trung tâm tức là ước theo Hiên Viên ngũ nhạc mà nói, chưa phải là trông xem rộng lớn khắp cùng các phương. Lại chỉ Tây Phiên liệt thuộc nước Hồ. Nhưng lúc đạo phẫm tại thế qua lại thì về phía Nam của núi tuyết gọi là nước Bà-la-môn, cách tuyết với nước Hồ, ngôn ngữ viết lách chẳng đồng. Nên các Bà-la-môn ở năm xứ Thiên Trúc viết lách là sách trời, ngôn ngữ nói năng là ngôn ngữ của trời, nghĩa là lúc kiếp sơ mới thành, các Phạm thiên xuống cõi này nhận đấm mê mùi vị đất béo tốt bèn ở lại sinh làm loài người, từ gốc nói năng viết lách đều theo thiên pháp không dứt đoạn, nên phong tục xứ đó phần nhiều là phụng thờ trời vậy. Còn người nước Hồ vốn là Tây Nhung không nghe về Đạo thuật, nói năng viết lách của nước ấy riêng biệt, phải phiên dịch mới thông. Còn ngôn ngữ viết lách của người xứ Thần châu xuất phát không có gốc gác. Vả lại luận bàn về thư khế có thể lấy sự mà truy cầu, thì bát quái của Phục Hy, Trùng Hào của Văn Vương, dấu chân chim của Thương Hiệt văn ấy chẳng lưu truyền. Đến thời nhà Hán, có Hứa thận mới lưu xuất thuyết văn, chữ chỉ có 9000 dùng theo loại làm tượng tự, đến nay dần khắp cùng nơi thế gian, văn ngôn có đến ba vạn. Đó là tùy theo con

người tùy theo thời đại hội y mà sản sinh, chẳng thể sánh vì với ngôn ngữ và sách vở của năm xứ Thiên Trúc là nhất mực chuẩn định.

Trên đây, lấy theo năm nghĩa để định quyết về Trung biên, có thể dùng để xét soi đó. Ngoài ra như đầu thời nhà Tùy có Sa-môn Thích Linh Dụ ở Ngụy Quận có nghị thuật về Thánh tích vậy.

CHƯƠNG IV: DI TÍCH

Từ thời nhà Hán đến thời tiền Đường, những người sang Ấn Độ trong đó Đạo chúng lắm nhiều chưa thể nói hết, như sự ghi chép ở sau. Vả lại y cứ ngay trong thời tiền Đường, năm trước sứ giả đã đi thì có ba đường. Y cứ theo đường đủ trải qua trông thấy các Di tích thì nay đây theo tuần tự mà trình bày.

Đường phía Đông theo hướng Tây bắc của Hà Châu vượt qua sông lớn lên đánh núi Mạn Thiên gồm 400 dặm đến Thiện Châu, lại theo hướng Tây gần 100 dặm đến Thiện Thành là thuộc địa của Trấn Cổ Châu vậy. Lại theo hướng Tây Nam gần trăm dặm đến Cố thừa phong mạo là xứ Tùy Hồ Thị, lại theo hướng Tây gần 200 dặm đến Thanh Hải, trong biển có núi nhỏ, chu vi biển ấy rộng hơn 700 dặm, theo hướng Tây Nam của biển là đến Thổ-cốc-hồn-nha-trướng, lại theo hướng Tây Nam đến ranh giới của nước ấy tên là Bạch Lan Khương, ranh giới phía Bắc là đến thành Tích Ngư, theo hướng Tây bắc là đến nước Đa-di. Lại theo hướng Tây Nam đến nước Tô-tỳ, theo hướng Tây nam đến nước Cầm. Lại theo hướng Nam hơi lệch về hướng Đông đến nước Thổ Phiên. Lại theo hướng Tây nam đến nước Tiểu Dương Đồng. Lại theo hướng Tây Nam vượt qua ải Đút-thương-khả là biên giới phía Nam nước Thổ Phiên vậy. Lại theo hướng Đông hơi lệch về phía Nam, vượt qua Mạt thượng, thêm ải Tam Tỷ, theo hướng Đông nam đi vào hang, trải qua 13 tầng cấp thêm bay, 19 sạn đạo, lại theo hướng Đông nam hoặc Tây nam, vin cây men lạnh đi đường hoang dã hơn 14 ngày mới đến nước Ni-ba-la thuộc Bắc Ấn Độ (nước ấy cách nước Thổ Phiên khoảng 9000 dặm, giữa đường trong đó, từ Đông Xuyên; Thiện Châu đi hơn trăm dặm, lại theo hướng Bắc đi ra hơn 600 dặm đến Lương Châu. Về hướng Đông các kinh đô 2000 dặm. Từ Lương Châu theo hướng Tây hơi lệch về hướng Bắc cách 470 dặm là đến Cam Châu. Lại theo hướng Tây cách 400 dặm là đến Túc Châu. Lại theo hướng Tây hơi lệch về hướng Bắc cách 75 dặm là đến ải Ngọc môn cũ, ải đó nằm giữa khoảng núi hai phía Nam-bắc, lại theo hướng Tây gần 400 dặm là đến Qua Châu. Lại theo hướng Tây nam vào bãi sa mạc hơn 300 dặm là đến Sa Châu,

lại theo hướng Tây nam vào bãi sa mạc hơn 700 dặm là đến nước Nạp-phiệt-ba xưa cũ tức là Xứ Lũ Lan cũng còn gọi là Thiện Châu. Lại theo hướng Tây nam đi hơn ngàn dặm là đến nước Chiết-ma-đà-na, tức là xứ Thư mật. Lại theo hướng Tây đi hơn 600 dặm là đến nước Đô La xưa cũ, đều là thành quách hoang tàn. Lại theo hướng Tây vào đại Lưu Sa đi hơn 400 dặm là đến cảnh vực phía Đông nước Cù-tát-đát (theo Hán sử thì cho đó là Vu Điền, nơi trấn thú trị vì của nhà Hán trong thời đô hộ, về phía Đông nước đó cách thành Trường An 9. 670 dặm), ải ở đó tên là thành Ni Nhưỡng, người xứ đó tự cho là nước Vu Độn vậy. Chu vi nước đó hơn 4.000 dặm, cát sỏi nhiều hơn một nửa, chùa chiều có hơn trăm ngôi, chư Tăng có khoảng 5.000 vị học theo giáo pháp Đại thừa. Từ ải ấy đến sông Bể Ma cách hơn 200 dặm.

Trong thành Bể-ma có một tôn tượng đứng bằng gỗ Chiên-đàn cao hơn 2 trượng, rất lắm linh dị ánh sáng luôn tỏa phổ. Những người tật bệnh tùy sự thống khổ mà đem vàng mỏng thấp vào trên tượng bèn liền lành khỏi. Tôn tượng ấy vốn ở tại nước Kiêu Thưởng Di, do vua Ổ-đà-diểu-na tạo nên, tôn tượng vượt bay giữa không trung mà đến nước ấy. Về hướng Bắc là thành Hát-lao-lạc-ca có vị La-hán kỳ dị, mọi người thường sang kính lễ, mới đầu vua không tin đem cát bụi tung vãi nơi vị La-hán ấy. Vị La-hán ấy mới báo cùng người kính tin rằng: “Bấy ngày sau cát bụi sẽ tràn đầy khắp thành, sau đó hai ngày mưa vật báu đầy cả đường đi”. Đến đêm của ngày thứ 7 quả nhiên mưa đất bụi đầy thành, lược không để sót người nào, người được báo trước, bèn dự bị làm hàng đất theo lối mà ra. Phía Đông đến Bể ma, tôn tượng ấy cũng đồng đến. Lại có dự ghi rằng: “Đến lúc giáo pháp hoại diệt, tôn tượng ấy sẽ vào Long cung. Thành hát Lao ấy đến nay là gò đồi lớn, vua muốn đào bới vật báu hẳn gặp phải phong biến.”

Lại từ thành Bể-ma theo hướng Tây đi khoảng 330 dặm mới đến Quốc Thành, nơi vua định đô. Theo hướng Nam cách khoảng 10 dặm có một ngôi chùa lớn do Tiên vương dựng tạo. Lại theo hướng Tây nam cách hơn 10 dặm có một ngôi chùa có tôn tượng đứng được ép dẹt bằng vải sợi. Tôn tượng ấy từ nước khuất chi đến. Xưa kia có kẻ bề tôi sang đó kính lễ, khi trở về quê cũ, kẻ bề tôi ấy xa nghĩ nhớ không thôi, tôn tượng ấy ban đêm bèn xuất hiện đến. Kẻ bề tôi đó mới xả thí vườn nhà làm chùa. Từ Đô thành về hướng Tây cách hơn 300 dặm là đến thành Bội-già-di, ở đó có tôn tượng ngôi cao 7 thước, tướng hảo không đâu sánh bằng, trên đầu tôn tượng có bảo quan thường luôn tỏa hiện ánh sáng. Từ Đô thành về hướng Tây cách khoảng 160 dặm, giữa đường chỉ

có bãi sa mạc lớn, chỉ có chuộc những thân mình lớn như con dím, lông sắc màu vàng bạc. Xưa trước Hung Nô đến đánh cướp, vua nguyện cầu chuộc linh ban đêm đến cắn người người ngựa, các thứ binh khí gãy đứt hư hoại, tự nhiên rút chạy lui. Từ Đô thành về hướng Tây cách khoảng năm dặm có một ngôi chùa có Bảo tháp cao hơn năm thước, phần nhiều hay hiện tượng tỏa phóng ánh sáng. Vua cảm được vào trăm viên xá-lợi, vì La-hán dùng tay phải nâng Bảo tháp đặt yên vào trong hộp mới hạ xuống không nghiêng động. Từ Đô thành về hướng Tây nam cách hơn 10 dặm có núi Cù-thất-lăng-già (Trung Hoa gọi là Ngũ Giác), ở đó có ngôi chùa có tôn tượng tỏa hiện ánh sáng. Xưa kia Đức Phật từng đến xứ đó vì các hàng trời người mà giảng pháp, dự ghi dựng lập nước ấy sùng kính cuyên học Đại thừa, trong thạch thất sơn nhám có một vị La-hán nhập diệt tâm định chờ đợi Đức Phật Di Lặc từ thị ra đời. Trước đây khoảng vài trăm năm sườn núi sụp đổ bít lấp cửa ngõ. Biên giới phía Nam nước ấy tiếp liền với nước Đông nữ. Từ Quốc thành theo hướng Tây vượt qua núi hang đi hơn 800 dặm đến nước Chước-cu-ca (tức là trở cừ), cảnh vực phía Nam nước ấy chu vi hơn ngàn dặm, chùa Phật có hơn 10 ngôi, chư Tăng ngoài trăm vị đều học theo giáo pháp Đại thừa. Về phía Nam nước ấy có núi dựng tháp Đa-la, tùng suối xanh mát tốt tươi, Thanh thất sâu lắng, có 3 vị A-la-hán hiệu nhập Diệt Định, râu tóc luôn dài chư Tăng thường cắt cạo. Chư Tăng ở năm xứ Ấn Độ những vị tu hành chứng quả phần nhiều ở tại thất ấy. Lại theo hướng Bắc gần 300 dặm mới đến Đô thành, chu vi Đô thành ấy rộng hơn 10 dặm, núi đồi liền tiếp nhau phụ thuộc gắn liền với hai dòng sông. Lại theo hướng Tây bắc nước đó lên đỉnh núi Đại Sa, vượt qua sông Tỷ Đa cách hơn 500 dặm đến nước Khư Sa (tức là nước Sơ Lặc). Chu vi nước đó rộng hơn ngàn dặm, có khoảng vài trăm ngôi chùa, chư Tăng khoảng vạn vị, đều tập học theo Tiểu thừa Hữu bộ, đất đai xứ đó có nhiều đá sỏi. Ở đó có tập tục người chết ép dầu dẹp mỏng.

Từ đó theo hướng Nam đi trên đường núi đồi hoang dã lấm đá sỏi hơn 500 dặm là đến nước Ô Sát, chu vi nước đó rộng hơn ngàn dặm, chu vi của Đô thành rộng hơn 10 dặm. Về phía Nam gần kề sông Tỷ Đa, dân chúng kính tin Phật pháp, chùa chiền có hơn 10 ngôi, chư Tăng ngàn vị đều tập học theo pháp Tiểu thừa, từ phía Tây Thành đô cách hơn 200 dặm đến núi lớn, trên đỉnh núi có ngôi tháp, vài trăm năm trước, sườn núi tự nhiên sụp đổ, trong đó có một vị Tỳ-kheo nhắm mắt tĩnh tọa, thân hình rất to lớn, râu tóc rũ xuống, che phủ cả mặt vai, vua nước ấy đem đầu tồ đến rưới vào và đánh kiền chùy, vị Tỳ-kheo ấy mở cao mắt trong nhìn

và hỏi rằng: “Thầy của ta là Đức Phật Ca-diếp-ba, đến nay mới nghe là đã nhập Niết-bàn ư?”. Lại hỏi: “Đức Phật Thích-ca đã ra đời chưa?”. Mọi người đáp: “Đã nhập Niết-bàn rồi”. Vị Tỳ-kheo ấy liền bay lên giữa hư không phóng hóa lửa tự thiêu thân. Đất xứ đó sản sinh ra các thứ ngọc trắng đen xanh v. v... Từ Quốc thành theo hướng Tây vượt qua sông lên Thông lãnh, men theo phía Đông sườn núi đi hơn 800 dặm là đến Phước Xá. Xứ đó nằm giữa bốn núi vuông rộng hơn trăm khoảng không có cây cối lớn chỉ có loài cỏ dại, nhân duyên như ở nói riêng.

Lại theo hướng Tây nam vượt Đại Lãnh đến nước Khiết-bàn-đà, chu vi nước đó rộng hơn 2.000 dặm, chu vi thành đô rộng hơn 50 dặm. Phía Bắc là gối lưng với sông Ấy Đa; nơi rất kính tin Phật pháp. Chùa chiền có hơn 10 ngôi, chúng Tăng có hơn 500 vị tu học theo phái Tiểu thừa hữu bộ. Về phía Đông nam nước đó có một thạch thất lớn và có hai cửa, mỗi bên có một vị A-la-hán nhập diệt tâm định đã trải qua hơn 700 năm, râu tóc mọc dài, mỗi năm có người riêng vì đến cắt cạo. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn 300 dặm mới đến Vương đô, về phía Đông nam gần sông Tỷ Đa, núi non tiếp liền. Lại theo hướng Tây hơi lệch về phía Nam leo lên núi. Băng tuyết trải dài hơn 500 dặm mới đến sông Ba-ma-la. Hai phía Đông-tây dài hơn ngàn dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn trăm dặm, hoặc có nơi hẹp không tới 10 dặm, y cứ giữa khoảng Nam bắc của núi Tuyết. Đất thuần muối mặn nhiều đá, cây cỏ hiếm ít, không có người ở. Theo phía Nam của sông vượt qua núi có nước Bát-lộ-la. Sông đó tại trên Đại Thông lãnh, là núi cao nhất trong Thiệm Bộ châu, trong đó có ao Đại Long hai phía Đông-tây dài hơn 300 dặm hai phía Nam-bắc rộng hơn 50 dặm, sản sinh ra trứng lớn. Nước sông ấy theo dòng về hướng Tây chảy đến nước biên giới phía Đông Đạt-ma-tất-đế hợp cùng dòng với sông Phước sông. Nên từ đó trở về hướng Tây các dòng sông đều đổ về hướng Tây. Ở phía Đông phát xuất ra một dòng sông theo hướng Đông bắc chảy về đến biên giới phía Tây nước Khư-sa hợp cùng dòng với sông Tỷ Đa. Từ đó các sông ở phía Đông đều chảy đổ về hướng Đông. Ở phía chánh Nam của ao rồng là ao Vô nhiệt nã, về phía chánh Bắc là sông Thiên Truyền, ngay phía Nam của ao có đỉnh núi lớn lên tên là Bà-la-tê-la hai phía Nam-bắc cách xa nhau ba bốn trăm dặm. Đất ở đó rất cao, về phía Bắc của ao tức là Đại thông lãnh vậy. Theo Thủy kinh nói là: “Cao có thể hơn ngàn dặm, hai bên đều thấp xuống, hai phía Nam-bắc đỉnh núi dựng đứng hàng số rất nhiều có hơn trăm khoản”. Có nhiều núi thông, ven núi nguy hiểm, cây thông sắc màu xanh biếc, nhân lấy đó mà đặt tên vậy. Phía Nam của đỉnh núi là

tiếp liền với núi tuyết, phía Bắc đến sông Thiên Tuyền xa dài khoảng 2.500 dặm, phía Đông đến tận nước Ô Sát, phía Tây tới nước Đạt Hoài dài xa hơn 3.000 dặm. Từ sông ấy theo hướng Tây nam vào núi hiểm hơn 700 dặm là đến nước thương Di, chu vi nước đó 2.600 dặm, đất xứ đô sản sinh giống Thư hoàng. Người dân nước đó kính tin Phật pháp, chỉ có hai ngôi chùa, chư Tăng cũng hiếm ít. Lại theo hướng Bắc vượt qua núi đá lớn nước Đa-ma-tất-đế là đến nước Thi-khí-ni, chi vi nước đó rộng hơn 2.000 dặm, núi đá sỏi tiếp liền với đồng hoang.

Lại theo hướng Nam vượt núi sông đến nước Đạt-ma-thiết-tất-đế (còn gọi là nước Thiết Khẩu, nước Hộ Mật) tức chốn đất xưa cũ của Đổ-hóa-la, tại giữa hai bên núi, hai phía Đông-tây dài rộng 1.500 dặm, hai phía Nam-bắc dài rộng gần 100 dặm, có nơi nhỏ hẹp chưa đến 10 dặm, phía Đông gần đến sông Phược sô, chùa chiền có hơn 10 ngôi, chư Tăng hiếm ít. Tại thành có ngôi chùa có tôn tượng đá phía trên giăng treo lọng tròn bằng vàng đồng, dùng các vật báu trang sức, như có người xoay chuyển quanh thì lọng cũng theo đó xoay chuyển, người dừng nghỉ, lọng cũng dừng yên. Khắp bốn phía là vách tường đá, chẳng thể lường biết cơ sao vậy, có thuyết cho là do sức Thánh tạo nên thế, hoặc có người cho đó là cơ quan bí mật. Lại theo hướng Tây nam lên núi vào hang đi hơn 500 dặm đến nước Quật-lãng-noa, cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi hơn 2.000 dặm, hiếm ít người tin hưởng Phật pháp. Lại theo hướng Tây bắc vượt qua đỉnh núi đi hơn 300 dặm đến nước Dâm-bạc-kiền, cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi rộng lớn 2.000 dặm, đô thành rộng lớn 10 dặm. Lại theo hướng Tây bắc vượt núi hang đi hơn 200 dặm đến nước Bát-đạt-sáng-na cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi rộng hơn 2.000 dặm, Đô thành men trên sườn núi rộng khoảng sáu bảy dặm, có 4 ngôi chùa, chưa Tăng cũng hiếm ít. Cách núi hang về hướng Tây đi hơn 200 dặm đến nước Tứ-ma-đát-la cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi rộng hơn 3.000 dặm, núi sông gần một nửa, có vài mươi thành quách kiên cố. Lại theo hướng Tây vượt qua núi hang đi hơn 300 dặm đến nước Khất-lật-sất-ma cũng là chốn đất xưa cũ. Hai phía Đông-tây rộng hơn ngàn dặm, hai phía Nam-bắc rộng 300 dặm, chu vi đô thành rộng 15 dặm. Lại theo hướng Bắc đến nước Bát-lợi-hạt, cũng là chốn đất xưa cũ, rộng hơn trăm dặm, hai phía Nam-bắc dài rộng hơn 300 dặm, đô thành rộng hơn 20 dặm. Lại từ nước Khất-lật theo hướng Tây vượt qua núi cao vào hàng động, trải qua sông mới kinh thành đi hơn 300 dặm đến nước Mãng-kiền cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi rộng hơn 400 dặm, chu vi đô thành rộng 16 dặm. Theo hướng Bắc vượt qua sông đến nước A-lợi-ni cũng là

chốn đất xưa cũ. Chu vi rộng hơn 300 dặm, men theo hai bên bờ sông Phược xô. Chu vi Đại thành rộng 15 dặm. Theo hướng Đông vượt qua sông đến nước Át-la-hồ, cũng là chốn đất xưa cũ, về phía Bắc gần sông trước, chu vi rộng hơn 200 dặm, chu vi Đại thành rộng 15 dặm.

Lại từ nước Măng Kiện theo hướng Tây đi hơn trăm dặm ra khỏi Thông lãnh, từ đầu hướng Tây men tìm theo núi xuống đến nước Hoạt, cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi rộng hơn 2.000 dặm, chu vi Vương thành hơn 20 dặm. vua nước đó là người Đột Quyết. Từ Thiết môn trở về hướng Tây, các nước nhỏ phần nhiều đều tùy thuộc Đột Quyết, là địa vực bình an, phong tục dân chúng phần nhiều kính tin Phật, chùa chiền có hơn 10 ngôi, chư Tăng khoảng vài trăm vị, tu học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Lại theo hướng Tây đến nước Phược Hạt, chu vi rộng khoảng bốn năm trăm dặm. Lại theo hướng Đông nam vượt qua núi hang và các Thánh đi hơn 300 dặm đến nước Hoạt-tất-đa, cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi nước đó gần ngàn dặm, đô thành rộng hơn 10 dặm, núi nhiều, sông hẹp, rất mực gió lạnh, có 3 ngôi chùa chư Tăng hiếm ít. Lại theo hướng Đông nam vào hang vượt đảnh núi, qua các thành nhỏ đi hơn 400 dặm đến nước An-đát-la-phược cũng là chốn đất xưa cũ, chu vi rộng hơn 3.000 dặm, chu vi vương thành rộng 15 dặm đều thuộc nước Đột Quyết, có 3 ngôi chùa, chư Tăng khoảng vài mươi vị, có một ngôi tháp của A-dục vương, núi đồi liên tiếp nhau, thường luôn rét lạnh, từ đó theo hướng Tây nam lên núi Tuyết lớn đến đầu phía Đông đảnh núi Bà-la-tê-la, đi suốt 3 ngày là đến trên đảnh núi, đứng đó trông nhìn khắp cùng Nam Thiệm Bộ châu, các núi thảy đều thấp nhỏ ở bốn phía. Lại men theo đảnh núi xuống, đi cũng mất ba ngày đến nơi đảnh núi cao với hang hốc quanh co phải đục băng mà vượt qua, theo hướng Tây trái qua biên giới nước Ca-tất-thí và vài mươi thành ấp nhỏ, lại theo hướng Tây nam đi vài mươi dặm mới đến Vương Đô. Lại theo hướng Tây hơi lệch phía Nam đi suốt 1.300 dặm, vượt qua núi sông đến nước Phất-lật-thị-tát-thàng-na, chu vi rộng hơn 2.000 dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn ngàn dặm, chu vi Vương thành hơn 20 dặm, dân chúng rất kính tin Phật pháp.

Từ đó theo hướng Nam đi hơn 500 dặm đến nước Tào-củ-tra (còn gọi là nước Tảo lợi), chu vi hơn 7.000 dặm, chu vi Vương thành rộng hơn 30 dặm, núi sông gần một nửa, có khoảng trăm ngôi chùa, chư Tăng khoảng vài vạn vị đều theo học pháp Đại thừa, có 10 ngôi tháp của A-dục vương, vài mươi ngôi đều thờ trời, rất nhiều ngoại đạo, đất đai thích nghi với loại cây cỏ Uất kim hương, sản sinh các thứ cỏ Hưng-cù,

La-ma. Cảnh vực phía Nam sông Ấn Độ là núi Miêu-na-tứ-la, về phía Đông nam vương thành cách hơn 2.000 dặm đến nước Phật-thích-noa thuộc phía Tây Ấn Độ mới hợp hướng Bắc theo đường phía Nam đến cõi nước Phật. Từ đường ấy vào Ấn Độ, tức từ kinh đô theo hướng Tây bắc đi hơn 3.300 dặm đến Qua Châu. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn 300 dặm đến cửa ải Mạc-hạ-diên-thích, lại theo hướng Tây bắc đi hơn 800 dặm ra khỏi Diên thích đến huyện Nhu Viễn. Lại theo hướng Tây nam đi 160 dặm đến Huyện y, lại theo hướng Tây đi hơn 700 dặm đến huyện Bồ Xương, lại theo hướng Tây đi hơn trăm dặm đến Tây Châu; tức chốn đất xưa cũ của Cao Xương, là nơi trị vì của Nghi hòa Đô úy ở thời nhà Hán. Về sau trở về kinh Vương lánh nạn đến ở đó, nay là thuộc trong bờ cõi canh phòng.

Lại theo hướng Tây đi hơn 700 dặm nước A-kỳ-ni (tức là nước Ô Kỳ) hai phía Đông-tây rộng hơn 600 dặm, chu vi độ thành rộng khoảng sáu bảy dặm. Chùa chiền có hơn 10 ngôi, chư Tăng hơn vài ngàn vị đều học theo pháp Tiểu thừa Thuyết - nhất thiết - hữu bộ. Giới hạnh tinh cần, dùng ăn Tam tịnh nhục. Từ Hắc lãnh ấy, người Hồ đông nhiều quý trọng của cải, khinh tiện lễ nghi, không có lễ kính, vợ chồng Tôn ti tốt xấu đều đồng nhất. Tốt xấu trắng đen đều là phục chế. Lại theo hướng Tây nam đi hơn 200 dặm, vượt qua một núi nhỏ hai sông lớn, men theo đường sông đi hơn 700 dặm đến nước Khuất Chi (tức nước Khâu Tư = Quy Tư), hai phía Đông-tây rộng hơn ngàn dặm, hai phía Nam-bắc rộng 600 dặm, chu vi Vương thành rộng 17 - 18 dặm. Có hơn 100 ngôi chùa, chư Tăng hơn 5.000 vị, đều học theo pháp Tiểu thừa thuyết nhất thiết hữu bộ, cũng ăn dùng tam tịnh nhục, phong tục dân chúng rất kính tin Phật pháp. Dân chúng ở Vương thành dựng tạp tháp tượng nhiều không thể kể hết. Cảnh vực phía Đông trong thành lớn có đền thờ Trời, lúc rông trong ao xuất hiện giao cấu với ngựa cái sinh ra Long câu, lúc mới sinh rất ngang bướng, dần dần điều phục mới đúng giá. Nên người nước đó phần nhiều khéo giỏi điều phục ngựa. Có vị vua gần đây tên là Kim Hoa cảm được thấy rồng cưỡi xe vua, muốn đến lúc cuối đưa roi xúc chạm đến lỗ tai, nhân đó rồng bèn ẩn mất, và vua cùng vợ sinh một con trai mạnh khỏe nhanh nhẹn. vua kéo dắt người nước Đột Quyết đánh dẹp dân chúng thành đô nên khiến hoang tàn. Từ thành đô theo hướng Bắc đi hơn 400 dặm về phía Đông đến chùa chiền Hồ Ly, trong Phật đường có tảng ngọc thạch vuông rộng 2 thước, trên mặt có dấu chân Đức Phật dài một thước tám tấc, rộng sáu tấc, vào những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng. Ngoài cửa phía Tây Vương thành, hai bên

đường đi có những tôn tượng Phật đứng mỗi mỗi cao hơn 90 thước. Ở đó cứ 5 năm một lần lập Đàn thiết hội. Về phía Tây có chùa A-xa-lý-nhi; theo tiếng Trung Hoa gọi đó là chùa Kỳ Đặc. Xưa kia vua ra ngoài lễ bái tham quan Thánh tích. Mẹ và em ở lại giữ, nhân tự cất thế vì đề phòng dèm pha mờ tối. vua rất lấy làm lạ về người em, sau gặp người khỏe mạnh, 500 năm bèn xót thương mà chuộc lại đó, căn lực từ thiện, hình tướng nam tử chợt sinh, bèn không vào vương cung, vua rất lấy làm kỳ đặc, nhân lấy đó mà đặt chùa.

Lại theo hướng Tây, trải qua bãi sa mạc nhỏ đi hơn 600 dặm đến nước Bạt-lục-ca (xưa trước gọi đó là Cô Mặc, còn gọi là Hàm Mặc), hai phía Đông-tây rộng hơn 600 dặm, hai phía Nam-bắc hơn 300 dặm, chu vi Vương thành 50 dặm. Chùa chiền có khoảng vài mươi ngôi, chư Tăng hơn ngàn vị đều học theo pháp Tiểu thừa. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn 300 dặm, vượt qua sỏi đá đến Lăng Sơn tức đầu nguồn phía Bắc Thông lãnh, nước các sông ở đó phần nhiều xuôi chảy về hướng Đông. Theo đường đó đi không được mặc áo đỏ, mang bầu nước và tiếng kêu réo. Nếu có trái phạm thì rồng hay khiến gió bay mưa cát, nếu gặp phần đều bị vùi lấp. Theo đường núi đi về hướng Tây cách hơn 400 dặm đến ao hồ nước trong sạch lớn (còn gọi là Nhiệt hải, cũng gọi là biển muối), chu vi rộng hơn ngàn dặm, hai phía Đông-tây dài, ở bốn phía có núi, người đi đường cầu phước. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn 500 dặm đến thành Tố diệt thủy, chu vi rộng khoảng sáu bảy dặm, thương nhân người Hồ sống lẫn lộn, từ đó trở về hướng Tây có khoảng vài mươi thành đơn độc cũng vậy. Lại theo hướng Tây đi hơn 400 dặm là đến Thiên Tuyền, nước suối tuôn đổ rất nhiều lan rộng ra vuông hơn 200 dặm, mặt phía Nam là núi Tuyết duỗi xuống ba thêm cấp bằng phẳng. Lại theo hướng Tây đi khoảng 150 dặm đến thành Đát-la-tư, lại theo hướng Tây nam đi hơn 200 dặm đến Thành cung kính.

Lại theo hướng Nam đi 50 dặm đến nước Nô-xích-kiến, chu vi rộng hơn ngàn dặm. Lại theo hướng Tây đi hơn 200 dặm đến nước Giả Thời (Trung Hoa gọi là nước Thạch) chu vi rộng hơn ngàn dặm phía Tây gần sông Tố Diệp. Lại theo hướng Đông nam đi hơn ngàn dặm đến nước Tưng Hãn, chu vi rộng hơn 4.000 dặm, núi bao bọc khắp bốn phía. Lại theo hướng Tây đi hơn ngàn dặm đến nước Tất-đồ-lợi-sắt-na, chu vi rộng 1.400 dặm về phía Đông gần sông Tố diệt. Sông Tố Diệp đổ dòng nước ra phía Bắc Thông lãnh. Dòng phía tây Bắc lại chảy về phía Tây bắc vào bãi sa mạc lớn, đi khoảng hơn 500 dặm là đến nước Táp-mạc-kiến (Trung Hoa gọi là nước Khương, chu vi rộng hơn 1.600 dặm, hai

phía Nam-bắc nhỏ hẹp. Chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm là nơi rất mực hiểm trở kiên cố. Từ đó theo hướng Đông nam đi đến nước Nhị-mạc-hạ (tức là nước Mễ). Chu vi vây quanh khoảng bốn năm trăm dặm, hai phía Đông-tây nhỏ hẹp. Lại theo hướng Tây bắc đến nước Kiếp-bố-thư-na (tức là nước Tào) chu vi chu vi rộng một ngàn bốn năm trăm dặm, hai phía Đông-tây rất dài, lại theo hướng Tây đi hơn 300 dặm đến nước Khuất-sương-nị-la (tức là nước Hà), chu vi đồng như nước Tào mà hai phía Đông-tây nhỏ hẹp. Lại theo hướng Tây đi hơn 200 dặm đến nước Hát Hãn (tức là nước Đông An) chu vi rộng hơn ngàn dặm.

Lại theo hướng Tây đi hơn 400 dặm đến nước Bộ Hãn (tức là nước Trung An), chu vi hơn 1.700 dặm, hai phía Đông-tây kéo dài. Lại theo hướng Tây đi hơn 400 dặm đến nước Phật Địa (tức là nước Tây An) chu vi rộng hơn 400 dặm. Lại theo hướng Tây nam đi hơn 500 dặm đến nước Hóa-lợi-tập-di-khư, dọc theo hai bên bờ sông phước sô hai phía Đông-tây dài khoảng 30 dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn 500 dặm. Lại từ nước Táp-mạc-kiến theo hướng Tây nam đi hơn 300 dặm đến nước Yết-sương-na (tức là nước sử) chu vi rộng khoảng 1.500 dặm. Lại theo hướng Tây nam đi hơn 200 dặm vào núi lớn, đường núi hiểm tuyệt lại thiếu người vật. Lại theo hướng Đông nam đi bằng đường núi hơn 300 dặm đến ải thiết môn hai phía tả hữu toàn vách đá sắc màu như sắt, cửa sắt kiên cố, nơi cánh cửa treo linh khánh hiện còn, tức cửa phía Tây đồn ải của nước Hán vậy. Ra cửa ải Thiết môn tức đến chỗ đất xưa cũ của nước Đổ-hóa-la (xưa trước gọi là nước Thổ Hỏa la), hai phía Nam-bắc rộng hơn ngàn dặm, hai phía Đông-tây dài hơn 3.000 dặm. Phía Đông dân cư đến Thông lãnh, phía Tây tiếp liền với Ba Tư, phía Nam là núi tuyết lớn, phía Bắc y cứ đến Thiết môn, cảnh vực trong sông lớn Phước sô theo dòng chảy về hướng Tây, trong đó tự phân thành 27 nước. Hàng năm bắt đầu từ ngày 17 tháng 12, chư Tăng an cư, do vì xứ đó ấm nóng nhiều mưa nên vậy. Dọc theo dòng sông về hướng Bắc đến nước Đát-mật, hai phía Đông-tây dài hơn 600 dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn 400 dặm. Chu vi Vương thành rộng hơn 20 dặm. Có 10 ngôi chùa, chư Tăng ngoài ngàn vị. Có Tất-đổ-ba (tức là tên khác xưa trước của Tháp như gọi là Thâu Bà v. v...) tôn tượng Phật rất linh dị. Lại theo hướng Đông đến nước Xích-ngạc-diễn-na, hai phía Đông-tây rộng hơn 400 dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn 500 dặm. Chu vi Vương thành rộng hơn 10 dặm, có 5 ngôi chùa, chư Tăng hiếm ít. Lại theo hướng Đông đến nước Nhẫn-lộ-ma, hai phía Đông-tây rộng hơn trăm dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn 300 dặm. Chu vi vương thành rộng hơn 16 - 17 dặm. Có hai ngôi chùa,

chư Tăng đông hơn trăm vị. Theo hướng Đông đến nước Thâu mạn, hai phía Đông-tây dài hơn 400 dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn trăm dặm, chu vi Vương thành rộng hơn 10 dặm. Có hai ngôi chùa chư Tăng cũng không đông nhiều. Về phía Tây nam gần sông Phược sô, thuận tiện đến nước Cúc-hòa-diễn-na, hai phía Đông-tây rộng hơn 200 dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn 300 dặm. Vương thành rộng hơn 10 dặm. Có 3 ngôi chùa, chư Tăng có hơn trăm vị. Lại theo hướng Đông đến nước Hoàng sa, hai phía Đông-tây rộng hơn 300 dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn 500 dặm, chu vi Vương Thành rộng khoảng 16 - 17 dặm.

Lại theo hướng Đông đến nước Kha-đốt-la, nước ấy dài rộng có hơn ngàn dặm, chu vi Vương thành hơn 20 dặm. Theo hướng Đông tiếp liền với Thông lãnh đến nước Câu-mê-đà, hai phía Đông-tây dài hơn 2.000 dặm, hai phía Nam-bắc rộng cũng hơn 2.000 dặm, y cứ trong Đại Thông lãnh, chu vi Vương thành rộng hơn 20 dặm, về phía Tây nam gần sông Phược sô, phía Nam nước ấy tiếp liền với nước Thi-khí-ni, phía Nam vượt qua sông ấy đến các nước Đạt-ma-tất-đế v. v... giữa đường như trước nêu dẫn. Lại từ thiết môn theo hướng Nam hơi lệch về phía Đông đi hơn 500 dặm đến nước (Phược hát) còn một đường từ phía Tây nam nước Câu Mê đến nước Phược-già-lăng, hai phía Đông-tây rộng hơn 50 dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn 200 dặm, đô thành rộng hơn 10 dặm. Lại theo hướng nam đến nước Hột-lộ-tất-mãn-kiện, chu vi nước ấy rộng hơn ngàn dặm, chu vi Đô thành rộng 15 dặm. Lại theo hướng Tây bắc đến nước Nhãn Lãm, chu vi rộng hơn 800 dặm. Chu vi Đô thành rộng hơn 15 dặm, có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng khoảng 500 vị. Lại theo hướng Tây đến nước Phược-hát, hai phía Đông-tây dài hơn 800 dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn 400 dặm, về phía Bắc gần sông Phược sô. Chu vi Vương thành hơn 20 dặm, thuần phong mỹ tục nước ấy được xưng gọi là Tiểu vương xá thành, chùa chiền có hơn trăm ngôi, chư Tăng có hơn 2000 vị đều học pháp Tiểu thừa. Về phía Tây nam ngoài Vương thành có chùa Nạp Phược (Trung Hoa gọi là chùa Tân) nằm ở phía Bắc núi Tuyết. Các Pháp sư làm luận tán tụng chùa ấy, cơ nghiệp không sụp đổ, tôn tượng được đắp bằng các trân báu ánh ngời, có tượng Tỳ Sa-môn bảo vệ chung quanh. Có khí hộ người Đột Quyết muốn đánh phá chùa ấy cướp lấy các vật báu. Kéo quân lính đến ở bên cạnh chùa, ban đêm mộng thấy Thiên vương nắm mác dài đâm xuyên hàng ngực, run sợ toát mồ hôi, quả tim đau nhói, nhân đó bèn chết. Trong nhà chùa có bồn Phật tắm rửa có thể chứa đựng hơn một thặng nước, màu sắc xen tạp ánh ngời khó thể gọi là vàng hay đá. Lại có chiếc răng của Đức Phật dài

hơn một tấc, rộng tám chín phân, sắc màu vàng trắng mà sáng sạch, lại có cải chổi Đức Phật quét dùng làm bằng cỏ ca xa dài hơn 2 thước, lớn khoảng 7 tấc, dùng các vật báu tạp để làm cán. Đến những ngày trai, ba vật ấy do cảm pháp tục nên tỏa phóng ánh sáng lớn, có phù đồ lớn cao hơn 200 thước, dùng chất Kim cang để đắp thép và các vật báu để trang nghiêm đó. Lại có xá-lợi của Đức Phật có lúc tỏa phóng ánh sáng thần, lại có các vị A-la-hán nhập Niết-bàn thị hiện sức thần mà dựng lập tháp. Tuy có những vị đã chứng quả mà không thị hiện thần thông nên không dựng lập tháp. Về phía Tây Bắc của Vương thành cách khoảng hơn 50 dặm có thành Đề Vị, về phía chánh Bắc của Vương thành cách hơn 40 dặm có thành Ba lợi, mỗi nơi đều có phù đồ cao hơn 3 trượng tức Đức Phật Thích-ca mở đầu hiến dâng ban miếu, trưởng giả dựng lập để phụng thờ tóc và móng tay. Lại có y Tăng-già-chi, Tăng-tức-kỳ, lại che phủ bình bát, chống dựng tích trượng, theo thứ tự mà bày số, nghi thức dựng lập tháp, khiến y cứ theo đó mà tạo dựng. Về phía Tây của Vương thành cách khoảng 70 dặm có ngôi Phù đồ dựng lập từ thời Đức Phật Ca-diếp-ba cao hơn 2 trượng. Lại từ Đại thành theo hướng Tây nam vào núi Tuyết đi bằng đường sông hơn 30 dặm đến nước Du-mạc-đà, hai phía Đông-tây dài hơn năm sáu trăm dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn trăm dặm. Chu vi Vương thành rộng hơn 10 dặm.

Lại theo hướng Tây nam đi 300 dặm đến nước Hồ Thật Kiến, hai phía Đông-tây rộng hơn 500 dặm, hai phía Nam-bắc dài hơn ngàn dặm, chu vi Vương thành rộng hơn 20 dặm có nhiều núi sông. Lại theo hướng Tây bắc đến nước Đát-thích-kiện, hai phía Đông-nam rộng hơn 500 dặm, chu vi Vương thành rộng hơn 10 dặm, phía Tây tiếp liền ranh giới của nước Ba-thích-tư. Lại từ nước Phược hát theo hướng Đông đến nước Nhẫn Lãm, từ đó theo hướng Đông nam đến nước Hột-lộ-tất-mãn-kiện cách xa hơn ngàn dặm. Từ đó về phía Bắc gần nước Phược-già-lãng, hai phía Đông-tây rộng hơn 50 dặm, về phía Đông Bắc nước đó tiếp liền với nước Hoạt. Lại từ nước Phược-hát theo hướng Nam đi hơn trăm dặm đến nước yết chức, hai phía Đông-tây dài hơn 500 dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn 300 dặm, chu vi Đô thành rộng khoảng 5 dặm, có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hơn 300 vị đều tu học theo pháp Tiểu thừa, nước đó gò đồi liền tiếp nhau theo hướng Đông nam vào núi tuyết lớn, cách hơn 600 dặm ra khỏi chốn đất xưa cũ của nước Đổ-hóa-la. Lại đến nước Phạm-diễn-na, hai phía Đông-tây dài hơn 2.000 dặm, hai phía Nam-bắc rộng hơn 300 dặm, Đô thành tại trong núi tuyết y cứ nơi hàng núi hiểm trở, có khoảng vài mươi ngôi chùa, chư Tăng khoảng vài ngàn vị, đều

học theo pháp Tiểu thừa xuất thế bộ. Về phía Đông bắc Vương thành là núi sông có tôn tượng Phật bằng đá lớn cao 150 thước, dùng các chất vàng vật báu để trang nghiêm. Lại về phía Đông bên tả của chùa có tôn Đức Phật Thích-ca đứng bằng đá thau cao hơn trăm thước phân thân riêng chú đức hợp thành, dựng lập ở phía Đông của Thành cách khoảng 3 dặm. Tại chùa có tôn tượng đắp họa Đức Phật nằm nhập Niết-bàn dài hơn ngàn thước cũng dùng bằng các chất vàng báu để trang nghiêm. Về phía Đông nam cách hơn 200 dặm vượt qua phía Đông núi tuyết lớn có ngôi chùa có chiếc răng của Đức Phật và răng của vị Độc giác ở thời sơ kiếp dài hơn 5 tấc rộng gần 4 tấc, lại chiếc răng của Kim luân vương dài ba tấc rộng 2 tấc, lại có bình bát bằng sắt của Đại A-la-hán Thương-nặc-ca-phước-bà (tức Tôn giả Thương-na-hòa-tu vị Tổ sư được phú pháp tạng thứ 3) có thể chứa đựng 9 tháng, và pháp y Tăng-già-chi 9 điều sắc màu rắng đỏ, dùng bằng da cỏ thiết nặc tích tập thành. Các đời trước đến giải hạ tự tứ mang có ấy ra bố thí, do phước lực của chúng Tăng khắp cùng, 500 thân trung ấn sống thường mặc đó, từ trong bào thai cùng ra bèn theo thân mà lớn. Tôn giả A-nan lui được độ, biến làm pháp phục, từ lúc thọ giới Cụ túc trở về sau lại biến thành y 9 điều, còn chiếc răng, bình bát v. v... đều cùng chất vàng phong bít, vị La-hán chứng diệt nhập biên tế định, do sức trí nguyện nên lưu giữ pháp y ca sa đợi đến lúc di pháp diệt hết mới biến hoại, nay đã có sự hư tổn phần nào, tin thật có chứng nghiệm vậy. Từ núi tuyết lớn theo hướng Đông vào sông đầm nhỏ vào núi tuyết, vượt qua Hắc lãnh đến nước Ca-tất-thí chu vi rộng lớn hơn 4.000 dặm, phía Bắc gối lưng núi tuyết duỗi ba đường Hắc lãnh, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm, chùa chiền có hơn trăm ngôi chư Tăng hơn 6.000 vị, phần nhiều học theo giáo pháp Đại thừa. vua nước ấy kính tin Tam bảo, mỗi năm tạo tôn tượng Phật cao tượng tám bằng bạc tự tu tạo cúng dường. Đền thờ trời có vài mươi ngôi, các hàng vị Đạo có hơn ngàn người. Từ Vương thành về phía Đông đi cách 3 dặm đến hướng Bắc xuống núi, có chùa lớn Phật viện, phía Nam Đông môn có tượng Đại thần vương, dưới chân phải có kho tàng báu lớn, gần đây có vị vua xứ khác muốn xua đuổi chư Tăng để đào bới đó, từ trong mũ thần tượng chim oanh vũ phẩn phát tung bay kêu hót, quả đất chấn động, vua quân đều ngã té, đứng dậy sám tạ mà trở về. Trên đỉnh núi phía Bắc chùa có vài Thạch thất cũng có nhiều kho tàng quý báu, như người muốn gian tà, thần Dược-xoa liền biến thành Sư tử, răntrùng hiện đến quấy động sân tức đó. Về phía Tây Thạch thất cách khoảng ba dặm trên đỉnh núi lớn có Tôn tượng Bồ-tát

Quán Tự Tại. Nếu người chí thành cầu nguyện thì tôn tượng hần hiện Diệu thân dạy răn úy an hành giả. Về phía Đông nam của Thành cách hơn 30 dặm có chùa Hạt-la-hổ-la do vị Đại thần tạo dựng nên đặt gọi tên như vậy. Có Phù đồ cao hơn trăm thước. Xin trước ban đêm Đại thần mộng thấy khiến tạo Phù đồ nên đến nơi vua cũng thỉnh xá-lợi. Đến sáng sớm vua vào cung, có người mang bình xá-lợi. Đại thần lưu giữ xá-lợi lại, bảo người ấy vào trước và liền mang bình vào trong tháp, nắm bát tự mở, đặt trí xá-lợi xong, vua sai kẻ sứ đuổi theo tìm đến thì Đá đã hợp lại. Đến những ngày trai thì tỏa phóng ánh sáng soi chiếu ngoài hắc du, ban đêm nghe có tiếng âm nhạc. Về phía Tây bắc của thành cách hơn 200 dặm trên đỉnh núi Tuyết lớn có ao rộng, nên ngay dưới núi vì rộng mà dựng lập chùa, trong tháp có xá-lợi cốt thịt của Đức Phật nhiều hơn cả thặng, có lúc khói nổi tỏa, hoặc có lúc như lửa dữ cháy bùng, đến lúc dần tắt mới thấy xá-lợi tướng trạng như châu ngọc sắc trắng nhiều quanh trụ rồi trở lại xuống hang trong tháp. Về phía Tây bắc của thành trên bờ phía Nam sông lớn trong chùa cổ vương có chiếc răng sữa của Đức Phật dài hơn một tấc. Lại từ đó theo hướng Đông nam sang chùa Cổ vương có một mảnh Di cốt đánh đầu của Đức Phật lớn hơn một tấc màu vàng trắng các lỗ chân tóc rõ ràng, tóc của Đức Phật sắc màu xanh cuộn tròn xoay theo phía hữu, kéo ra dài hơn một thước, cuộn lại còn khoảng 1 tấc. Lại nữa, về phía Tây nam chùa Cổ Vương Phi có phù đồ bằng vàng đồng cao hơn trăm thước, xá-lợi của Đức Phật nhiều hơn một thặng. Mỗi tháng vào đêm mười lăm tỏa phóng ánh sáng xoay chuyển cuộn tròn, đến sáng ngày mới thu gọn vào lại trong tháp.

Về phía Tây nam của thành, nên đỉnh núi Tỳ-la-bà-lạc (tức núi Tượng Kiên) xây dựng một ngôi tháp cao hơn trăm thước trên tảng đá lớn, xá-lợi có hơn 1 thặng. Nơi hang suối phía Bắc núi là nơi đạo phẩm nhận cơm cúng dường của sơn thần thọ dụng rồi, súc miệng, tước dương chi (xỉa răng), nhân đó sinh mọc đến nay thành rừng tươi tốt, chùa ấy hiệu là Dương chi. Lại từ ao rộng theo hướng Đông đi hơn 600 dặm, vượt qua núi Tuyết và Hắc lãnh đến ranh giới của Bắc Ấn Độ. Các ấp trước kia đều gọi là nước Hồ, đến đây mới hợp với đường trung gian.

Xứ đó tên là nước Lạ Ba (nhiếp thuộc của Bắc Ấn Độ, vào địa vực của Bà-la-môn ở Thiên Trúc vậy). Cảnh vực của 5 xứ Ấn Độ chu vi hơn 9 vạn dặm, ba mặt vùng ven biển lớn, về phía Bắc gối lưng núi Tuyết, phía Bắc rộng phía Nam hẹp hình như bán nguyệt. Có hơn 70 nước đồng một vương mạng. Nước Lạ Ba ở phía Tây ao Vô nhiệt nảo, tựa các nước Hồ, Hoạt ở phía Bắc. Ở phía Đông nam ba mặt là Hắc

lãnh, phía Bắc ước chừng là núi Tuyết, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm, có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hiếm ít, phần nhiều đều học theo giáo pháp Đại thừa. Có hơn 10 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo đặc biệt lắm nhiều. Từ đó, theo hướng Đông nam vượt qua đỉnh núi lớn sông lớn đến nước Na-già-la-hạt (tức là thành Hoa thị xưa cũ thuộc Bắc Ấn Độ) rộng hơn 600 dặm dài hơn 200 dặm, núi bao bọc bốn phía. Chu vi Đô thành hơn 200 dặm, chùa chiền mà chư Tăng hiếm ít, có 5 ngôi đền thờ trời, Di Đạo có khoảng trăm người. Ở phía Đông Đô thành cách khoảng 2 dặm có tháp đá cao 300 thước, xếp đá làm hang chạm trở điêu khắc khác thường. Đó tức là nơi xưa kia Đức Phật Thích-ca gặp Phật Nhiên Đăng mà trải y da nai và tóc trên bùn để Đức Phật Nhiên Đăng giẫm bước qua, tuy đã trải qua nhiều kiếp mà vẫn hiện còn. Vua vô ưu kính trọng trùng hưng giáo pháp, xây dựng tháp đó ghi nêu lời Minh Chí. Mỗi tháng đến các ngày trai, trời mưa hoa báu, Đại chúng nhóm tập nông xem. Về phía Tây có chùa Phật, tiếp đến phía Nam có Tháp nhỏ đó là nơi che phủ bùn sinh. vua tránh đường lớn bèn dựng lập nhỏ hẹp. Phía trong thành, nền móng xưa cũ của tháp lớn hiện còn. Riêng có ngôi tháp phụng thờ rằng Đức Phật cao hơn 3 trượng, tượng truyền là giữ không trung bay lại, chẳng phải do công sức con người tạo dựng nên, thật nhiều linh dị. Về phía Tây nam của thành cách hơn 10 dặm có ngôi tháp là nói xưa kia Đức Phật Thích-ca từ Trung Ấn Độ bay vượt giữa không trung đến in lại dấu vết. Tiếp theo về hướng Đông có ngôi tháp, tức nói xưa kia Đức Phật Thích-ca gặp Phật Nhiên Đăng mà mua hoa cúng dường. Về phía Đông nam của thành cách hơn 20 dặm trên đỉnh núi đá nhỏ có ngôi tháp cao hơn 200 thước. Về phía Tây nam có khe suối sâu dòng nước tuông đổ vắt treo trên sườn núi như tấm thảm. Nơi vách đá ở bờ phía Đông có hang động lớn là nơi Long vương cư ngụ, cửa đi hẹp tối, là nơi xưa kia Đức Phật đến giáo hóa rồng lưu lại ảnh bóng, rục rờ như hình thật. Những người chí thành cầu thỉnh mới dần hiện rõ. Phía ngoài hang có tảng đá vuông có dấu chân Phật, tướng thiên bức luân tỏa phóng ánh sáng. Về phía Tây bắc của hang có ngôi tháp là nơi xưa kia Đức Phật kinh hành, bên cạnh lại có tháp thờ tóc mong tay, lại có tháp thuyết uẩn giới. Về phía Tây của hang trên tảng đá lớn có đường văn giặt rửa pháp y ca sa. Về phía Đông nam của thành cách hơn 30 dặm có thành Hê-la, bốn phía bao quanh hiểm trở, bên trong có Trùng các, phía trên tôn thờ cốt xương đỉnh đầu Đức Phật, chu vi rộng một thước hai tấc sắc màu vàng trắng, lỗ chân tóc rõ ràng. Như người muốn biết được thiện ác dùng bột hương in vào đó tức liền tùy tâm mà

hiện. Có đầu lâu Đức Phật tướng trạng như lá sen, sắc màu đồng như cốt xương đánh đầu, có tròng mắt Phật lớn như trái táo. Sắc màu trắng sạch ánh ngời, và ngôi tháp nhỏ bảy báu đầy ba vết tích trước, lại dùng hộp báu để tôn trí mà phụng phất lại, lại có đại y của Đức Phật bằng gìa nhỏ mịn sắc màu vàng đặt trong hộp báu có chút ít tướng trạng hư hoại. Có chiếc tích tượng của Đức Phật dùng bằng sắt trắng làm vòng, gỗ Chiên-đàn làm cán, dùng ống đồng vật báu để tôn trí đó. Gần đây có vị vua cây thế sức lực đem vào trong cung, sau đó bỗng nhiên trở lại như cũ. Nơi 5 thành tích ấy, vua ban sắc 5 người Tịnh hạnh ở đó gìn giữ bảo hộ. Nếu ai cầu muốn được trông xem thì phải đóng thuế một tiền vàng, xin in ấn thuế 5 khoa báu mới trở lại trông xem lễ bái càng nhiều lần. Về phía Tây bắc của Trùng các có ngôi tháp nhỏ mà lăm linh dị, nếu người đưa tay xúc chạm vào liền có tiếng linh khánh báo động.

Từ đó theo hướng Đông nam vào trong hang núi đi hơn 500 dặm đến trước Kiên-đà-la (thuộc Bắc Ấn Độ, hai phía Đông-tây rộng hơn ngàn dặm, dài 800 dặm, ở phía Đông gần sông Tín độ. Chu vi Đô thành rộng hơn 40 dặm, ít chỗ hoang trống, chùa chiền có hơn ngàn ngôi, đền thờ thờ có trăm ngôi, các hàng Di Đạo chung sống lẫn lộn. Bên trong thành về phía Đông bắc có nền cũ và đài tôn thờ bình bát vật báu của Đức Phật đã trải qua vài trăm năm, nay vẫn còn tôn trí cúng dường tại trong vương cung nước Ba Tư. Về phía Đông nam của thành cách khoảng tám chín dặm có cây Tất-bát-la cao hơn trăm thước, cành lá tươi tốt phủ che kín khắp, bốn Đức Phật xưa trước ngôi dưới gốc cây ấy, nay hiện có tôn tượng ngôi. Tương truyền rằng: Chư Phật trong thời Hiền kiếp đều ngồi dưới gốc cây ấy. Xưa kia Đức Phật Thích-ca đến ngồi dưới gốc cây ấy rồi bảo Tôn giả A-nan rằng: “Sau này vua Ca-nị-sắc-ca sẽ nhóm tập cốt thịt của Ta tại đây”. Quả thật về sau vua đến tại phía Nam xây dựng nền móng tháp, chu vi một dặm rưỡi, dùng vàng đồng làm tướng vòng tròn 25 lớp, hoặc có thuyết nói làm 40 tầng cao 550 thước, có một học xá-lợi của Đức Phật, mới đầu có biến hóa người chăn trâu đến nơi rừng tạo tháp nhỏ cao 3 thước, vua vất bỏ đó, mới đến dưới thêm cấp thứ hai của tháp lớn bên cạnh một nửa nền tầng đá hiện tháp nhỏ, những người tật bệnh quy hướng bèn liền lánh khỏi. Trên mặt đá xinh đẹp ở phía Đông tháp lớn, xưa kia có loài kiến sắc màu vàng rờn lớn tợ ngón tay hạt thóc cùng nhau gặm nhấm vách đá nổi hiện đường văn tợ như điêu khắc rồi dùng cát vàng đắp làm hai tôn tượng Đức Phật ngồi kiết già cao bốn thước sáu tấc. Lại ở trên mặt đá xinh đẹp phía Nam họa hình tượng Đức Phật cao tượng sáu. Xưa kia có 2 người nghèo khổ mỗi người cúng thí

một tiền vàng cùng đắp họa một hình tượng Đức Phật, thỉnh cầu ứng hiện thân biến, tôn tượng liền hiện từ ngực trở lên phân làm 2 thân, từ ngực trở xuống hợp làm một hình. Từ đó đi về phía Nam hơn trăm bộ có một tôn tượng Đức Phật bằng đá trắng cao một trượng sáu thước, mặt xoay về phía Bắc tỏa phóng ánh sáng ban đêm xuất hiện đi nhiều quanh tháp. Có bọn giặc cướp muốn đến trộm vật, tôn tượng ấy liền ra nghinh đón, bọn giặc cướp rút lui, tôn tượng trở lại như cũ. Hai bên tháp lớn có hàng trăm ngôi tháp nhỏ do các thầy thợ tài giỏi trang sức rất mực khéo léo, hương hoa âm nhạc thay đổi khác lạ, có các vị Tiên Thánh đi nhiều chung quanh, Đức Phật có dự ghi về tháp lớn ấy rằng: “Phải trải qua 7 lần bị thiêu rụi bảy lần xây dựng lại, Phật pháp mới hủy diệt”. Đến nay đã bị thiêu đốt đến lần thứ ba và hiện đang tạo dựng lại. Về phía Tây có ngôi chùa cũ đều do các vua đời trước tạo dựng nên, là nơi các đại luận sư như Bồ-tát Thế Thân, luận sư Như Ý, Hiệp Tôn giả v. v... tạo luận Tỳ-bà-sa. Về phía Đông bắc chùa ấy cách hơn 50 dặm, vượt qua dòng sông lớn đến thành Bồ-yết-la-phạt-để, chu vi rộng khoảng 14 - 15 dặm. Về phía Đông có ngôi tháp nơi 4 Đức Phật giảng nói pháp do vua Vô Ưu tạo dựng cao vài trăm thước, chạm trổ điêu khắc đường nét hiểm có ở đời. Lại về phía Bắc của Thành cách khoảng 5 dặm có ngôi chùa cũ, về phía Đông có ngôi tháp cao vài trăm thước, tức là nơi Bồ-tát xả thí ngàn con mắt. Lại về phía Đông có một ngôi tháp đá cao hơn trăm thước, mới đầu các vị Phạm thiên Đế-thích dùng các châu ngọc quý báu để trang sức tháp đó, đến lúc Đức Phật diệt độ, các vật báu biến thành vàng thành đá. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn 50 dặm có một ngôi tháp là nơi Đức Phật giáo hóa mẹ con loài quỷ. Lại theo hướng Bắc đi hơn 50 dặm có một ngôi tháp, tức là nơi Bồ-tát Thương-mục-ca (Trung Hoa gọi là Thiểm) bị vua bắn. Lại về hướng Đông nam khoảng 200 dặm là thành Bạt-lỗ-sa. Lại về phía Đông bắc cách hơn 20 dặm là núi Đàn-đa-ạc-ca (tức là Đàn-đặc), trên đỉnh núi có ngôi tháp, là chỗ lầu ẩn của Tu-đạt-noa (tức Thiện Nha) nơi Bà-la-môn đánh hai đứa con trai gái của Thái tử máu đổ thấm nơi đất, nay các cây cỏ ở đó đều đồng sắc màu rắng đỏ. Trên đỉnh núi có Thạch thất là nơi công phu tập hành Thiền định. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn trăm dặm vượt qua núi nhỏ đến núi lớn, về phía Nam có một ngôi chùa tháp. Chư Tăng đều học theo giáo pháp Đại thừa là nơi xưa kia có vô tướng Độc giác Đại tiên bị người nữ nhiễu loạn. Về phía Đông của thành cát cách khoảng 500 dặm có một núi lớn, ở đó có một đền thờ trời lớn. Về phía Đông nam đền ấy cách khoảng 150 dặm đến thành Ô-đạt-ca-hàn-trà, chu vi rộng hơn 20 dặm, phía Nam gần sông

Tín Độ.

Từ phía Bắc thành ấy vượt qua núi đi khoảng 600 dặm đến nước Ô-trương-na (là nước chánh của Bắc Ấn Độ, xưa trước gọi là Ô Trường), núi hang liền tiếp nhau, chu vi khoảng 5.000 dặm, xưa trước là vườn của Luân vương, đất đai thích hợp với loài Uất kim hương, cặp theo sông Tô-bà-tốt-đổ, chu vi vương thành rộng khoảng 14 - 15 dặm. Có 1.400 ngôi chùa, chư Tăng có 18.000 vị đều học theo giáo pháp Đại thừa, nay lắm hoang tàn hiếmthiếu người học giáo nghĩa Đại thừa, bao quát văn sơ lược nghĩa, kinh luật truyền dày gồm có 5 bộ: 1 là pháp Mật bộ, 2 là Hóa địa bộ là Âm Quang bộ, 4 là Thuyết nhất thiết hữu bộ và 5 là Đại chúng bộ. Có hơn 10 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo chung sống lẫn lộn. vua đóng đô tại thành Măng-yết-ly. Từ đó về phía Đông cách khoảng 5 dặm có một ngôi tháp lớn lắm điếm tốt lành, là xưa trước Đức Phật làm bị Tiên nhân nhục bị vua Yết Lợi (Trung Hoa gọi là Đấu tránh) lóc thịt. Về phía Đông Bắc của thành cách 260 dặm vào núi lớn đến suối rồng A-ba-ca, tức là Hà Nguyên xưa trước vậy, mạch nước xuôi dòng về phía Tây nam, suốt mùa xuân hạ đều đóng băng, sớm tối hơi tuyết lan tỏa, xưa kia Đức Phật giáo hóa rồng dữ, dùng chày Kim cang đánh vào sườn núi, rồng khiếp sợ mà quy y cầu xin Phật sẽ tuôn đổ mưa, Đức Phật mới hứa thuận đó, khiến cho mọi người thấu hoạch lương thực. Cứ 12 năm có một lần mưa Thủy tai. Lại nữa, về phía Tây nam ủa suối 30 dặm, trên tảng đá lớn ở bờ sông phía Bắc là nơi Đức Phật nhiếp phục rồng rồi để lại dấu vết nêu bày đó, tùy tâm mọi người mà thấy có dài ngắn. Lại xuôi theo dòng cách hơn 30 dặm có tảng đá nơi Đức Phật tẩy giặt y ca sa đường văn như khắc chạm. Về phía Nam của Thành cách hơn 400 dặm là hàng núi Hê-la, dòng nước chảy ngược lại, trên phía Đông hoa quả xanh tốt cả sườn núi. Hoặc nghe có tiếng âm nhạc văng vẳng, có những tảng đá vuông liền tiếp nhau, đó là nơi xưa kia đạo phẩm nghe nửa bài kệ mà xả thí thân mạng. Về phía Nam của Thành cách hơn 200 dặm, bên cạnh núi lớn có chùa Ma-ha-phạt-na (Trung Hoa gọi là Đại Lâm), là nơi xưa kia Đức Phật làm vua Tát-phước-đạt-la (tức Nhất thiết thí) bị mất nước trốn lánh đất làm người nghèo khổ bị trói buộc đưa đi. Về phía Tây bắc của chùa xuống núi cách hơn 40 dặm có ngôi chùa, tháp cao hơn trăm thước, bên cạnh trên tảng đá vuông có dấu chân Phật luôn tỏa phóng ánh sáng soi chiếu vào chùa, là nơi Đức Phật vì chư thiên mà giảng thuyết về Bản sinh. Phía dưới tháp có tảng đá sắc màu vàng trắng trơn nhẵn, là nơi xưa kia Đức Phật vì nghe pháp mà chẻ cốt xương ghi tả kinh. Lại về hướng Tây cách 70 dặm có ngôi

tháp, là nơi Đức Phật xưa trước làm vua Thi-tỳ-ca lóc thịt thân mình thay thế cho chim Bồ-tát. Lại về hướng Tây cách hơn 200 dặm là sông sang Ni-la-án có chùa Tát-bầu-sát-địa (tức là Xà Dược) có ngôi tháp cao 80 thước, là nơi xưa kia Đức Phật làm thân Đế-thích làm thân hình rắn lớn ngã té chết để thí cấp cho người khổ đói dịch bệnh. Bên cạnh có tháp Tô-ma, đó là nơi Đức Phật biến thân hóa làm rắn Tô-ma, những người ăn thịt rắn bệnh liền lành hẳn. Ở trên bờ phía Bắc dòng sông có ngôi tháp, người bệnh đến nguyện cầu nhiều kẻ được lành mạnh. Lại nữa, bên cạnh có dòng suối nước tuôn trào, là nơi xưa kia Đức Phật làm chim khổng tước chừa bữa mổ ra dùng để cứu người bệnh. Về phía Tây nam của thành cách 70 dặm ở phía Đông của dòng sông lớn có ngôi tháp cao 60 thước do vua Ốt-đất-la-tê-na (Trung Hoa gọi là Thượng Quân) tạo dựng, Đức Phật bảo đem xá-lợi cho vua phân chia tại bờ sông mà dựng lập tháp, vua dùng Bách tượng mang chở về. Bách tượng bàn hóa thành đá. Từ Thành về phía Tây cách hơn 50 dặm, vượt qua sông lớn có tháp Lô-hê-đát-ca cao hơn 50 thước, là nơi xưa kia Đức Phật làm vua Từ Lực chích máu cho 5 Dược-xoa uống. Về phía Đông bắc của thành cách 30 dặm có Tháp đá Át-bộ-đa (Trung Hoa gọi là Kỳ Đặc) cao 40 thước là nơi xưa kia Đức Phật vì người trời mà giảng pháp, tháp ấy từ đất xuất hiện ra đến nay 40 dặm có chùa Tinh xá, có tôn tượng Bồ-tát A-phước-chỉ-chỉ-y-thấp-phạt-la (tức là Quan Thế Âm) linh cảm soi chiếu đến tận phương xa. Từ đó về phía Tây cách 150 dặm trên đỉnh núi có ao rộng chu vi rộng hơn 30 dặm. Từ Vương thành về phía Đông Bắc vượt qua núi hang ngược lên sông Tín Độ, đi đường bộ rất hiểm trở phải nương cầu dây cọc móc từng bước men lên, qua hơn ngàn dặm mới đến sông Đạt-lệ-la, tức đô thành xưa cũ của Ô-trượng-na, trong ngôi chùa lớn có khắc chạm tôn tượng Bồ-tát Mộc-mai-đát-lệ-da (xưa trước gọi là Di Lạc, Trung Hoa gọi là Từ Thị) sắc màu vàng ròng ngời sáng cao hơn trăm thước, do A-la-hán Mạc-điền-chỉ-la (tức là Mạc-điền-địa) tu tạo nên, vận dụng sức thần thông dẫn đưa các người thợ tài giỏi lên trên cung trời Đổ-sử-la (tức là Đâu suất), ba lần lên xuống trông xem hình tướng của Bồ-tát mới tạo thành tự tượng hải ấy. Từ khi có tôn tượng ấy, Phật pháp mới lưu truyền đến phương Đông.

Lại theo hướng Đông vượt qua đỉnh núi đi ngược dòng sông Tín độ, giã trái mọi hiểm trở, qua cầu bay, đi hơn 500 dặm, vượt qua dòng sông, lại theo hướng Đông vượt qua sông Phước-sô lên trên hiểm nguy mới đến nước Bát-lộ-la, chu vi rộng 4.000 dặm nằm trong núi tuyết lớn, hai phía Đông-tây rất dài, chùa chiền có vài trăm ngôi, chư Tăng có vài

ngàn vị, các sư học, giới hạnh phần nhiều xen lạp, nước đó chẳng thuộc sự thống ngự của Ấn Độ, có nhiều băng tuyết, đất đai sản sinh ra vòng sắc màu như lửa, phía Bắc đối diện với đỉnh núi lớn Bà-la-tê-la. Trở lại phía Nam thành Ô-đạt-ca nước Kiên-đà-là sông Tín độ, hai phía Đông-tây dài 4 dặm, dòng nước xuôi chảy về phía Tây nam, trong lũng như gương soi. Có rồng độc thú dữ ở trong hạng động, như có người mang theo xá-lợi hoặc hoa báu qua sông, phần nhiều ghe thuyền đều bị đắm chìm. Từ sông Tín độ đến nước Đát-xoa-thỉ-la (thuộc Bắc Ấn Độ) chu vi rộng hơn 2.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm, chùa chiền lắm nhiều mà chư Tăng thiếu ít, đều thọ học theo giáo nghĩa Đại thừa. Về phía Tây bắc của thành có ao rộng Y-bát-la, chu vi rộng hơn trăm bộ, về phía Đông nam của ao cách 30 dặm, giữa khoảng hai bên sườn núi có ngôi tháp cao hơn 100 thước, xưa trước Đức Phật dự ghi cho Đức Từ Thị xuất hiện ra đời, trong bến Đại tạng, nơi đó lưu xuất một tạng, nên có chấn động, chu vi xứ đó rộng khoảng năm bộ, chưa từng có một chút lay động. Như có muốn phát, đất liền chấn động, con người ngã té. Từ thành về phía Bắc cách 12 dặm có một ngôi tháp, đến những ngày trai trường luôn tỏa phóng ánh sáng thần, có cả hoa tiên, nhạc trời. Gần đây có người mắc bệnh phong hủi đi đến nơi tháp lễ bái sám hối, khi trừ cấu uế, bôi thoa hương thơm, không bao lâu bệnh được lành hẳn, thân thể trở lại sạch sẽ thơm tho. Đó là nơi xưa kia Đức Phật làm vua Chiến-đạt-la-bát-thích-bà (Trung Ha gọi là Nguyệt Quang) đem đầu mà xả thí, phàm đã trải qua ngàn lần xả thí nơi tháp đó, nên xưng gọi tháp đó tên là Nguyệt Quang vậy. Về phía Đông nam của thành, trên núi có ngôi tháp cao 10 trượng, lúc vua Quyết mục trị vì tại đó, vua A-dục tạo dựng nên vậy.

Lại theo hướng Đông nam vượt qua núi hàng cách hơn 700 dặm đến nước Tăng-già-bổ-la (thuộc bắc Ấn Độ) chu vi rộng 3.500 dặm, phía Tây gần sông Tín độ, chu vi thành lớn rộng khoảng 14 - 15 dặm, về phía Đông của thành cách 50 dặm có ngôi tháp đá cao hơn 20 trượng, là nơi Đức Phật đã từng đến, có hơn 10 cái ao cong, hoa sen bốn màu tràn đầy trong đó. Từ đó về hướng Nam trở ngược đến biên giới phía Bắc nước Đát-xoa-thỉ-la, men theo sông Tín độ về hướng Đông đi hơn 200 dặm vượt qua cửa đá lớn là nơi Vương tử Ma-ha-tát-đỏa xả thân để cứu hổ đói. Ở phía Đông có ngôi chùa, chư Tăng khoảng hơn trăm vị. Lại theo hướng Nam đi khoảng 150 dặm có ngôi tháp đá là nơi Vương tử Tát Đỏa dùng tre đâm chính máu cho thú vật ăn, đất và cây cỏ ở đó đến nay hiện còn sắc màu rắng đỏ. Tiếp đến phía Bắc có ngôi tháp đá cao

hơn 20 trượng, thường luôn tỏa phóng ánh sáng khai mở đức tin, những người tật bệnh quy hướng, phần nhiều được lành mạnh. Lại theo hướng Đông đi hơn 50 dặm đến Cô Sơn có ngôi chùa, tháp cao hơn 200 thước. Tầng chúng có 200 vị đều thọ học giáo pháp Đại thừa, là nói xưa kia Đức Phật giáo hóa Dục-xoa không ăn thịt. Lại theo hướng Đông nam đi đường núi hơn 500 dặm đến nước Ô-thích-thi (thuộc bắc Ấn Độ), chu vi rộng hơn 2.000 dặm, núi đồi liên tiếp nhau, chu vi Đô thành rộng 18 dặm. Xứ ấy không tin Phật pháp, thuộc Ca-thấp-di-la, có ngôi tháp Phật cao hơn 20 trượng, do vua A-dục tạo dựng, có chùa, chư Tăng thiếu ít, thọ học giáo pháp Đại thừa.

Lại theo hướng Đông nam leo lên núi vượt qua cầu sắt đi hơn ngàn dặm đến nước Ca-thấp-di-la (thuộc Bắc Ấn Độ, xưa trước gọi là nước Kế Tân), chu vi rộng 7.000 dặm, bốn mặt đều tựa vào núi, tuy có cửa đi nhỏ hẹp mà kim thông. Phía Tây của thành gần sông lớn, dài 13 dặm rộng 4 dặm. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng hơn 5.000 vị. Đất đai sản sinh ra rồng giống ngựa, uất kim hỏa châu. Có 4 ngôi tháp, mỗi ngôi có hơn một thăng xá-lợi. Sau Phật nhập Niết-bàn trong trăm năm thứ tư, bảy giờ Hiếp Tôn giả đã 80 tuổi mới xuất gia, chứng đắc vô học dẫn 500 vị A-la-hán đến đó tạo 10 vạn kệ tụng, Ô-ba-đệ-thước-thích-đát-lãm-tạng (tức là dị danh cửa Ưu-ba-đề-xá-luận, Tu-đa-la-tạng), tiếp theo tạo 10 vạn kệ tụng A-tỳ-kiến-ma-luận có 660 vạn lời, giải thích đầy đủ về Tam tạng. Về phía Đông nam của Tân thành cách hơn 10 dặm là phía Bắc cố thành, phía Nam núi lớn có chùa tháp, chư Tăng có 300 vị, có chiếc răng thật dài một tấc rưỡi sắc màu vàng trắng, vào những ngày trai trường tỏa phóng ánh sáng. Lại theo hướng Nam đi khoảng 15 dặm có tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại đứng, nếu người nguyện muốn trông thấy, đoạn thực liền thấy. Về phía Tây bắc của Vương thành cách hơn 200 dặm đến chùa Thương Lâm. Về phía Tây của thành cách 500 dặm là dòng sông lớn, phía Bắc tiếp liền với núi, có ngôi chùa, chư Tăng hơn trăm vị. Từ đó theo hướng Tây nam vượt đi đường núi hơn 700 dặm nước Bán-nê-tha (tức là Kế Tân thuộc Bắc Ấn Độ), chu vi rộng hơn 2.000 dặm, có 5 ngôi chùa, lắm nhiều núi sông.

Từ đó, về phía Đông nam đi hơn 400 dặm đến nước Át-la-xà-bổ (là nước hoang phục, chẳng phải chánh Bắc Ấn Độ), chu vi rộng hơn 4.000 dặm, chu vi Đô thành hơn 10 dặm, có 10 ngôi chùa, chư Tăng hiếm ít có một ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo đông nhiều. Từ nước Lạm Ba đến đây hình thể bỉ bạch chẳng phải chánh cảnh của Ấn Độ. Từ đó xuống núi theo hướng Đông nam mà đi đều là sông lớn dài

xa không bờ mé, chỉ lấy dòng sông phân làm ranh giới biên bộ của các nước, tuy có núi nhỏ nhưng đều đứng đơn lẻ. Từ đó về hướng Bắc tiếp liền với núi tuyết, phía Đông đến tận Thần Châu, chương bộ trở về hướng Nam đến núi tuyết. Căn cứ núi này cũng là trấn địa lớn của Thiệm bộ châu, từ thành ấy về phía Đông nam xuống dần bằng phẳng, vượt đi đường sông hơn 700 dặm đến nước Trách Ca (thuộc Bắc Ấn Độ) chu vi rộng hơn vạn dặm, phía Đông y cứ sông Tỳ-bà-xa, phía Tây gần sông Tín độ, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, tập tục ít tin Phật pháp, phần nhiều phụng thờ trời thần, có hơn 10 ngôi chùa, đền thờ Trời có đến hàng trăm ngôi. Về phía Tây nam của Thành cách 15 dặm là thành Xa-yết-la xưa cũ, chùa tháp cao hơn 20 trượng, nơi xưa kia bốn Đức Phật giảng nói pháp, kinh hành. Lại về hướng Tây bắc cách khoảng 6 dặm có ngôi tháp cao hơn 20 trượng cũng là nơi bốn Đức Phật giảng nói pháp. Về phía Đông bắc của Tân thành đô cách hơn 10 dặm có ngôi tháp đá cao hơn 20 trượng có nhiều xá-lợi, vào những ngày trai trường tỏa phóng ánh sáng.

Từ đó đi về hướng Đông hơn 500 dặm đến nước Na-bộc-đế (thuộc bắc Ấn Độ) chu vi rộng hơn 2.000 dặm, chu vi Đô thành rộng khoảng 14-15 dặm, có 10 ngôi chùa, 8 ngôi đền thờ trời, tháp thờ xá-lợi Phật có trăm ngàn ngôi và Thạch thất v. v... chư Tăng có 300 vị đều học theo Tiểu thừa Thuyết hữu bộ, đức hạnh thanh cao, rộng thông tiểu học, ngàn Đức Phật trong thời Hiền kiếp đều giảng nói pháp ấy. Sau khi Đức Phật Thích-ca nhập Niết-bàn trong trăm năm thứ ba, Tôn giả Ca-đa-diễn-na (Ca-chiên-diên) đến đó tạo phát trí luận, chùa tháp cao hơn 20 trượng, có chỗ vẽ tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền. Từ đó về hướng Đông đi 150 dặm đến nước Xà-lạn-đạt-na (thuộc Bắc Ấn Độ), hai phía Đông-tây dài hơn ngàn dặm, hai phía Nam-bắc rộng 600 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm. Có 50 ngôi chùa, chư Tăng hơn 5.000 vị, tùy học Đại thừa Tiểu thừa chuyên môn, có ba ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo có 500 vị. Từ đó về phía Đông bắc vượt núi hơn 700 dặm đến nước Khuất-lộ-đa-la (thuộc Bắc Ấn Độ), núi bao bọc khắp bốn phía, chu vi Đô thành khoảng 14-15 dặm. Có hơn 20 ngôi chùa, chư Tăng hơn ngàn vị phần nhiều thọ học theo giáo pháp Đại thừa, có 15 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn, lưu xuất hỏa châu mưa đá, tục anh thả... trong thành có ngôi tháp ghi là Đức Phật từng đến đó giảng pháp. Từ đó theo hướng Bắc đi gần 2.000 dặm bằng đường núi nguy hiểm đến nước Lạc-hộ-la (thuộc Bắc Ấn Độ). Lại theo hướng Bắc đi đường núi hơn 2.000 dặm, tuyết lạnh rất lắm, đến nước Mạc-la-bà

(còn gọi là Tam-ba-ha, chẳng nhiếp thuộc Bắc Ấn Độ). Lại từ Quặc-lô-la theo hướng Nam đi hơn 700 dặm trèo qua núi lội qua sông đến nước Thiết-đa-đồ-lô (thuộc Bắc Ấn Độ) chu vi rộng hơn 2.000 dặm, phía Tây gần sông lớn, chu vi Đô thành rộng 17-18 dặm, xứ đó Phật pháp rất hưng thịnh, trong và ngoài thành có 10 ngôi chùa, chư Tăng cũng thiếu ít. Từ thành về hướng Đông cách dặm có ngôi tháp cao 20 trượng do vua A-dục tạo dựng nên, bên cạnh có vết tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền. Từ đó theo hướng Đông nam đi hơn 800 dặm đến nước Ba-ly-đạt-đát-la (vào Trung Ấn Độ) chu vi rộng 3.000 dặm, chu vi Đô thành rộng 15 dặm, có 8 ngôi chùa, chư Tăng cũng hiếm thiếu, phong tục tin theo ngoại đạo. Có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo có lưu ngàn vị, xứ đó có giống thóc gieo trồng 60 ngày là thu hoạch.

Từ đó, theo hướng Đông đi hơn 500 dặm đến nước Mạc-thô-la (thuộc Trung Ấn Độ, xưa trước gọi là nước Ma-thâu-la) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, chùa chiền có hơn 20 ngôi, chư Tăng có hơn 2.000 vị, tập học cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có 5 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo chung sống lẫn lộn, đất đai gieo trồng giống Quả Am-một-la, loại nhỏ lúc mới ra sắc xanh lúc chín sắc vàng, loại lớn trước sau đều thuần sắc xanh. Trong thành có 3 ngôi tháp. Di tích của 4 Đức Phật có lắm nhiều, và pháp của các Tôn giả Xá-lợi-tử, Một-đặc-ca-la-tử (Mục Kiền Liên), Mãn-từ-tử (Phú-lâu-na), Ưu-bà-ly (Ưu-ba-ly), A-nan-đà, La-hổ-la, Mạn-thù-thất-lợi v. v... Thường ba tháng trường, 6 thời, chư Tăng ni nhóm tập chúng A-tỳ-đạt-ma cúng dường tháp Tôn giả Xá-lợi-phất, chúng tập định cúng dường tháp Tôn giả Mục Kiền Liên. Chúng tụng kinh cúng dường tháp Tôn giả Mãn-từ-tử. Chúng Tỳ-nại-da cúng dường tháp Tôn giả Ưu-bà-ly. Chúng chư Ni cúng dường tháp Tôn giả A-nan. Chúng chưa thọ giới cụ túc (Sadi) cúng dường tháp Tôn giả La-hổ-la. Chúng Đại thừa cúng dường tháp chư vị Bồ-tát. Tìm xét các pháp ấy chẳng hẳn có di thân, chỉ lập tôn tượng thiết cùng, dùng để tỏ bày tâm nguyện, như chư vị La-hổ-la, Văn-thù-sư-lợi chưa lấy sự diệt độ thì có thể biết đó. Từ thành về hướng Đông cách khoảng 6 dặm có chùa Sơn Nhại là do Tôn giả Ô-ba-cúc-đa (Trung Hoa dịch nghĩa là Cận Hộ) tạo dựng nên có tháp thờ móng tay của đạo phẩm. Về phía bắc của chùa có Thất Sơn nham cao 2 trượng rộng 3 trượng, có thể nhỏ 4 tấc đặt để ở đó. Gần đây có vợ chồng Hộ đạo cùng chứng quả A-la-hán, đưa một thẻ trái ngược đó chẳng ghi tại nơi thất. Lại nữa, về phía Đông nam của thất cách hơn 20 dặm, bên cạnh ao cạn lớn có ngôi tháp, đạo phẩm từng đến đó có con khỉ bưng mật dâng cúng

Phật. Đức Phật bảo đem hòa với nước cúng dường cả Đại chúng đồng uống. Con khỉ vui mừng nhảy nhót rơi xuống hồ mà chết bèn được thác sinh trong loài người. Trong rừng ở phía bắc của ao, nơi bốn Đức Phật kinh hành có các di tích lớn. Lại theo hướng Đông bắc đi hơn 500 dặm đến nước Tát-đà-nê-thấp-phạt-la (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 7.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Có 3 ngôi chùa, chư Tăng khoảng 700 vị đều tập học giáo nghĩa Tiểu thừa, có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo rất đông nhiều. Về phía Tây bắc cửa thành cách khoảng 4 dặm có ngôi tháp cao hơn 20 trượng, tôn thờ một thẳng xá-lợi. Về phía Nam cửa Thành cách hơn 100 dặm đến nơi chùa Phật.

Lại theo hướng Đông bắc đi hơn trăm dặm đến nước Tát-lục-lặc-na (thuộc Trung nd), chu vi rộng hơn 6.000 dặm, có phần hoang sơ, cảnh vực phía Đông gần sông Khắc-già (tức sông Hằng xưa trước), phía Bắc tiếp giáp với núi lớn, phía Đông nam cửa thành là sông Diêm-mâu-na, sông ấy từ trong núi ở phía Tây bắc nước đó đổ ra cảnh vực giữa nước mà xuôi dòng. Chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, phía Đông gần sông Diêm Mâu, có 5 ngôi chùa, chư Tăng có hơn ngàn vị tập học giáo pháp cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo đông nhiều. Phía Tây dòng sông có ngôi chùa lớn, có ngôi tháp ngoài cửa phía Đông, xưa kia Đức Phật từng đến đó thuyết pháp độ người, bên cạnh đó có tháp thờ tóc móng tay Đức Phật. Từ sông Diêm Mâu về phía Đông hơn 800 dặm là đến nguồn sông Khắc-già rộng khoảng 3-4 dặm xuôi dòng về phía Đông nam đổ vào biển rộng hơn 10 dặm, nước sắc mà xanh thắm, mùi vị ngọt ngon, cát nhỏ mịn theo dòng mà chảy, thế tục tương truyền đó là dòng sông nước phước, người nào tắm gội thì tiêu trừ được tội chướng, hoặc có người xem thường mạng sống mà tự đắm mình cho là được sinh lên trời hưởng thọ phước lạc. Có nơi mà Bồ-tát Đề Bà người nước Tăng-già-la giáo hóa ngoại đạo khiến quy hướng thọ học chánh pháp.

Từ đó vượt qua sông theo hướng Đông đến nước Mạc-đế-bổ-la (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành hơn 20 dặm, xứ ấy không tin Phật pháp mà kính thờ trời. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng khoảng 800 vị, phần nhiều tập học giáo pháp Tiểu thừa. Có hơn 50 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo chung sống xen tạp, cảnh vực phía Tây bắc nước đó là sông Khắc-già, ở bờ phía Đông là thành Ma-du-la chu vi rộng hơn 20 dặm, là xứ sản sinh đá, thau, thủy tinh. Bên cạnh Thành gần sông lớn, có đền thờ trời rất lớn, lắm nhiều oai linh, có ao hồ sắp xếp đá làm bờ, dẫn sông làm bãi. Cả 5 xứ Ấn Độ đều cho là

cửa sông Khắc-già là nơi sinh phước diệt tội, thường có trăm ngàn người đến tắm gội. Từ phía Bắc thành Ma-dụ-la đi hơn 300 dặm đến nước Bà-la-cấp-ma-bổ-la (thuộc Bắc Ấn Độ), chu vi rộng hơn 4.000 dặm, núi bao bọc quanh bốn phía, chu vi Đô thành hơn 20 dặm, có 5 ngôi chùa, chư Tăng thiếu ít, có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo chung sống xen tạp, về phía bắc nước ấy là núi Tuyết lớn có nước Tô-phạt-thích-noa-cù-đát-la (tức là nước kim thị) sản sinh loại vàng ròng trên, hai phía Đông-tây đất dài rộng tức nước Đông nữ, chẳng nhiếp thuộc Ấn Độ, lại liền gọi là nước Đại Dương Hồng, phía Đông tiếp liền Thổ Phiên, phía Tây tiếp liền Tam-ba-ha, phía bắc tiếp liền nước Vu Điền. Nước đó ở đời lấy người nữ làm vua, người nam cũng làm vua nhưng không biết, nên người nam chỉ đi chinh chiến gieo trồng ruộng đồng mà thôi.

Lại từ nước Mạc-đề-bổ-la theo hướng Đông nam đi hơn 400 dặm đến nước Cù-tỳ-sương-na (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 2.000 dặm, Đô thành rộng khoảng 14 -15 dặm. Có hai ngôi chùa, chư Tăng khoảng hơn trăm vị mà tập tục giáo pháp Tiểu thừa, có hơn 30 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo chung sống lộn xộn, thành quách bền chắc cao vợi, bên cạnh thành có ngôi chùa cổ, có tháp cao hơn 20 trượng, xưa kia Đức Phật từng đến nơi đó dừng ở một tháng giảng nói pháp, có hai ngôi tháp thờ móng tay và tóc của Đức Phật cao hơn 1 trượng, bên cạnh có vết tích của bốn đũa Phật ngồi. Lại theo hướng Đông nam đi hơn 400 dặm đến nước Ác-hê-chế-đát-la (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 3.000 dặm, chu vi Đô thành rộng khoảng 17-18 dặm. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hơn ngàn vị tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có 9 người đền thờ trời, phía ngoài bên cạnh ao là nơi Đức Phật vì rồng mà giảng pháp suốt 7 ngày, dựng lập tháp bên cạnh có dấu vết của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền, dựng lập tháp để tán dương đó. Lại theo hướng Nam đi 270 dặm vượt qua sông Khắc-già. Lại theo hướng Tây nam đến nước Tỳ-la-sang-noa (thuộc Trung Ấn Độ), chu vi rộng hơn 2.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm. Xứ đó rất tin ngoại đạo, ít kính Phật pháp. Có 2 ngôi chùa, chư Tăng có 300 vị đều tập học giáo pháp Đại thừa, có 5 ngôi đền thờ trời. Trong Thánh có chùa, tháp cao hơn 10 trượng, xưa kia Đức Phật từng đến nơi đó suốt 7 ngày giảng nói pháp uẩn giới. Vết tích của Đức Phật kinh hành tọa thiền đến nay vẫn hiện còn.

Từ đó, theo hướng Đông nam đi hơn 200 dặm đến nước kiếp Tỷ Tha (thuộc Trung Ấn Độ, xưa trước gọi là nước Tăng-già-xá), chi vi rộng hơn 2.000 dặm, chu vi đô thành rộng hơn 20 dặm. Có 4 ngôi chùa,

chư Tăng có hơn ngàn vị, có 10 ngôi đền thờ trời đồng tôn thờ Đại tự tại thiên, đều tạo tôn tượng trời, tướng trạng như người mà căn hình dài lớn. Người đời không lấy làm việc xấu ác vì đều cho rằng các hàng chúng sinh từ căn trời sinh ra. Từ thành vì hướng Đông cách hơn 20 dặm, trong ngôi chùa lớn chư Tăng khoảng trăm vị, Tịnh nhân có vài vạn người đều làm nhà ở bên cạnh chùa. Trong tường lớn có Thiên đế tạo ba thêm cấp bằng vật báu, thêm cấp ở giữa làm bằng vàng ròng thêm cấp bên tả bằng thủy tinh, thêm cấp bên hữu làm bằng bạc trắng, theo hướng Nam bắc mà bày, mặt phía Đông cắm sâu xuống đất. Đó là nói xưa kia Đức Phật từ rừng Thệ Đa (tức là rừng Kỳ Đà) lên cung trời đến thiện pháp đường vì Thánh mẫu ma gia suốt 3 tháng giảng nói pháp rồi trở xuống. Trăm năm về trước, thêm cấp ấy vẫn còn, đến nay đều ẩn mất dưới đất, về sau có vị vua bắt chước làm theo đó còn cao hơn 70 thước, phía trên dựng lập tinh xá, bên cạnh có trụ đá lóng bóng sáng ngời ảnh hiện, tùy theo tội phước của mỗi người mà trông thấy ảnh hiện trong trụ. vua A-dục dựng lập phù đồ bên cạnh thêm cấp, nơi vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền, nơi Đức Phật tắm rửa đều có dựng lập tháp đều có dựng lập tháp. Ở đó có tinh xà nói Đức Phật nhập thất. Lại bên cạnh nơi Đức Phật kinh hành có nền tảng đá dài 50 bộ cao 7 thước, nơi viết chân giẫm phủ đầu có đường văn hoa sen, hai bên nền tảng có các ngôi tháp nhỏ do các vị Phạm vương tạo dựng. Tiếp theo phía trước là nơi Tỳ-khưu ni Liên-hoa-sắc hóa làm Luân vương đến trông thấy đón Đức Phật trước. Đức Phật bảo Liên-hoa-sắc rằng: “Chẳng phải người là người thấy đón trước, có Tô-bộ-đề (Tu-bồ-đề) an tọa trong thạch thất chứng biết các pháp tánh vốn không nên đã thấy pháp thân ta trước”. Tiếp theo về phía Đông nam có ao hồ, nói rằng ở luôn bảo hộ Thánh tích, không thể khinh thường xem phạm.

Từ đó theo hướng Tây bắc đi gồm 200 dặm đến nước Yết-nhã-cúc-xà (tức thành khúc nữ, thuộc Trung Ấn Độ) chu vi hơn 400 dặm, phía Tây đô thành gồm sông Khắc-già, dài hơn 20 dặm rộng khoảng 4-5 dặm, tà chánh xen lẫn cùng một nửa. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng khoảng vạn vị, thọ học giáo pháp và Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có hơn 200 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo khoảng vài ngàn vị. Đó tức là Thành đô của cả 5 xứ Ấn Độ, vua hiệu là Hy-la-dật-đa (tức là giới Nhật) dòng họ Phệ-xa. Mới đầu muốn lên ngôi, nhân ở bên bờ sông khắc già có tên tượng Bồ-tát Quán Tự Tại, vua mới cầu thỉnh đó. Được Bồ-tát dạy bảo rằng: “Ông vốn là vị Tỳ-khưu Lan Nhã ở rừng này, vua Kim Nhĩ Nguyệt đã phá diệt Phật pháp. Ông lên làm vua phải nên trùng hưng

lại, lấy sự thương xót muôn vật làm lòng, mới làm vua cả 5 xứ nên phải cẩn trọng chớ lên tòa sư tử và xưng hiệu Đại vương”. Vua mới cùng các Đồng tử đánh diệt hết các ngoại đạo và đồ chúng của Kim Nhĩ Nguyệt, lại訂 ước nghiêm lệnh. Nếu có người ăn thịt thì cắt lưỡi, người giết hại sinh mạng thì chặt tay. Vua và người em gái góa cùng trông coi chăm lo việc nước nhà. Đến bên cạnh sông Khắc-già dựng tạo ngàn ngôi Phù Đồ, mỗi một ngôi cao hơn trăm thước, khắp cả thành ấp thôn xóm tụ lạc đến những ngỏ hẻm đường thông, đều dựng lập Tinh xá tích trữ lương thực, mở mang thuốc men để ban cấp bệnh tật nghèo cùng. Những nơi Thánh tích đều dựng lập chùa. Suốt 20 năm trở lại, cứ 5 năm mở hội một lần, dốc hết kho tàng ban cấp mọi người, chỉ lưu giữ binh khí, dùng đủ chắt lọc phòng. Ngày đầu tiên mở hội, nhóm tập thỉnh mời chư Tăng ở các nước, suốt trong 21 ngày cúng dường tứ sự, khiến cùng nhau luận bàn. Với những vị giới hạnh trinh thuần kiên cố, đạo đức ưu việt đượm nhuần. Vua bèn thỉnh mời lên tòa sư tử và cầu xin thọ giới. Với những vị thanh tịnh vô học, vua tỏ bày sùng kính ngưỡng, với các vị uest hạnh hiện bày thì vua liền xua đuổi ra khỏi nước nhà. Đối với các vị vương thần biết gieo tạo mọi việc phước lành không biếng nhác, thì vua kéo tay cùng ngồi, còn ngược lại thì vua chẳng đoái hoài trông nhìn. Vua đi tuần xét phong tục khắc các địa phương, chẳng thường dừng ở một nơi. Những lúc hấn có bốn bộ binh lính dẫn đường rất nghiêm mật, chèo thuyền cỡi voi, đánh trống thổi loa. Quân voi có cả tám vạn, oai phong tỏa khắp bốn phương. Vua chỉ hai ba tháng không ra ngoài vãn du. Ở trong cung mỗi ngày cúng dường các vị Sa-môn, chư Tăng có cả ngàn vị, có 500 Bà-la-môn. Mỗi ngày thời gian phân thành 3 phần. Một phần chuyên xử lý mọi việc, hai phần chuyên tu mọi phước thiện. Lại dứt tuyệt ăn dùng máu thịt, mỗi ngày theo lệ chỉ ăn một bữa. Ở bên cạnh phía tây dòng sông, phía Đông của chùa tạo dựng một đài báu cao hơn trăm thước, bên trong có tôn tượng bằng vàng thân ngang như hình người, tiếp đến ở phía Nam xây dựng một đài báu nơi tắm rửa tôn tượng Phật. Từ đó về hướng Đông bắc cách 15 dặm riêng xây dựng hành cung, từ chùa đến cung các đoạn đường hẹp làm các, chạm trở điêu khắc đến cùng, các thứ kỹ nhạc chẳng đổi dời luôn xúm quanh hòa tấu mà thôi. Lại tạo tôn tượng bằng vàng cao ba thước lúc che ẩn lúc để hiện bày, dùng voi lớn màn báu che phủ phía trên, vua tạo tượng Đế-thích cầm nắm lọng báu đứng hầu bên tả. Có vua Câu-ma-la (tức là Đồng tử) ở nước Ca-ma-lũ-ba tạo tượng Phạm vương cầm nắm phát trần đứng hầu phía hữu. Mỗi mỗi có 500 quân lính voi mang mặc áo giáp đồng hộ

vệ. Trước sau mỗi mỗi có trăm voi lớn. Các nhạc nhân ngồi trên đánh tor61ng hòa tấu âm nhạc. vua giới nhật lại đem các thứ vàng bạc châu hương hoa theo ra tung rải cúng dường Tam bảo. Tại 5 xứ Ấn Độ, chùa Ni rất hiếm ít. Giả sử như có các vị ni cũng đồng tu tập một chùa với chư Tăng, đồng ăn một chỗ, không khuyết phạm giới điều cấm ước. Nhưng vua Đồng tử thuộc dòng tộc Sát-đe-lợi nói cùng kẻ sứ là Lý Nghĩa Biểu rằng: “Trên đời tương tục tiếp thừa đã 4.000 năm. Người xưa trước từ đất Hán bay lại làm vua xứ đất này. ”

Về phía Tây bắc của thành có ngôi tháp do vua A-dục tạo dựng xưa kia, Đức Phật từng ở đó suốt 7 ngày giảng nói pháp. Bên cạnh có tháp thờ tóc và móng tay, vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Lại về hướng Nam, gần sông Khắc-già có 3 ngôi chùa cùng đồng chung vách tường mà khai cửa, tôn tượng Đức Phật trang nghiêm xinh đẹp. Có chiếc răng của Đức Phật dài một tấc rưỡi, sắc màu tỏa sáng luôn biến đổi, Phật tôn trí trong hộp báu. Mọi người ở xa gần đến chiêm ngưỡng mỗi ngày có đến cả ngàn trăm, khiến người gìn giữ phiền nhiễu, thâu thuế nặng bằng vàng hoặc vật báu nhưng mọi người vui thích đến kính lễ chẳng chối từ tốn nhiều của cải. Vào những ngày trai thì nghinh thỉnh ra tôn trí nơi tòa caom rầu hoa cúng dường tuy tích chứa nhưng hợp chiếc răng ấy chẳng bị khóa lấp, chúng Tăng ở trong chùa rất thanh tịnh nghiêm túc, các hàng tịnh nhân có cả vài vạn nhà. Phía trước và hai bên chùa có những ngôi Tinh xá cao hơn trăm thước, xây dựng nền móng bằng đá lợp ngói gạch, tôn tượng trong thất trang nghiêm bằng các vật báu hoặc thuần toàn vàng bạc. Tiếp theo về phía Đông nam có một ngôi Tinh xá lớn được xây dựng nền móng bằng đá, gạch, thất cao hơn 20 trượng. Đó là nơi xưa kia Đức Phật từng ở suốt 6 tháng nói các pháp thân vô thường, khổ không bất tịnh. Lại có vết tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền tại phía Đông nam của Thành cách khoảng 6-7 dặm nằm trên bờ phía Nam sông Khắc-già.

Từ thành ấy về phía Đông nam hơn trăm dặm có thành Nạp-phước-đề-bạ tựa bên bờ sông phía Đông Khắc-già có 3 ngôi chùa đồng chung từng vách mà khác cửa, chu vi rộng hơn 20 dặm. Tiếp theo trước cách hơn 20 bộ, có một ngôi tháp cao hơn 20 trượng là nơi Đức Phật từng ở đó suốt bảy ngày giảng nói pháp, bên trong có xá-lợi, có lúc tỏa phóng ánh sáng. Bên cạnh đó có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Về phía Bắc của chùa cách 4 dặm gần bờ sông Khắc-già, có ngôi tháp cao hơn 20 trượng, xưa kia Đức Phật từng đến đó giảng nói pháp, có ngôi tháp cao hơn 20 trượng, xưa kia Đức Phật từng đến đó giảng nói

pháp, có 400 quý đỏi được tổ ngộ mà sinh lên cõi trời. Bên cạnh đó lại có tháp thờ tóc và móng tay của Đức Phật, tiếp theo bên cạnh lại có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền.

Lại theo hướng Đông nam hơn 600 dặm, vượt qua phía Nam sông Khắc-già đến nước A-thâu-đà (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng hơn 300 vị, đệ thọ học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo hiếm ít. Trong thành có ngôi chùa cổ tức là nơi Bồ-tát Phật-tô-bạn-độ (tức là Thế Thân) ở trong vài mươi năm tạo các luận Đại thừa Tiểu thừa. Từ thành về phía Bắc cách 5 dặm bên bờ sông Khắc-già, trong ngôi chùa lớn có ngôi tháp cao hơn 20 trượng là nơi xưa trước Đức Phật đã từng vì các người trời mà ở đó mất 3 tháng giảng nói pháp. Bên cạnh đó có ngôi tháp Phật, có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Từ chùa về phía Tây cách 5 dặm có ngôi tháp thờ tóc và móng tay của Đức Phật. Từ thành về phía Tây nam cách 5 dặm có ngôi chùa cổ trong rừng Đại-am-một-la, là nơi Bồ-tát A-tăng-già xưa kia ban đêm lên cung trời đến chỗ Bồ-tát từ thị để thọ học trở lại vì Đại chúng mà giảng nói. Từ rừng ấy về phía Tây Bắc cách hơn trăm bộ có tháp thờ tóc và móng tay của Đức Phật.

Từ đó, theo hướng Đông đi hơn 300 dặm, vượt qua phía Bắc sông Khắc-già đến nước A-da-mục-khư (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng 2.500 dặm, chu vi Đô thành rộng 20 dặm, có 5 ngôi chùa, chư Tăng có hơn 1.000 vị đều thọ học giáo pháp Tiểu thừa. Có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại Đạo chung sống lẫn lộn. Từ thành về phía Đông nam gần sông Khắc-già có ngôi tháp cao hơn 20 trượng là nơi xưa Đức Phật từng ở suốt 3 tháng giảng nói pháp, có tháp phụng thờ tóc và móng tay sắc xanh, có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Lại theo hướng Đông nam đi hơn 700 dặm vượt qua phía Nam sông Khắc-già, thuộc phía Bắc sông Diêm-mâu-na đến nước Bát-la-già-da (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, Đô thành y cứ giữa điểm giao tiếp của hai bờ sông chu vi rộng hơn 20 dặm, có 2 ngôi chùa, chư Tăng hiếm ít. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo đặc biệt lắm nhiều, từ thành về phía Tây nam giữa khúc cung sông Diêm-mâu-na cách khoảng hai ba ngàn dặm theo dòng sông hợp lại ở phía Đông bắc có ngôi tháp cao hơn 10 trượng trong rừng hoa Chiêm-bác-ca, là nơi xưa kia Đức Phật từng đến đó nhiếp phục ngoại đạo, có tháp thờ tóc và móng tay, vết tích nơi Đức Phật kinh hành tọa thiền, lại có nơi Bồ-tát Đề-bà tạo luận Quảng bách. Trong thành, trước nhà đền thờ trời có cây Đại thọ

cánh lá tươi tốt che kín, có loài quỷ ăn thịt người nương ở nơi đó. Hai bên di cốt chất chồng như cỏ, những người đến trong đền thờ thấy đều xem thường mạng sống, từ trên cây ném xuống bởi bị quỷ dẫn dụ. Từ thành về hướng Đông nói hai dòng sông hợp lại rộng hơn 10 dặm, đất đai bằng phẳng, đồi cao cát mịn dần bầy. Xưa nay các hàng vương thần giàu sang có cúng thí không ai chẳng đến đó, nên gọi đó là Đại thí trường. vua giới nhật cũng tu hạnh nghiệp đó. Từ Đạo trường đó về phía Đông nơi hợp lại của dòng sông mỗi ngày có đến trăm người tự đắm mình mà chết. Tập tục ở đó gọi là nơi thác sinh lên các cõi trời vậy. Nếu người nào muốn hành pháp ấy thì trước tiên đến đó bỏ ăn 7 ngày. Việc tự đắm mình vào trong dòng sông, mọi người từ các nơi xa gần đều đến, cho đến cả khí núi nai đồng kéo nhau cả đàn đến bên bờ sông bỏ ăn mà tự đắm mình xuống dòng sông. Ngay lúc vua giới Nhật thực hành bố thí có 2 con khỉ cái bị chó cắn chết, con khỉ đực mang xác ném xuống dòng sông, và chính con khỉ đực ấy cũng bởi đã đói khát nhiều ngày nên chết luôn.

Từ đó theo hướng Đông nam đi qua rừng lớn và đồng trống hoang dã hơn 500 dặm đến nước Kiều-thưởng-di (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng 6.000 dặm, chu vi Đô thành hơn 30 dặm. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng có hơn 300 vị, có 50 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo đông nhiều. Trong thành nói cung điện cũ có ngôi tinh xá lớn cao hơn 60 thước, khắc chạm tôn tượng Đức Phật bằng gỗ Chiên-đàn, phía trên treo đá, do vua Ô-đà-diễn-na (xưa trước gọi là Ưu-đà-diên, thời Tiên Đường dịch nghĩa là xuất ái) tạo dựng, có ánh sáng linh thiên tỏa phóng, các vị vua muốn đem sức lực để nâng đời mà trọn chẳng lay chuyển. Xưa kia, khi Đức Phật Thích-ca vì Thánh mẫu Ma-gia nêu lên cung trời giảng pháp, vua thỉnh cầu Tôn giả Mục Kiền Liên dùng sức thần dẫn các người thợ lên cung trời phỏng hình tượng của Đức Phật để làm. Đến lúc từ cung trời, Đức Phật trở xuống, tôn tượng ấy bèn đứng dậy nghinh đón, Đức Phật bèn an ủi ủy dụ vì làm mọi Phật sự trong tương lai. Từ Tinh xá đó đi về hướng Đông cách hơn trăm bộ, có vết tích của 4 Đức Phật tọa thiền kinh hành, cái giếng nơi thất của Đức Phật tắm rửa đến nay nước vẫn còn tuôn chảy. Trong thành về góc Đông nam nơi vườn nhà Tôn giả Cự-sử-la, có Tinh xá của Đức Phật, tháp tôn thờ tóc và móng tay. Bên cạnh tháp lớn lại có vết tích của 4 Đức Phật tọa thiền kinh hành. Từ thành về hướng Tây cách 9 dặm có hang đá là nơi xưa kia Đức Phật từng du hóa đến đó nhiếp phục rồng độc. Bên cạnh có ngôi tháp lớn cao hơn 20 trượng. Bên cạnh lại có vết tích của Đức Phật tọa

thiền kinh hành, tháp phụng thờ tóc và móng tay. Những người tật bệnh đến nguyện cầu phần nhiều đều được lành mạnh. Đến lúc Di pháp của Đức Phật Thích-ca hủy diệt tại nước đó, các hàng sang hèn vào trong cảnh vực tự nhiên cảm thương.

Từ hàng đá ấy vào trong rừng lớn đi hơn 700 dặm, vượt qua bờ phía Bắc sông Khắc-già đến thành Ca-xa-bố-la chu vi rộng 10 dặm, đó là nơi Bồ-tát Hộ Pháp nhiếp hóa ngoại đạo, có ngôi tháp cao hơn 20 trượng, xưa kia giảng pháp, hiện có dấu vết Đức Phật kinh hành, tháp tôn thờ tóc và móng tay. Từ đó theo hướng Bắc đi 180 dặm đến nước Ty-sách-ca (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm, chu vi Đô thành rộng 17 dặm, có 20 ngôi chùa, chư Tăng khoảng 3.000 vị, có 50 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo rất đông nhiều. Ở hai bên đường phía Nam có chùa tháp cao hơn 20 trượng, xưa kia Đức Phật từng ở nơi đó 6 năm giảng nói pháp, bên cạnh có cây kỳ lạ cao 70 thước, quanh năm không đổi thay, đó là cây Đức Phật xỉ răng vất bỏ mà sinh mọc tươi tốt như vậy, các hàng ngoại đạo đua nhau đến chặt phá, song, sau đó vẫn sinh mọc như cũ. Bên cạnh có vết tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền và tháp tôn thờ tóc và móng tay. Góc nền móng tiếp liền nhau, ao rừng giao bóng.

Từ đó theo hướng Đông bắc đi hơn 500 dặm đến nước Thất-la-phạt-tất-để (tức nước Xá-vệ, thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, Đô thành hoang phế hư hoại, nền móng cũ bên bờ dài hơn 20 dặm, có vài trăm ngôi chùa, chư Tăng hiếm ít. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo rất đông nhiều. Trên nền móng điện cũ phía Đông trong thành hoang phế có ngôi tháp nhỏ, do là nơi do vua Bát-la-tê Na-thị-đa (xưa trước gọi là vua Ba-tư-nặc, tiếng Trung Hoa thời tiếng Đường dịch nghĩa là Thắng Quân) vì Đức Phật mà tạo dựng đường thất. Tiếp theo trên tháp nền móng cũ, vua vì Di mẫu của Đức Phật là Tỷ-khưu ni Bát-la-xà-bát-để (xưa trước gọi là Bà-xà-ba-đề, Trung Hoa dịch nghĩa là sinh chủ) mà tạo dựng Tinh xá. Tiếp theo về phía Đông tháp là vườn nhà cũ của Tô-đạt-đa (tức là Thiện Thí), bên cạnh có ngôi tháp lớn, là nơi Ương-cù-lợi-ma-la (tức là Chỉ-man) xả bỏ tà pháp. Từ thành đó về hướng Nam cách khoảng 6 dặm là rừng Thệ-đa là vườn chùa do Trưởng giả Tu-đạt và Thái tử Kỳ Đà tạo lập, nay đã hoang phế chỉ còn có trụ đá cao hơn 70 thước do vua A-dục tạo dựng và còn một ngôi thất bằng gạch ngoài ra đều bị khỏa lấp. Trung thất ấy có tôn tượng Đức Phật vì Thánh mẫu mà giảng pháp bằng vàng. Về phía Đông Bắc có ngôi tháp là nơi Đức Phật tắm rửa theo vị Tỷ-khưu bị bệnh, về

phía Tây bắc lại có ngôi tháp nơi Tôn giả Mục Kiền Liên nâng pháp y của Tôn giả Xá-lợi-phất, cách đó không xa cùng các ngôi tháp của Đức Phật mức nước sử dụng. Lại nữa, nơi Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với dp, nơi Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với Đức Phật hành đạo thuyết pháp đều có dựng tháp tiêu biểu, luôn có dán hiệu các thứ nhạc linh mà hương khác lạ. Nơi các ngoại đạo giết hại người nữ để phỉ báng Đức Phật cũng có dán hiệu các thứ nhạc linh mà hương khác lạ. Nơi các ngoại đạo giết hại người nữ để phỉ báng Đức Phật cũng có dựng lập tháp để tiêu biểu. Từ chùa về phía Đông cách trăm bộ có hầm hố sâu lớn, đó là nơi điều đạt muốn độc hại Phật mà bị lấp vùi vào lòng đất. Ở phía Nam lại có hầm hố lớn là nơi Tỳ-khưu Cù-già-ly hủy báng Đức Phật mà bị lấp vùi. Lại về phía Nam cách 500 bộ, có hầm rất lớn là nơi Bà-la-môn nữ Chiến-già hủy báng Đức Phật mà bị lấp vùi, ba hầm hố đó đều sâu thẳm không đáy, mưa lớn trút đổ trọn không ngưng nghệt. Từ chùa về phía Đông cách 70 bộ có một tinh xá trên là Ánh Phú cao 60 thước, bên trong có tôn tượng Đức Phật ngồi xoay mặt hướng Đông, nơi cùng các ngoại đạo luận nghị. Tiếp đó về phía Đông có đền thờ trời cũng cao đồng như Tinh xá thờ Phật, lúc về chiều bóng tinh xá đổ về hướng Đông che phủ đền thờ trời.

Từ đó về hướng Đông cách 4 dặm có ao động lớn là nơi Tỳ-lô Thích-ca vương (xưa trước phiên dịch nghĩa là lưu ly) bị vùi lấp vào đất người đời sau dựng lập tháp ghi chép lại sự việc ấy. Lại nữa, nơi lúc mới đầu tạo dựng chùa (Kỳ Viên) Tôn giả Xá-lợi-phất cùng với ngoại đạo so tài sinh sức, cũng có dựng lập tháp ghi chép sự kiện. Từ chùa về phía Tây bắc cách 4 dặm, có khu rừng đặc nhãn, trong đó có ngôi tháp vết tích nơi Đức Phật kinh hành, đó là duyên cớ vua Thắng Quân xử quyết móc mắt 500 quân giặc, nhân được nghe sức từ của Đức Phật mà một lúc được bình phục, vất bỏ trượng bèn sinh hiện nhãn căn. Từ thành ấy về phía Tây bắc cách 60 dặm có ngôi thành cũ từ lúc con người sống thọ hai vạn tuổi, đó là nơi bản sinh của Đức Phật Ca-diếp-ba. Về phía Bắc có ngôi tháp tức nơi phụng thờ toàn thân xá-lợi của Đức Phật, do vua A-dục tạo dựng để tiêu biểu.

Từ đó, lại theo hướng Đông nam đi hơn 500 dặm đến nước Kiếp-tỷ-la-phạt-tất-đổ (tức xưa trước gọi là Ca-tỳ-la, thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm, thành quách có cả 10 khu đều hoang trống không có người ở, chu là cung thành rộng 15 dặm được xây dựng bằng gạch, có hơn ngàn ngôi chùa cổ trong một cung thành, có hơn 30 ngôi chùa Tăng, hai ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn

lộn. Trong thành trên nền chánh biện trong tinh xá tạo nên tượng vua, bên cạnh là trên nền móng tấm điện của Phu nhân Ma-ha-ma-già (tức là Đại thuật), trong tinh xá tạo hình tượng phu nhân. Bên cạnh đó có tinh xá bên trong tạo hình tượng Bồ-tát. Về tướng gián thần ở xứ đó có các quan điểm chẳng đồng, theo thượng tọa bộ cho là “tướng đương với ngày 15 tháng 5 điểm Trung Hoa”, còn các Bộ phái khác lại cho là “tướng đương với ngày mồng 8 tháng 5”. Đó bởi sự thấy nghe có sai khác vậy. Bên cạnh đó có tháp tiên tướng. Về phía Nam có ngôi tháp là nơi Thái tử dốc sức lực mình đánh ném voi vượt qua thành nơi Thái tử dốc sức lực mình đánh ném voi vượt qua thành rơi nơi đất làm thành hầm hố lớn. Bên cạnh đó có tịnh xá làm hình tượng Thái tử và Tượng thọ nghiệp. Bên cạnh tịnh xá ấy là nơi phòng ngủ của cung phi, làm hình tượng Da-du-đà-la và La-hổ-la. Có một bản riêng biệt ghi rằng: “Đó là nơi đầu đêm Thái tử mở cửa thành phía bắc thành mà ra đi”. Ở góc Đông nam của thành là nơi Thái tử cưỡi ngựa bay giữa không trung vượt thành xuất gia, có tạo dựng Tịnh xá và hình tượng. Tại bốn cửa mỗi mỗi đều có hình tượng các cảnh lão, bệnh, tử, Sa-môn. Về phía Nam của thành cách 4 dặm có tháp rừng Ni-lâu-lô là nơi khi Đức Phật đắc Đạo cùng giảng nơi pháp. Từ thành ấy về phía Nam cách 15 dặm có ngôi tháp trong thành cũ, là nơi bản sinh của Đức Phật Ca-la-ca-thôn-đà lúc con người tuổi thọ đến sáu vạn năm. Lại về phía Đông nam của Thành có ngôi tháp tức là nơi Di thân của Đức Phật ấy, phía trước tháp, vua Vô Ưu có tạo dựng tượng đá cao hơn 3 trượng. Lại về phía Đông bắc hơn 30 dặm có ngôi tháp trong thành cũ, là nơi bản sinh của Đức Phật Ca-nặc-ca-mâu-ni. Lúc con người có tuổi thọ bốn vạn năm. Về phía Đông bắc thành đô có ngôi tháp, là nơi di thân của Đức Phật ấy. vua Vô Ưu có dựng lập trụ đá và ghi chép minh ký, cao hơn 2 trượng. Lại về phía Đông bắc thành ấy cách hơn 40 dặm có ngôi tháp nơi Thái tử ngồi dưới gốc cây. Về phía Tây bắc của thành lớn có vài trăm ngàn ngôi tháp, là tháp các Thích Tử bị giết hại có 4 vị Thích Tử chống cự lại quân lính, người ở trong thành không chấp thuận, bèn bị ruồng đuổi ra khỏi cảnh vực, đó là vua Ô Tượng, vua Phạm Diễn v. v... đến nay vẫn chẳng dứt. Về phía Nam của Thành có tháp Cây-ni-câu luật, là nơi mới đầu Đức Phật đến thấy Phụ vương. Có ngôi tháp ngoài cửa phía Nam của Thành là nơi bắn cung tên. Về phía Đông nam cách hơn 30 dặm là nơi Thái tử bắn mũi tên gắm sâu xuống đất nhân đó có dòng suối tuôn vọt, tục truyền suối, mũi tên ấy, những người bệnh uống nước phần nhiều đều lành, hoặc có người vớt bùn bôi thoa lên trán thì tùy nổi khổ đều lành,

lại theo hướng Đông Bắc cách khoảng 90 dặm là rừng Lạp-phật-ni, nơi ao dòng họ thích tắm gội hoa nước soi bóng ánh ngời. Từ đó về phía Bắc cách khoảng 25 bộ là cây Vô Ưu là nơi Đức Phật đản sinh đến nay đã khô rụi. Có thuyết cho rằng: “Lúc ấy là ngày mùng 08 tháng 03”, còn theo Thượng Tọa bộ cho là: “Ngày 15 tháng 03”. Tiếp theo về hướng Đông có ngôi tháp là nơi 2 con rồng tắm gội cho Thái tử, mới đầu khi Đức Phật đã đản sinh chẳng cần phải nâng đỡ mà tự đi khắp bốn hướng, mỗi hướng 7 bước, nơi Đức Phật giẫm đặt bàn chân liền có hoa sen lớn xuất hiện. Khi Đức Phật đã từ phía hông hữu của Thánh mẫu sinh ra, Thiên đế nâng y tiếp lấy, bốn vua bưng ầm đặt trên ghế vàng, đều có xây dựng bốn ngôi tháp và dựng trụ đá để tiêu biểu đó. Bên cạnh có dòng sông nhỏ theo hướng Đông nam mà xuôi dòng, người đời gọi đó là sông Dầu, là nơi Thái tử đã đản sinh, Trời biến hóa đất ở đó sáng nhuần khiến để tắm, lại dứt trừ gió lửa hư không khiến biến thành sông nước trơn nhẵn như dầu.

Từ đó theo hướng Đông đi hơn 200 trong rừng hoàng nước Ma-ma (thuộc Trung Ấn Độ) có nhiều thành quách trống không. Lại theo hướng Đông nam có ngôi tháp Phật cao gần năm thước, xưa trước mới đầu đó là một trong tám phần xá-lợi Phật, có lúc ánh sáng linh thiêng tỏa phóng, bên cạnh có ao trong mát, có rồng biểu làm rắn lớn ra nhiều quanh tháp đó, có voi đồng hoang hái trái để tung rải, vua Vô Ưu muốn mở tháp mà rồng gìn giữ không chấp thuận. Lại theo hướng Đông qua rừng lớn cách hơn trăm dặm có ngôi tháp lớn, là nơi Thái tử đến đó cởi mở chuỗi châu ngọc ni trong áo báu giao cho Xiển-đạt-ca đem về lại dâng cùng phụ vương, lại về hướng Đông có cây chiêm bộ đã khô chết nhưng gốc hiện còn, có ngôi tháp nhỏ, đó là nơi Thái tử đem y vật còn lại để đổi lấy áo da nai. Bên cạnh ngôi tháp là nơi Thái tử cắt tóc. Về tuổi tác của Thái tử lúc ấy không được chuẩn định, có thuyết cho là Thái tử vừa 19 tuổi, có thuyết lại cho là đã 29 tuổi. Lại theo hướng Đông nam đi bằng hoang trống 190 dặm có tháp rừng Ni-câu luật cao hơn 3 trượng. Người xưa lấy đất nơi chỗ trà tỳ Đức Phật, thâu nhặt tro bụi đem đến đó xây dựng tháp phụng thờ, người bệnh cầu nguyện đều lành, lại có vết tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền, tháp ấy cao hơn trăm thước. Hai bên có vài trăm ngôi tháp nhỏ.

Lại theo hướng Đông bắc bằng vượt rừng lớn đường đi hiểm trở suốt 500 dặm đến nước Câu-thi-na-yết-la (thuộc Trung Ấn Độ), ở đó thành quách đổ nát hoang tàn, người vật hiếm ít. Ở góc Đông Bắc trong thành có ngôi tháp là nơi vườn nhà xưa cũ của Thuần Đà, có cái giếng

được đào đục để cúng dường hiện vẫn còn đẹp từ thành ấy về phía Tây bắc cách khoảng 4 dặm, vượt qua sông A-thị-đa-phạt-đế, đó gọi là Hữu kim, gần bờ phía tây là rừng Bà-la, khoảng cách giữa hai rừng gần vài mươi bộ, bên trong có 4 cây đặc biệt rất cao, trong ngôi Tinh xá lớn xây dựng bằng gạch, tạo tôn tượng Đức Phật nhập Niết-bàn, đầu xoay hướng Bắc mà nằm, bên cạnh có ngôi tháp cao hơn 200 thước, phía trước có dựng trụ đá ghi chép về tướng Đức Phật diệt độ, có thuyết nói là Phật nhập Niết-bàn ngày 15 tháng 03, theo Thuyết hữu bộ cho là ngày mồng 08 tháng 09. Các bộ phái có lắm sự luận bàn khác nhau, có thuyết nói: “Đến nay, năm Trinh Quán thứ 20 (646) thời tiền Đường, thì đã trải qua 1.212 năm vậy”. Đó là y cứ theo sự ghi chép ở trụ đá tại chùa Bồ-đề. Hoặc còn có thuyết nói là 1.300 năm, hay hơn 1.500 năm hoặc có thuyết nơi mới hơn 300 năm chưa đến 1.000 năm. Bên cạnh Tinh xá có nơi kia kia Đức Phật làm chim trĩ chúa cứu lửa và làm Nai cứu sống, mỗi mỗi đều có dựng một ngôi tháp. Tiếp về hướng tây có một ngôi tháp là nơi Tôn giả Tu-bạt-đà-la diệt chứng, tiếp theo lại có một ngôi tháp là nơi chấp Kim cang thần khoe đất, tiếp theo bên cạnh có một ngôi tháp là nơi tôn trí Kim quan lại 7 ngày, tiếp bên cạnh có ngôi tháp là nơi Tôn giả A-nê-lâu-đa lên cung trời báo cùng Thánh mẫu biết Phật đã nhập Niết-bàn nên xuống buồn khóc, từ thành về phía Bắc vượt qua sông Ni-liên-thuyền-na cách 300 bộ có một ngôi tháp là nơi Niết-diệp-ban-na (tức là trà tỳ = thiêu đốt) nhục thể Đức Phật. Hiện nay đất ở đó sắc màu vàng đen lẫn cùng tro bụi, có người mong cầu được cảm có xá-lợi. Tiếp theo bên cạnh có một ngôi tháp, là nơi Đức Phật duỗi hai bàn chân ra khỏi Kim quan cho Tôn giả Ca-diếp-ba trông thấy. Tiếp nữa lại có một ngôi tháp, phía trước có dựng trụ đá khắc ghi về việc tám nước phân chia xá-lợi.

Từ đó theo hướng Tây nam đi hơn 200 dặm đến một ấp lớn, lại đi qua rừng lớn cánh hơn 500 dặm đến nước Ba-la-nại-tư (xưa trước gọi là Ba-la-nại, thuộc Trung Ấn Độ), chu vi rộng hơn 4.000 dặm, phía Tây đô thành gần sông Khắc-già dài gần 20 dặm rộng 6 dặm, dân chúng sinh sống đông nhiều, phần nhiều tin theo ngoại đạo. Có hơn 30 ngôi chùa, chư Tăng hơn 3.000 vị đều tu học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo đông cả vạn bộ, phần nhiều là phụng thờ Thiên căn của Đại tự tại. Trong thành lớn có 20 ngôi đền thờ trời, Thiên căn cao hơn trăm thước. Về phía Đông bắc của Thành là sông Ba-la-nại, ở phía Tây có ngôi tháp do vua A-đục tạo dựng cao hơn 10 trượng, phía trước có dựng trụ đá bằng ngọc bích xinh

đẹp ứng hiện hình Phật. Từ sông đi về phía Đông bắc cách hơn 10 dặm là chùa Lộc dã, tám phân ranh giới khu vực vách tường nổi liền bao bọc chung quanh, có tầng hiên trùng các, chư Tăng có 1.500 vị đều học theo pháp Tiểu thừa chánh lượng bộ. Lại có ngôi tháp thờ Phật cao hơn 20 trượng, khám gạch cả bốn mặt điều tiết thích hợp có cả trăm thêm cấp, đều có những tượng Đức Phật bằng vàng, đồng than, đá v. v... ần hiện. Tiếp theo về phía Tây nam có một ngôi tháp cao hơn trăm thước, phía trước có trụ đá cao hơn 70 thước sáng sạch suốt cùng, những người thành kính cầu nguyện thì tôn tượng hiện tùy thuộc hạnh nghiệp Thiện ác. Tức nơi sau khi đã thành Đạo, Đức Phật chuyển pháp luân lần đầu tiên. Bên cạnh đó có ba ngôi tháp tức là nơi tọa thiền kinh hành của ba Đức Phật xưa trước. Bên cạnh lại còn có các ngôi tháp khác là nơi 500 vị Độc giác nhập Niết-bàn. Bên cạnh đó có ngôi tháp là nơi Đức Di Lạc nhận sự dự ghi sẽ thành Phật. Lại theo hướng Tây có một ngôi tháp là nơi đời trước Đức Phật làm Bồ-tát Hộ Minh được Đức Phật Ca-diếp-ba thọ ký đời nay thành Phật. Tiếp theo về phía Nam có nơi của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền, dài 50 bộ cao 7 thước, chồng chất đá xanh, phía trên làm tôn tượng Đức Phật Thích-ca kinh hành. Hình tượng ấy rất đặc dị, nhục kế nổi cao, tóc trên đầu duỗi ra sức thần mà có chứng nghiệm, vết tích chùa xưa, lắm nhiều Tinh xá, bảo tháp, có đến vài trăm sự kiện chẳng thể ghe chép đầy đủ rõ ràng. Về phía Tây của chùa có cái ao trong sạch chu vi rộng 200 bộ là nơi xưa kia Đức Phật thường tắm rửa, tiếp về hướng Tây có một ao nhỏ là nơi Đức Phật tẩy rửa vật dụng, tiếp về hướng Bắc có một ao nhỏ là nơi Đức Phật thường y. Ba ao ấy đều có rồng ở, mùi vị của nước mát ngọt mà trong sạch. Như có người khinh mạn xúc chạm thì loài thú Kim-tỳ-la liền vì làm hại. Bên cạnh đó có tảng đá vuông, phía trên có dấu vết đường văn của pháp y ca sa của Đức Phật. Các hàng ngoại đạo và những kẻ hung bạo khinh thường giẫm đạp lên thì rồng trong ao liền nổi gió mưa. Bên cạnh đó lại có ngôi tháp là nơi Đức Phật từng làm voi chúa 6 ngã thấy người thợ săn đập mặc pháp y nên nhỏ ngà kính dâng. Bên cạnh đó lại có một ngôi tháp, là nơi xưa trước, Đức Phật làm chim cùng khổ và voi hỏi ai là kẻ lớn. Lại trong rừng lớn có một ngôi tháp là nơi xưa kia, Đức Phật cũng điều đạt đồng làm nai chúa, Đức Phật thay mạng thế mai đang thai, nên danh hiệu lộc dã (vườn nai) từ đó mà có. Lại từ chùa về hướng Tây nam cách 3 dặm có một ngôi tháp lớn cao hơn 30 trượng, nên tảng cao với tráng lệ, bên cạnh lại có một ngôi tháp là nơi 5 người (5 anh em Kiều Trần Như) nghinh đón Đức Phật. Về phía Đông của rừng lớn cách 3 dặm có

một ngôi tháp, là nơi xưa trước Đức Phật làm thân con thỏ cùng chung sống với các loài thú, tự biết thân hình mình bé nhỏ nên tự thiêu thân nhân tặng, nhân đó trời Đế-thích xuống tán thán, vì thế khiến giữa vầng trăng có hiện hình con thỏ.

Từ chùa ấy về hướng Đông thuận theo sông Khắc già đi hơn 300 dặm đến nước chiến chủ (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 2.000 dặm. Đô thành gần sông Khắc-đà già chu vi rộng hơn 10 dặm, dân chúng sinh sống đông nhiều. Có 10 ngôi chùa, chư tăng có gần vạn vị đều tu học theo pháp Tiểu thừa. 30 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn. Tại chùa ở phía tây bắc của Thành có một ngôi Tháp tôn thờ một thẳng xá-lợi của Đức Phật. Xưa trước Phật từng đến ở đó 7 ngày giảng nói pháp. Và có vết tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền, lại có tôn tượng Bồ-tát Từ Thị hình dáng nhỏ bé mà oai đức rất lớn. Từ thành về hướng Đông bắc cách hơn 200 dặm đến chùa A-tỳ-yết-lại-noa (tức chùa Bát Xuyên Nhĩ) nhân duyên do từ vị Tăng ở phương Bắc vậy. Từ chùa đó theo hướng Đông nam vượt qua sông Khắc-già đi hơn trăm dặm đến một ấp lớn. Ở bờ phía Bắc sông có đền thờ trời Na-la-diên, trùng các nghiêm lệ. Lại theo hướng Đông nam đi hơn 30 dặm có Tháp Giáng Quý đã bị lấp vùi dưới đất một nửa, phía trước tạo dựng trụ đá cao hơn 2 trượng, tức nói Đức Phật vì loài quỷ ăn thịt người mà giảng pháp, quỷ thiết đặt cả ngàn tòa đá, cây rừng xanh tốt, ao nước trong mát, cách đó không xa có vài ngôi chùa đều có chư Tăng ở tu học theo pháp Đại thừa. Lại theo hướng Đông nam vượt qua dòng sông đi hơn trăm dặm có ngôi tháp, tức là nơi tôn thờ Bình phân chia xá-lợi và những xá-lợi còn lại, vào những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng.

Lại theo hướng Đông bắc vượt qua sông Khắc-già đi 150 dặm đến nước Phệ-xá-ly (tức xưa trước gọi là Tỳ-xá-ly), thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, tà chánh lẫn lộn đến một nửa, có vài trăm ngôi chùa, hiện tại chỉ còn 5-3 ngôi, chư Tăng rất hiếm ít, có vài mươi ngàn đền thờ trời, để lộ bày hình lấm nhiều vậy. Thánh quách đã đổ nát hư hoại, nền móng cũ còn bền bỉ, chu vi rộng 70 dặm, chu vi cung thành rộng 50 dặm, hiếm ít người sinh sống. Từ cung thành về hướng Tây bắc cách khoảng 6 dặm có ngôi chùa tháp là nơi Đức Phật giảng nói kinh Tịnh Danh. Lại về hướng Đông có ngôi tháp là nơi Tôn giả Xá-lợi-tử chứng quả. Lại về hướng Đông có ngôi Tháp lớn là nơi vua được chia một phần xá-lợi một học, vua Ưu điền lấy 9 thăng, phân chia đều tạo dựng các tháp khác. Sau đó có vua lại muốn khai mở tháp ấy, bỗng nhiên đất chấn động bèn thôi. Về phía Tây bắc có ngôi tháp, có trụ đá

cao 6 trượng, tiếp về phía Nam là nơi có con khỉ vì Đức Phật mà moi đào ao nước. Ở phía Tây của ao, có bảy khỉ mang bình bát của Đức Phật leo lên cây hứng lấy mật. Về phía Nam ấy là nơi khi bưng bát mật dâng cúng Đức Phật, mỗi mỗi nơi đều có dựng Tháp ghi chứng. Từ chùa ấy về hướng Đông bắc cách 4 dặm có một ngôi tháp là nơi vườn nhà xưa cũ cư sĩ Tịnh danh, còn lắm nhiều linh thần. Vườn nhà ấy xây chồng chất gạch, tương truyền là chất chồng đá, tức là nơi cư sĩ Tịnh Danh hiện tướng bệnh để giảng nói pháp. Gần đây, Sư giả Vương Huyền Sách dùng Hốt để đo lường đó chỉ có một trượng, nên tên gọi Phương Trượng từ đó mà sinh ra, và nơi vườn nhà của Trưởng giả Bảo Tích, nơi vườn nhà của Yêm-la-nữ, nơi Tôn giả Kiều-đàm-di nhập Niết-bàn đều có dựng lập tháp ghi chép chứng cứ. Từ chùa về phía Bắc cách 4 dặm có một ngôi tháp, là nơi xưa kia Đức Phật sắp sang Thành-câu-thi-na, người trời buồn khóc đưa tiễn. Tiếp đến lại có một ngôi tháp là nơi Đức Phật đứng trông nhìn lại Thành ấp lần cuối cùng. Tiếp theo về hướng Nam là nơi Yêm-la-nữ đem vườn cúng dâng Đức Phật. Bên cạnh đó có một ngôi tháp là nơi trước Đức Phật ba lần bảo cùng Tôn giả A-nan về ngày tháng còn lại cho đến lúc nhập Niết-bàn. Lại nữa, bên cạnh đó có ngôi tháp là nơi ngàn người con được thấy gặp song thân; tức ngàn Đức Phật trong thời hiền kiếp vậy. Về hướng Đông có nền tháp, giảng đường, trùng các xưa cũ, có lúc tỏa phóng ánh sáng. Đó là nơi Đức Phật giảng nói kinh Phổ Môn. Về phía Tây bắc của thành cách 60 dặm có ngôi tháp lớn là nơi Đức Phật biệt-lập-chiếp-bà-tử. Về phía Tây bắc của thành lớn gồm 200 dặm có một ngôi tháp nơi thành xưa cũ, là nơi Đức Phật giảng nói về Bản sinh từng ở nơi đó là đại thiên luân vương phụng sự đất nước.

Từ thành ấy về hướng Đông nam cách 15 dặm có ngôi tháp lớn, là nơi 700 vị Hiền Thánh kết tập lại kinh điển. Lại về hướng Nam gần 100 dặm có ngôi chùa lớn, tầng đài lớp lớp, chư Tăng tập học theo giáo pháp Đại thừa, có vết tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền. Bên cạnh lại có một ngôi tháp, là nơi xưa kia Đức Phật từ phương Nam vượt đến phía Bắc nước Ma-kiệt-đà mà dừng nghỉ trong thành Tỳ-xá-ly. Từ chùa ấy về phía Đông cách 30 dặm, ở hai phía Nam-bắc sông Khắc-già mỗi bên có một ngôi tháp, là nơi Tôn giả A-nan đà phân thân cho hai nước.

Từ phía bắc theo hướng Đông bắc của bờ sông đi hơn 500 dặm đến nước Phất-lật-thị (có người gọi là Tam-phạt-thị, thuộc Bắc Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm, hai phía Đông-tây kéo dài. Có hơn 10 ngôi

chùa, chư Tăng gần ngàn vị tập học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa, có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo rất đông nhiều. Trong cung thành xưa cũ có 3.000 nhà. Ở bờ phía Đông bắc của sông Khắc-già có một ngôi tháp cao hơn 20 trượng, từ phía Nam trông nhìn dòng sông dài, là nơi Đức Phật hóa độ 500 ngư nhân, do đánh bắt được cá lớn có 18 đầu, trên mỗi mỗi cái đầu đều có 2 mắt. Lại theo hướng Đông bắc đi hơn trăm dặm về phía Tây của thành cũ có ngôi tháp cao hơn trăm thước, xưa kia Đức Phật đã từng ở đó 6 tháng giảng pháp độ người. Lại về hướng Bắc cách 1.500 dặm có ngôi tháp tôn thờ tóc và móng tay của Đức Phật.

Lại theo hướng Tây bắc đi 150 dặm vào trong hang núi đến nước Ni-ba-la (thuộc Bắc Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm tại trong núi tuyết. Chu vi Đô thành hơn 20 dặm. Dân chúng xứ đó kính tin xen tạp giữa chùa và trời. Chùa chiền rất nhiều, chư Tăng có hơn 2.000 vị, tập học kinh điển cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. vua thuần kính tin Phật pháp. Trong thành có các cao hơn 200 thước, chu vi rộng 80 bộ, phía trên có thể dung chứa cả vạn người. Mọi mặt có 3 lớp, mỗi lớp có 7 tầng, dùng dằng khắp bốn phía, khắc chạm vô cùng kỳ lạ, dùng các vật báu để nghiêm sức. Từ thành ấy về phía Đông nam cách không xa có thôn Thủy Hỏa, về phía Đông cách một dặm có sông A-kỳ-ba-lệ, chu vi rộng 20 bộ, sớm ngâm đọng không chảy thông thường phun trào. Có người đem lửa bén vào, khắp cả ao hồ lửa bốc cháy phừng phực cao vài thước, lại dùng nước rưới vào lửa, lửa càng thêm mạnh dữ, lại dùng đất vụn ném vào cũng liền thiêu cháy hết. Chẳng kể là ném vật gì vào, thấy đều biến thành tro bụi. Phía trên làm giá móc vạc nước nấu thức ăn liền chín. Trong nước ấy trước kia có hòm vàng. Ngày trước có vị Quốc vương đem người đến lấy hòm ấy đã ra khỏi bùn nhưng sức người và lời kéo chẳng lay động. Ban đêm có Thần minh bảo đó là mũ của Đức Phật Từ Thị, lúc hạ sẽ sinh sẽ mang đội đó, nên không thể lấy đi đâu được, có rồng lửa giữ gìn bảo hộ.

Lại từ thành ấy về hướng Nam cách hơn 10 dặm có núi đơn lẻ rất đẹp xinh, chùa ở lắm nhiều, tướng trạng như ráng mây, từng trúc cá rồng đều tùy theo người mà thuần nường tựa đến nơi người lấy dùng thức ăn, như có người phạm bất thì dứt diệt cả nhà. Do là do Quốc mạng đều từ nước đó mà qua lại. Nay thuộc về Thổ Phiên. Lại từ nước Tỳ-xá-ly về hướng Nam 150 dặm, vượt qua sông Khắc-già đến nước Ma-kiệt-đà, tức chỗ thường gọi là thành Vương-xá nước Ma-kiệt-đề vậy.



THÍCH-CA PHƯƠNG CHÍ

QUYỂN HẠ

(Gồm tiếp theo chương Di tích và 4 chương: Du lý, thông cục, thời trú, và giáo tướng).

CHƯƠNG IV: DI TÍCH (Tiếp Theo)

Nước Ma-kiệt-đà (người xưa trước xưng gọi sai lầm, thuộc Trung Ấn Độ), chu vi rộng hơn 5.000 dặm. Tại Đô thành hiếm ít người ở, thôn ấp tụ lạc lắm nhiều. Có hơn 50 ngôi chùa, chư Tăng có ngoài vạn vị, phần nhiều tập học giáo pháp Đại thừa. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo đông nhiều. Thành đô xưa cũ tại phía Bắc núi của thành Vương xá tựa về phía Đông. Cách 240 dặm về phía bắc gần sông Khắc-già, chu vi rộng hơn 70 dặm. Khi con người tuổi thọ đến vạn năm, lúc đó gọi là Thành Câu-tô-ma-bổ-la. Có nghĩa là Hương-du-hoa-cung. Đến lúc tuổi thọ con người còn vài ngàn năm, lại nhân có cây Ba-tra-ly, nên gọi là thành Ba-tra-ly-tử. Xưa trước gọi Ba-liên-phát là sai lầm vậy. Tại phía Bắc cung xưa cũ có ngôi tháp cao vài trượng, là nơi vua Vô-ưu làm địa ngục. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn khoảng trăm năm, có vua A-thâu-ca (tức là vua Vô Ưu) là Tăng tôn của vua Tần-tỳ-bà-la. Từ thành Vương-xá dời đô đến đó, phía ngoài thành quách xuất hiện giống lúa hạt lớn mà đẹp xinh sắc màu ngời sáng kỳ đặc, gọi đó là gạo cúng đại nhân, phía Bắc cung ấy gần sông Khắc-già, trong thành nhỏ có hơn ngàn ngôi nhà, đến nay hiện còn trụ đá địa ngục ấy. Về phía Nam có ngôi tháp lớn dùng bằng vật báu nghiêm sức, úp bát đá làm lan can, đó là một trong 84.000 ngôi tháp vậy, tôn trí một tầng Xá-lợi-phất, có lúc tỏa phóng ánh sáng tốt lành, tức vua Vô-ưu gặp được A-la-hán Cận Hộ sai sử quỷ thần tạo dựng nên. Bên cạnh đó, trong tinh xá có tảng đá lớn, là nơi lúc Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, từ phía bắc vượt qua phía Nam thành Câu-thi-na trông nhìn lại nước Ma-kiệt-đà nên đạp hai chân trên đá, dấu vết dài một thước 8 tấc, rộng 6 tấc, hoa văn luân tướng của 10 ngón chân mỗi mỗi khác nhau, gần đây bị vua Thiết-thường-ca (nghĩa là Nguyệt) ở nước Yết-la-noa-tô-phạt-thích-na (nghĩa là kim nhĩ) phá

hoại dấu vết chân Phật, đục phá rồi, trở lại bình phục đường văn vẫn như cũ, cho đến đem vất bỏ trong sông Khắc-già, sau đó cũng trở lại chỗ cũ. Tiếp theo bên cạnh có ngôi tháp vết tích của bốn Đức Phật kinh hành tọa thiền. Về phía Bắc của cung vũ có ngôi Thạch Thất lớn tức do vua A-dục vì người em mà tạo dựng, tiếp theo có đồ đựng nước lớn, là do vua A-dục cúng dường cơm cho chư Tăng. Về phía Tây nam của cung có núi đá nhỏ, chung quanh là khe hàng, có vài mươi thạch thất, đó là do vua A-dục được A-la-hán Cận Hộ sai khiến Quỷ thần tạo nên. Bên cạnh lại có ao đá, tục gọi là nước Thánh, người bệnh uống liền lành. Về phía Tây nam của núi có 5 ngôi tháp, mỗi mặt cách nhau vài trăm bộ. Sau khi vua A-dục xây dựng 84.000 ngôi tháp rồi, còn thừa 5 thăng xá-lợi nên lại tạo dựng tháp đó. Có lúc hiện khởi những điều linh dị. Có vị vua nhân đó làm 5 tạng vua Nan-đà dấy quân đến đào bới, đất bèn chấn động, núi lở đổ, trong tháp có tiếng kêu lớn, quân lính vấp té ngã nghiêng. Về phía Đông nam thành cũ có chùa Quật-quật-tra-a-lam-ma (tức là kê viên), xưa kia có luận nghị bị khuấy phục ngoại đạo, nên trong 12 năm trở lại không đánh kiền chùy. Sau đó có Bồ-tát Na-già-át-thích-thọ-na (Trung Hoa dịch nghĩa là Long Mãnh, còn gọi là Long Thọ) người xứ Nam Ấn Độ đến đó nhiếp phục các ngoại đạo, mới đánh kiền chùy, nên tháp đó có tên gọi là “kích (đánh) kiền chùy” vậy. Tiếp theo về phía Bắc có tháp quỷ biến, phụng thờ Tôn giả Mã Minh.

Từ thành về phía Tây nam cách hơn 200 dặm, trong tháp chùa xưa cũ có vết tích của bốn Đức Phật tọa thiền kinh hành. Lại từ chùa ấy về phía Tây nam cách hơn trăm dặm, có ngôi chùa lớn, chư tăng có ngàn vị đều học giáo pháp Đại thừa. Cả thảy có 4 viện, Quán các ba tầng, nền cao nhiều lớp cửa, trong cửa có ba Tinh xá, đồng vàng ẩn hiện, bên trong có tôn tượng đứng cao 3 trượng, bên tả là Bồ-tát Đa-la, bên hữu là Bồ-tát Quán tự tại đều được chú đúc bằng thau đá. Cả 3 tinh xá mỗi mỗi đều có 1 thăng xá-lợi, tướng sáng có lúc hiện bày, từ chùa ấy về phía Tây nam cách trăm dặm, trên núi lớn có tháp đá cao hơn một trượng. Xưa trước, Đức Phật từng nhập định trên tảng đá lớn ấy, qua đêm, trời mưa hoa báu. Vì cảm mộ như thế nên xây dựng tháp báu cao một trượng, nay biến thành đá, từ xa trông nhìn chỉ thấy như ráng mây, là nơi dừng ở của linh Thánh, hang huyết của rồng rắn, chim săn, thú dữ, xưa nay không một ai bước đến đó. Ở phía Đông núi đó có ngôi tháp men sườn, là nơi Đức Phật đứng đó trông nhìn về nước Ma-kiệt-đà. Từ núi về phía Tây bắc cách hơn 30 dặm, có quả núi có ngôi chùa tựa bắm trên đỉnh, đục sườn núi để tạo dựng các. Đó là nơi Bồ-tát Cù-ma-mạc-

để (Trung Hoa dịch nghĩa là Đức tuệ) học pháp Đại thừa, nhiếp phục ngoại đạo. Hiện nay có trốn 50 vị Tăng ở đó. Lại theo hướng Tây Nam cách hơn 20 dặm đến chùa Cô Sơn, có luận sư Thi-la-bạt-đà-la (Trung Hoa dịch nghĩa là giới hiền), đến nay hiện có nói đầu tiên nhiếp phục ngoại đạo, được Ấp xả thí mà tạo dựng đó. Tại đó khoét đục một ngọn núi hiểm nguy, hình tướng như Phù đồ mà tôn thờ Xá-lợi-phật.

Lại về hướng Tây nam cách 50 dặm, vượt qua sông Ni-liên-thuyền, có thành Già-da. Ở đó, hiểm ít người vật, có hơn ngàn nhà Bà-la-môn sinh sống tức là con cháu nối dõi của tiên nhân vậy. Vua không bề tôi, mọi người đều rất kính trọng. Từ thành về phía Bắc cách hơn 30 dặm, có dòng núi trong mát, ở đời tương truyền đó là nước Thánh, những người uống tắm, tội chướng đều tiêu trừ.

Từ thành về phía Tây nam cách 6 dặm là núi già da, có lăm khe hang mật mờ, ở đời gọi đó là núi linh từ xưa, các bậc Quán vương đăng phong kính cáo đều thành. Trên đỉnh núi có tháp đá cao hơn trăm thước, có lúc tỏa phóng ánh sáng khác lạ. Xưa trước, Đức Phật từng ở đó giảng nói các kinh Bảo Vân v. v... từ núi về hướng Đông nam là sông Ni-liên, cách gần 200 dặm, đến núi Bát-la-cấp Bồ-đề, nghĩa là núi Tiên Chánh giác. Xưa kia, Đức Phật lúc sắp chứng đạo, trước tiên đến đó, nhân vậy mà gọi tên như thế. Đức Phật từ phía Đông bắc sườn núi đi lên đỉnh, muốn nhập định Kim cang, tự nhiên quả đất lay động, núi sụp đổ, thần núi khiếp sợ mách báo. Đức Phật lại đến trong nửa sườn núi phía Tây nam, ngồi trên tảng đá xoay mặt nhìn khe suối, đất núi lại lay động. Trời Tịnh cư đến báo rằng: “Từ đây theo hướng Tây nam đi 15 dặm đến gần nơi tu khổ hạnh, dưới cây tất-bát-la có tòa Kim cang, đó là tòa Bồ-đề, chư Phật ba đời đều thành Đạo tại đó! Đức Phật bèn đi đến đó, và nhân vì rộng nói thạch thất mà lưu lại ảnh hình. Đến nay hoặc có người trông thấy. Kịp đến lúc vua Vô Ưu ra đời, nơi các linh tích, vua đều tạo dựng tháp để biểu trưng đó, trời mưa các thứ hoa báu. Mỗi năm an cư kết thúc, các hàng Đạo tục đồng lên núi cúng dường cây Bồ-đề. Chung quanh cây Bồ-đề ấy được xây vách tường bằng gạch nhiều lớp bao bọc kiên cố, hai phía Đông-tây thoáng rộng có thể đến 540 bộ. Các thứ cây kỳ lạ, hoa danh tiếng theo hàng lớp trồng phía dưới, cửa thành Đông mở thoát đối diện sông Ni-liên-thuyền, cửa phía Nam tiếp liền với ao hoa lớn, cửa phía Bắc nơi hiểm nguy bên chặt, cửa phía Bắc thông với chùa lớn. Vùng ven nội viện Thánh tích, các tháp tinh xá thứ lớp bày bố, cây chánh giữa trong tường thành có tòa Kim cang có từ khi Hiền kiếp mới thành chung cùng Đại địa. Trong Đại thiên giới, dưới cùng cực là địa vị

kim luân, trên đến ngàn mé trái đất. Hành thành tòa Kim cang chu vi rộng hơn ngàn bộ. Ngàn Đức Phật đồng ngồi ở đó nhập định Kim cang, nên nhân đó mà gọi là tòa Kim cang, tức nơi Đức Phật chứng đạo vậy. Có thuyết nói là lúc Đại địa chấn động, riêng nơi Đạo tràng không lay chuyển, từ sau khi Đức Phật chứng đắc Chánh giác, dần đến thời mạc pháp, đất cát càng che phủ không còn thấy được bản chất. Với truyền thuyết như thế, chư vị tiền đức bèn tu tạo hai tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại tôn trí ở hai phía Nam-bắc nêu lập mốc giới xoay mặt vì hướng Nam mà ngồi. Có chép ghi rằng: “Tôn tượng ấy vùi lấp thì Phật pháp sẽ hoại diệt vậy”. Đến nay tôn tượng ở góc phía Nam đã bị vùi lấp đến ngực.”

Xưa kia, khi Đức Phật còn tại thế, cây Bồ-đề cao vài trăm thước, cành vàng lá xanh, quanh năm không thay đổi, đến khi Đức Phật nhập Niết-bàn, cây điêu tàn, sau đó trở lại tươi tốt. Lại bị vua Vô Ưu chặt phá đưa về hướng Tây cách vài mươi bộ chất đồng mà đốt dùng để cúng tế trời, khói lửa chưa dứt tắt, bỗng nhiên sinh mọc lên hai cây, trong lửa dữ mà lá tươi tốt đồng như đang phát triển. Nhân đó mà gọi là than tro cây Bồ-đề. Vua trông thấy như thế bèn phát tâm tin kính, dùng sữa thơm rưới vào các cành rễ còn lại, đến sáng sớm hôm sau, cây sống như nguyên gốc. Vương phi tức giận, đêm đến lại sai người chặt phá, vua lại nguyện cầu và đem sữa rưới vào, không mấy ngày sau, cây sống lại bình thường, bèn chất đá làm tường chắn bao quanh cao hơn một trượng. Gần đó lại bị Nguyệt vương ở nước Kim Nhi lại chặt phá cây Bồ-đề ấy, đào bởi tới suối nước mà không tới đáy rễ, mới châm lửa thiêu đốt, dùng cam giá tưới đổ vào khiến cháy hết gốc rễ, vài tháng sau vua Bồ-thích-noa-phạt-ma, (Trung Hoa dịch nghĩa là Mãn Trụ) tức là Huyền Tôn của vua Vô Ưu nghe cây Bồ-đề ấy bị phá hủy nên vật vả thân mình nơi đất. Cầu thỉnh chư Tăng suốt 7 ngày đêm kinh hành nhiều quanh cây đào hầm hố lớn, dùng vài ngàn hộc sữa bò tưới vào, qua khỏi đêm ngày thứ sáu, cây sinh mọc cao hơn một trượng. Sợ người sau chặt phá, bèn xây tường đá bao bọc quanh cao hai trượng bốn thước. Cây ấy đến nay đâm mọc ra trên vách tường đá cao hơn hai trượng, chu vi rộng rộng khoảng ba thước.

Từ cây Bồ-đề ấy về hướng Đông có tinh xá xây dựng bằng gạch ngói sắc xanh cao hơn 160 thước, nền móng rộng hơn 20 bộ. Phía trên lan can móc liền bao quanh cao một trượng, tầng khám đều có tôn tượng bằng vàng, bốn phía vách tường khắc chạm hình chư thiên chư tiên, trên đánh có quả A-ma-lặc-ca bằng vàng và đồng, tức như ở Trung Hoa gọi

đó là bình báu và đài báu vậy.

Về phía Đông nam, tiếp làm Trùng các ba tầng, mái nhà đặc biệt khác lạ, đều dùng các thứ vàng bạc khắc chạm trang sức, có 3 lớp cửa phía ngoài, khám phía trong, bên tả có tôn tượng Quán tự tại, bên hữu tượng Từ Thị đều đúc bằng bạc cao một trượng, do vua Vô Ưu tu tạo. Mới đầu, tinh xá nhỏ hẹp, sau dần mở rộng. Bên trong tôn trí tượng Đức Phật thành Đạo, có vị Bà-la-môn đáp lại sự thỉnh mời mà tạo nên, chỉ cầu Hương nê và một ngọn đèn đặt trong tinh xá, suốt 6 tháng đóng cửa tu tạo mới thành, còn thừa bốn ngày, chư Tăng đều lấy làm quái lạ, nhân đó mở cửa tìm xem, thấy tôn tượng nghiêm nhiên xoay mặt về hướng Đông, ngồi kiết già chân phải đặt trên, tay trái co lại, tay phải buông duỗi, không thấy người làm. Tôn tượng ngồi tòa cao 4 thước 2 tấc, rộng một trượng hai thước năm tấc. Tôn tượng cao một trượng một thước năm tấc, hai đầu gối cách nhau tám thước tám tấc, hai vai rộng sáu thước hai tấc, đầy đủ vẻ đẹp, chỉ có phía trên núm vú phía phải đồ tiết chưa chu toàn, lại khóa lấp bằng các vật báu, từ xa trông thấy tướng ấy, trọn tự như chưa hoàn mãn. Có vị Tăng mộng thấy người thợ bảo rằng: “Ta là Từ Thị, vì sợ thợ vụng nghĩ nên tự tả tạo tôn tượng. Tôn tượng duỗi tay tức tượng Phật bao ma chỉ xuống đất mà chứng Đạo”. Gần đây Nguyệt Vương chặt phá cây Bồ-đề, sai bảo tôi tớ hủy hoại tôn tượng Phật, còn Nguyệt Vương trở về lại hướng Đông, kể tôi tớ ấy vốn có tín tâm, mới xây tường gạch chắn bít trước tôn tượng, trong tâm hổ thẹn mờ tối, nên đặt ngọn đèn ở trong, phía ngoài đắp họa tôn tượng Tự Tại Thiên. Khi công việc hoàn thành cảm báo mạng, Nguyệt Vương nghe vậy khiếp sợ, khắp thân mình đều mọc mụn nước, da thịt lở loét, sau đó bèn chết mất. Vị Quan Đại Thần bèn vội trở lại đập phá vách tường chắn bít ấy, qua lại trải nhiều ngày mà ngọn đèn vẫn còn chẳng tắt mất. Nay tại trong thất sâu, lúc sáng sớm phải mang theo kiếng soi chiếu mới trông thấy hình tướng đó. Những người trông thấy, buồn cảm kính ngưỡng quên cả trở về. Đức Phật thành Đạo so với lịch của Trung Hoa tức là ngày mùng 8 tháng 3. Thao Thượng tọa bộ thì nói là Đức Phật thành Đạo ngày 15 tháng 3. Khi ấy vừa 30 tuổi, có thuyết nói là 35 tuổi. Những sự sai khác ấy bởi từ ở đó bất đồng, do dùng lịch trước sau nên có khác như vậy. Còn lịch ở tại Thần châu mỗi mỗi chẳng đồng, cứ ba đời đính chính đổi thay kéo dài chẳng ngang bằng, việc ấy đâu có gì quái lạ. Vả lại, chỉ y cứ lấy sự chứng ngộ bèn thôi.

Sau khi chứng quả Chánh giác rồi, suốt 7 ngày đêm Đức Phật an trú trong chánh định vắng lặng, tiếp đến 7 ngày kế tiếp kinh hành ở phía

Bắc cây Bồ-đề. Hai phía Nam-bắc qua lại cách nhau hơn 10 bộ. Có hoa kỳ lạ mọc nở theo dấu chân có 18 đường văn. Người đời sau chất gạch làm nền cao hơn ba thước. Người đời xưng gọi đó là nền Thánh tích. Nếu người muốn tỏ rõ mạng sống ngắn dài, trước nên phát nguyện chí thành, dùng dây để đo, tùy thọ mạng ngắn dài mà có chứng nghiệm thêm bớt. Ở bên tả tại đường phía Bắc trên tảng đá có một tinh xá lớn, có tạo tôn tượng Đức Phật ngược nhìn tướng cây vì muốn báo ân, lúc ấy suốt 7 này mặt Đức Phật chăm nhìn không tạm bỏ lia. Trong ngôi tinh xá lớn ở phía Tây cây Bồ-đề, có tôn tượng bằng đá thau đứng xoay mặt về hướng Đông được trang sức bằng các vật quý báu, phía trước có tảng đá xanh đường văn kỳ đặc hình thái lạ lùng. Ngày Đức Phật mới thành Đạo, Phạm vương tạo ngôi nhà bằng 7 báu, trời Đế-thích làm tòa 7 báu. Đức Phật ngồi trên đó 7 ngày tư duy, tỏa phóng ánh sáng soi chiếu vào cây, nay 7 báu biến thành đá. Tại phía Nam cây Bồ-đề có ngôi tháp cao hơn 700 thước, là nơi lúc mới đầu Đức Phật tắm dưới sông xong sắp muốn ngồi, bèn nghĩ muốn tìm chỗ lót, Trời Đế-thích liền biến hóa làm người đem cô thi (tức cỏ cát tường) đến dâng cúng Phật, nên vua A-dục tạo dựng tháp để biểu trưng đó. Tiếp theo về hướng Đông bắc có ngôi tháp, là nơi lúc Đức Phật chứng quả, có đàn chim tước sắc xanh đến nhiều quanh, nai đến tỏ bày tốt lành.

Về phía Đông cây Bồ-đề có con đường lớn, hai bên đường đều có một ngôi tháp, là nơi Ma vương quấy nhiễu Đức Phật nhưng bị suy yếu mà rút lui. Trong Tinh xá ở phía Tây bắc cây Bồ-đề có tôn tượng Đức Phật Ca-diếp-ba có lúc tỏa ánh sáng ở đời tương truyền: Nếu chí thành đi nhiều quanh 7 vòng thì ngay đời nay liền chứng đắc trí biết túc mạng. Lại về phía Tây bắc của tường có ngôi tháp, có các giống uất kim hương nê cao hơn 4 trượng. Về góc Đông nam của tường cây có cây Ni-câu-lô, bên cạnh có ngôi tháp, trong tinh xá có tòa cao là nơi Đức Phật mới chứng quả, Đại Phạm vương đến thỉnh cầu chuyển pháp luân. Ở bốn góc phía trong tường đều có các ngôi tháp. Mới đầu, Đức Phật nhận cỏ đi đến cây Bồ-đề là trước đến phía Tây nam, đất chấn động, Đức Phật lại đến hướng Đông Bắc rồi đến hướng Đông nam, và các nơi đất đều chấn động, nên Đức Phật bèn theo hướng Tây bắc đến dưới gốc cây, xoay mặt về hướng Đông ngồi trên tòa Kim cang đất mới an tĩnh, nhân đó nên dựng lập tháp để ghi chứng vậy. Về phía Tây nam ở ngoài tường, là nơi nơi vườn nhà của hai người nữ chăn trâu, bên cạnh đó là nơi nấu cháo, lại kề bên cạnh đó là nơi Đức Phật nhận cháo, đĩa có tạo dựng tháp biểu trưng. Ở ngoài cửa phía Nam của cây Bồ-đề có ao lớn chu vi

hơn 700 bộ, nước tung lảng là nơi nhà ở của cá rồng. Tiếp theo về phía Nam ao là nơi trời Đế Thích tạo ra để Đức Phật giặt tẩy y. Ở phía Tây ao ấy có tảng đá lớn, là nơi trời Đế Thích từ núi tuyết lại vì Đức Phật mà hong phơi y. Bên cạnh đó có ngôi tháp là nơi Đức Phật nhân y cũ. Tiếp theo về hướng Nam có ngôi tháp trong rừng là nơi Đức Phật nhận y cũ do một bà già nghèo khó dâng cúng. Về phía Đông của ao hóa ra có ao rồng trong rừng nước trong đen, mùi vị ngọt ngon. Ở bờ phía Tây, trong ngôi Tinh xá nhỏ có tôn tượng, là nơi xưa kia Đức Phật mới thành Đạo đến đó nhập định suốt 7 ngày. Long Vương đi nhiều quanh Đức Phật 7 vòng, hóa làm nhiều đầu để che Đức Phật. Từ ao rồng về hướng Đông có ngôi Tinh xá trong rừng, làm tôn tượng Đức Phật gầy ốm, bên cạnh có dấu vết kinh hành dài hơn 70 bộ, hai phía Nam-bắc đều có cây Tất-bát-la qua lại vịn nhau mà lên cao. Tức là nơi Đức Phật tu khổ hạnh nốt 06 năm mỗi ngày chỉ ăn một hạt gạo hạt mè. Nay những kẻ tật bệnh dùng dầu thơm bôi thoa vào tôn tượng, phần nhiều được lành mạnh. Lại có ngôi tháp nơi ở của 05 người (Năm anh em Kiều Trần như). Lại về hướng Đông nam có một ngôi tháp là nơi Đức Phật vào tắm trong sông Ni-liên thiên, tiếp đó gần nơi bờ sông là nơi Đức Phật ăn dùng bát cháo sữa, đến dưới cây đạo (Bồ-đề) nhận giải thoát. Bên cạnh đó có 2 ngôi tháp là nơi trưởng giả dâng cúng báu vật, về phía Đông nam của cây có một ngôi tháp là nơi bốn vị Thiên vương từ bốn phương đến, mỗi mỗi đều mang theo bình bát bằng vàng và bình bát bằng các vật báu đến dâng cúng nhưng Đức Phật đều không nhận nên mỗi vị mới mang bát đá đến sắc màu xanh biếc sáng ngời rồi cùng Đức Phật đều nhận tất cả. Lần lượt bên ngoài một bác hiện cả bốn phía. Bên cạnh đó có ngôi tháp, là nơi sau khi đã Thánh đạo Đức Phật vì Thánh mẫu mà giảng pháp, nơi hiện sức thần biến, nói Đức Phật hóa độ Ưu-lâu-tần-la-ca-diếp và ngàn vị học trò. Lại về phía Tây bắc là nơi Đức Phật nhiếp hóa rồng lửa, nơi 500 vị Độc giác nhập diệt. Về phía Nam của ao rồng mục chân là nơi Ca-diếp cho là Đức Phật bị đắm chìm trong nước, nơi ma quân khùng bố Đức Phật, đều có dựng tháp tiêu biểu và ghi lại chứng cứ vậy.

Ra ngoài cửa phía Bắc tường cây Bồ-đề tức có chùa Ma-ha Bồ-đề, sáu nhà 06 viện, quán các 03 lớp, chu vi tường cao 05 tượng, có bốn tượng Phật được chủ đúc bằng vàng bạc, trang nghiêm rất khéo léo, xinh đẹp hiếm có ở đời. Tháp lại cao rộng, có xá-lợi của Đức Phật lớn như lông tiết ngón tay sáng sạch đẹp xinh suốt thấu trong ngoài. Còn xá-lợi thật lớn như châu ngọc sắc xanh, hình đeo sắc hồng. Mỗi năm đến tháng Phật đản thần biến (tức ngày 30 tháng 12 ở Ấn Độ, tương

đương ngày 15 tháng giêng ở Trung Hoa) nghinh thỉnh ra cho mọi người trong xem. Lúc ấy tỏa phóng ánh sáng, mưa hoa, khiến mọi người sinh khởi tín tâm sâu sắc. Chư Tăng thường trú tại chùa đó gồm 1.000 vị, tập học theo Đại thừa và thượng tọa bộ, nghi dung phép tắc thanh tịnh chỉnh túc. Chùa ấy vốn do vua nước Tăng-già-la cầu xin vua Đại-cát-tướng ở Ấn Độ tạo dựng nên, đến nay đã 400 năm, chùa xưa cũ có nhiều vị Sa-môn người nước. đối diện với cây Bồ-đề cách khoảng hơn 10 dặm những Thánh tích gần kề nhau có lắm nhiều, khó thể nêu bày đủ hết. Mỗi năm sau khi chúng Tỷ-khưu an cư đã mãn, các hàng Phật tử tại gia ở khắp bốn phương cả trăm ngàn vạn người đua nhau suốt 7 ngày đêm dùng các thứ hương hoa kỹ nhạc đi khắp rừng cúng dường lễ bái chúc tụng mừng vui.

Tại Ấn Độ, chư Tăng bắt đầu vào an cư Vũ kỳ từ ngày 16 tháng 05 so với lịch số của Trung Hoa, đến ngày 15 tháng 08 thì giải hạ tự tứ. Đó cũng là tùy duyên biến đổi không thể ước định nhất khoát. Như về phía Bắc núi Tuyết có các nước chư Tăng an cư kiết xuân, an cư kiết thu v. v... với ý nghĩa trong một năm vào khoảng thời gian nhiều ẩm thấp, chư Tăng cấm chế suốt 3 tháng ở trong một trú xứ, chênh lệch trước sau một tháng thực hành không cần phải nhất định. Nếu y cứ tu đạo thì thời gian nào chẳng an. Nên suốt 3 thời du hành thông chế có tội, hẳn có duyên sự công việc cũng tùy khai mở và giúp đỡ, không chấp chặt vậy.

Từ viện nói cây Bồ-đề hướng Đông, vượt qua sông Ni-liên-thuyền, trong rừng lớn có ngôi tháp, về phía Bắc có cái ao là nơi xưa trước Đức Phật làm thân voi Hương tượng con hầu hạ voi mẹ bị mù mắt. Phía trước có dựng trụ đá là nơi xưa trước, Đức Phật Ca-diếp-ba an tọa tại đó, bên cạnh có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Trong rừng có trụ đá nhỏ là nơi Uất-đầu-lam-phát phát khởi nguyện ác. Lại theo hướng Đông vượt qua sông Mạc-ha đi bằng đường núi lớn hoang vắng hơn 100 dặm là đến núi Lũ-lô-bá-đà (tức núi Tôn Túc), thẳng lên trên 3 đỉnh núi tướng trạng như chân gà (kê túc), hình thể thẳng đứng cao với phô bày giữa khoảng không, một nửa lưng chừng núi trở xuống là cây rừng tươi tốt, một nửa trên là cây cỏ hoang dại. Tôn giả Ca-diếp-ba nhập định vắng lặng trong đó nên nhân đó mà xưng gọi vậy. Ban đầu, Đức Phật Thích-ca đem pháp y ca sa bằng sợi vàng do Di mẫu Kiều-đàm-di dệt thành muốn giao phó cho Đức Phật Từ Thị, khiến độ bốn chúng đệ tử sống trong Di pháp. Tôn giả Ca-diếp-ba vâng thừa ý chỉ, nên sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn đến năm thứ 20, mang pháp y ấy vào núi để chờ đợi đức Từ Thị ra đời. Phía trên có một ngôi tháp. Nửa đêm tỉnh

lắng đó tự như bó đuốc sáng tự soi chiếu.

Từ núi Kê Túc theo hướng Đông bắc đi hơn 100 dặm là đến núi Phật-đà-phạt-na. Ở phía Bắc sườn núi có một thất đá lớn, xưa kia Đức Phật từng dừng ở tại đó vài năm, bên cạnh có tảng đá là nơi trời Đế-thích đem Đàn Hương bôi thoa nơi Đức Phật, đến nay vẫn còn thơm ngát. Từ hang cốc trống theo hướng Đông đi ra cách hơn 300 dặm là rừng thân sắc tri (Tức là Thượng lâm) khắp hang núi. Xưa kia có người dùng chiếc gậy trúc cao trượng sáu để đo lường thân Đức Phật, mà thường đưa gậy ra làm tiêu biểu, nhân đó ném bỏ gậy mà đi, chiếc gậy ấy bèn đâm rễ mà sinh mọc khắp cả núi. Bên trong có một ngôi tháp, là nơi xưa kia Đức Phật từng đến ở đó 7 ngày giảng nói pháp. Trong rừng có cư sĩ thắng Quân dùng các mạt hương làm bùn tạo hình tháp cao 5 - 6 tấc, phía trên ghi họa kinh văn đề là pháp xá-lợi, suốt thời gian 30 năm trọn ngày liền đêm không biếng trễ, tạo được 7 ức hình tháp nhỏ, cứ mỗi một ức tháp nhỏ làm một tháp lớn để tôn trí vào trong, thiết lập pháp hội thỉnh mời chư Tăng tán thán mừng vui việc ấy, và đều tỏa phóng ánh sáng. Từ Thượng lâm về hướng Tây nam cách hơn 10 dặm, ở phía Nam núi lớn có 2 dòng suối ấm nóng do Đức Phật biến hóa để tắm rửa. Mọi người xa gần đến tắm rửa chữa các chứng bệnh trầm kha cũng được lành mạnh, bên cạnh có tháp tượng Đức Phật kinh hành. Lại về hướng Đông nam của rừng cách khoảng 7 dặm, trên đỉnh núi lớn có một tháp đá, là nơi xưa kia Đức Phật đã từng ở đó suốt 3 tháng mùa mưa vì các người trời giảng nói pháp. vua Tỳ-ba-la chất đá làm đường, rộng hơn 20 bộ dài 4 trượng. Từ núi lớn về hướng Đông bắc cách 4 dặm là đến thất của Tiên nhân ở Cô Sơn. Lại theo hướng Đông bắc cách khoảng 5 dặm đến một núi đơn lẻ nhỏ, có ngôi thất vách đá có thể dung chứa ngàn người ngồi. Xưa kia Đức Phật từng ở tại đó 3 tháng giảng pháp. Phía trên thất ấy có một tảng đá là nơi trời Thích Phạm dùng hương chiên-đàn bôi thoa Đức Phật đến nay vẫn còn thơm ngát. Từ thất ấy về góc Tây nam có đỉnh núi cao vợi tức là A-biểu-lạc cung. Bên cạnh thất đá là nơi vua Tần-tỳ sang chỗ Đức Phật bằng cầu dây, chặt đá mở đường thông dài 5 dặm làm thêm cấp. Lại về hướng Đông đi khoảng hơn 60 dặm là đến thành Củ-xa-yết-la-bổ-la (tức là mâu thành), lên cung thành mâu tức là chính giữa của nước Ma-kiệt-đà. Tại đó sản sinh nhiều loại Hương mâu rất ưu tối trong nước. Từ xưa lại đô thành các vua đều đóng tại núi đó. Các cửa thành đến nay vẫn hiện còn. Nhân mùi hương thơm nên gọi tên như vậy. Núi ấy cao, chung quanh 4 phía bên ngoài đều xây thành bao bọc. Phía Tây thông với đường hẹp, phía Bắc mở thoàng cửa

núi. Hai phía Đông-tây kéo dài qua lại cả 150 dặm, cây hoa đều tươi tốt, đều là sắc màu vàng ròng. Phía trong thành chu vi hơn 30 dặm nhưng hoang trống, thoáng mát, không có người vật. Ngoài cửa phía Bắc có ngôi tháp, là nơi Đức Phật duỗi tay biến hóa 5 con sư tử để nhiếp phục con voi say của Đề-bà. Lại về hướng Đông bắc có một ngôi tháp là nơi Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Tỳ-khưu Mã Thắng giảng nói pháp mà chứng đạo. Ở phía Bắc của tháp ấy có một hầm hố sâu rộng, bên cạnh lại có ngôi tháp là nơi Thất-lợi-cúc-đa cài đặt hầm lửa để hại Đức Phật. Về phía Đông bắc của hầm ấy có ngôi tháp nơi khúc cong của thành núi là vườn nhà của Phược-ca-y vương, vì Đức Phật mà thiết lập giảng đường nói pháp. Chung quanh tường thành, hoa quả gốc cây Hoàng Bá đến nay vẫn hiện còn. Xưa kia, Đức Phật phần nhiều dừng ở trong đó.

Từ cung thành về hướng Đông bắc cách 15 dặm đến núi Cô-lật-đà-la-cự-na (tức là Thửu Phong, còn gọi là Thửu Đài, hoặc Kỳ-xà-quật) tiếp liền phía Bắc, ở phía Nam núi riêng nổi cao, trên đỉnh hai phía Đông-tây dài gần đến sườn núi. Ở phía Tây có thất gạch rộng cao được xây dựng rất kỳ đặc. Cửa mở về hướng Đông. Trong 50 năm trụ thế, Đức Phật phần nhiều ở tại thất đó giảng pháp, nay có tạo tôn tượng bằng thân Đức Phật. Xưa kia, vua cảnh kiên vì nghe pháp nên từ núi đến đỉnh phải giẫm trải hang hóc leo trèo hiểm nguy, do đó chất chồng đá làm tầng cấp dài 6 dặm rộng hơn 10 bộ. Từ thạch thất ở Trượng lâm đến đó làm 3 đường thêm cấp đến nay vẫn hiện còn. Bên cạnh thêm cấp có hai ngôi tháp nhỏ, một là khiến để vua đi xuống và một là chon cho người phạm. Bên trên về phía Đông tinh xá có một tảng đá dài, xưa kia Đức Phật thường kinh hành qua lại nơi đó. Bên cạnh có tảng đá lớn cao trượng tư - trượng năm, rộng hơn 30 bộ, là nơi Đề-bà lăn ném hại Đức Phật. Dưới sườn núi phía Nam đó có ngôi tháp, xưa kia Đức Phật ở đó giảng nói kinh Pháp Hoa.

Ở sườn núi phía Nam Tinh xá có một thất đá lớn, là nơi xưa kia Đức Phật nhập định tại đó. Tôn giả A-nan ở thất riêng bị ma quân khủng bố, Đức Phật đưa tay xuyên qua đá xoa vào đỉnh đầu A-nan, nay hiện còn hang lỗ thông ấy. Từ tinh xá về hướng Đông bắc, có khe suối đá lớn và có tảng đá lớn là nơi Đức Phật hong phơi pháp y, đường vân đến nay vẫn còn rõ ràng. Bên cạnh có dấu chân Đức Phật, đường vân Luân tướng in sâu vào đá. Trên đỉnh núi phía Bắc có ngôi tháp, là nơi Đức Phật trông nhìn về thành Ma-kiệt-đà suốt 7 ngày giảng pháp. Từ cửa Bắc của Thành núi về hướng Tây có núi Tỳ-bố-la. Dưới sườn núi ở phía Tây nam xưa kia có 500 dòng suối ấm nóng, nay chỉ còn vài mươi

dòng nước vừa lạnh vừa nóng, nguồn nước xuất phát từ ao Vô nhiệt não ở núi Tuyết dòng mạch ngầm mà chảy ra đó hiện còn trong sạch mùi vị mát đồng như ở ao gốc. Đều có khắc chạm đá làm đầu sư tử đá, chung quanh dưới dòng nước chất chồng đá làm thành ao, những người đến tắm rửa, tật bệnh đều lành, chư Tăng ở các chùa phần nhiều đều đến lấy nước ở đó để uống. Dùng nước ấy để tắm gội đầu tóc thì khắp thân mình thường luôn sạch sẽ. Sư giả Vương Huyền Sách từng dùng nước ấy gội đầu đến nay đã qua 5 năm mà tóc vẫn tươi nhuận sạch sẽ, thật không thể nghĩ bàn. Hai bên dòng suối đều có Tháp và Tinh xá nền móng cũ hiện còn lắm nhiều và dấu vết của 4 Đức Phật kinh hành tướng núi rừng trong đây đều ẩn hiểm thấy ở phía Tây dòng suối có Thạch thất Ty-bát-la là nơi xưa kia Đức Phật thường ở, vách tường phía sau là hang thông suốt sâu đó là cung A-tố-lạc. Tại đó vua Tỳ-bố-la dựng lập tháp, nơi Đức Phật giảng nói pháp, nay hiện bày hình ngoại đạo ở đó. Từ cửa phía Bắc thành núi về bên tả sườn núi phía Nam hiểm nguy, theo hướng Đông đi 3 dặm có một thất đá lớn là nơi điều đạt nhập định. Ở phía Đông thấy ấy có một tảng đá loang lỗ vết máu là nơi xưa kia có vị Tỳ-khưu tập tu thiền định mà không chứng quả, tự đâm vào cổ mình bèn chứng đắc quả A-la-hán liền bay lên giữa không trung biến hóa lửa tự thiêu thân mình. Trên sườn núi lại có một tháp đá là nơi xưa trước có vị tu tập Thiền định ném mình xuống sườn núi mà chứng quả. Từ ngoài cửa phía Bắc cách hơn một dặm là đến Tinh xá Ca-lan-trúc-viên, nền móng đá tường thất gạch mở cửa về hướng Đông, xưa kia Đức Phật phần nhiều thường ở trong đó. Thất ấy đến nay vẫn hiện còn. Nay có tạo tôn tượng ngang bằng thân hình của Đức Phật. Từ Trúc Viên về hướng Đông có ngôi tháp lớn là do A-xà-đa-thiết-đốt-lộ (nghĩa là vị sinh oán tức là vương được chia phần xá-lợi của Đức Phật nên dựng lập phụng thờ. Về sau, vua Vô Ưu mở phá mà riêng tạo dựng các tháp khác để phụng thờ. Những xá-lợi còn lại tại đó có lúc tỏa phóng ánh sáng. Bên cạnh đó có nơi Đức Phật kinh hành: về hướng Đông có tháp thờ tôn tượng A-nan bán thân. Từ Trúc Viên về hướng Tây nam cách 6 dặm, về phía Bắc nam sơn có ngôi thạch thất lớn trong rừng lớn là nơi Tôn giả Đại Ca-diếp-ba cùng ngàn vị A-la-hán kết tập Tam tạng kinh điển, vì là bậc thượng tọa trong chúng Tăng nên xưng gọi là Thượng tọa bộ về phía Tây bắc thạch thất ấy có ngôi tháp, là nơi Tôn giả A-nan bị trách cứ mà chứng đắc quả vị La-hán nên gọi là tháp Chứng quả. Lại theo hướng Tây đi hơn 20 dặm có một ngôi tháp là nơi Đại chúng các bậc hữu học và vô học kết tập 5 tạng Thánh giáo, nhân đó mà xưng gọi

là Đại chúng bộ.

Từ Trúc Viên về hướng Bắc cách hơn 200 bộ là ao Ca-lan là nơi xưa kia Đức Phật ở đó giảng nói nhiều pháp, nay ao ấy đã khô cạn. Từ ao ấy về phía Tây bắc cách 3 dặm có một ngôi tháp do vua A-dục tạo dựng 60 thước, có trụ đá cao hơn 50 thước, phía trên khắc ghi sự kiện dựng lập tháp. Từ trụ đá ấy hướng Đông bắc không bao xa là đến thành (tức Tân vương xá thành, thuộc về địa vực Hàn lâm, do Xà vương đời đô đến xây dựng ở đó, cách mâu thành về hướng Đông bắc khoảng 4 dặm. Quách bao bên ngoài nay đã hư hoại. Nội thành chu vi rộng hơn 20 dặm. Mặt chính chỉ có một cửa, khi vua Vô Ưu lại dời đô đến thành Hương Hoa, đem xứ đó thí cấp cho Bà-la-môn, nay hiện có ở gần ngàn gia đình. Ở phía Tây nam cung thành có 2 ngôi chùa nhỏ, là nơi xưa kia Đức Phật thường giảng pháp, khách Tăng ở các nước đến phần nhiều dừng ở tại đó. Tiếp theo về hướng Tây bắc có một ngôi tháp là nơi thôn xóm xưa cũ của Trưởng giả Thù-đề-ca (tức Thọ-đề-ca, Trung Hoa dịch nghĩa là Tinh Lịch). Ra ngoài cửa phía Nam Vương thành, bên tả đường đi có ngôi tháp là nơi Đức Phật giảng nói pháp hóa độ La-hầu-la.

Lại theo hướng Bắc đi hơn 30 dặm, đến chùa Na-lan-đà (nghĩa là Thí-vô-yểm). Đó vốn là phía Nam vườn của Yêm-một-la, xưa kia có 500 vị thượng nhân mua để cúng dường. Đức Phật ở trong đó 3 tháng giảng nói pháp. Trước sau có 5 vị vua hợp sức tạo dựng; đó là: 1 là vua Thước-ca-la A-dật-đa, Trung Hoa dịch nghĩa là Đế-nhật tạo dựng ngôi chùa ấy; 2 là vua Phật-đà-cúc-đa, Trung Hoa dịch nghĩa là Giác Hộ tiếp đến tạo dựng ở phía Nam, 3 là vua Thư-đà-yết-la, Trung Hoa dịch nghĩa là Như Lai tiếp đến tạo dựng chùa ở phía Đông, 4 là vua Bà-la A-dật-đa, Trung Hoa dịch nghĩa là Huyền Nhật tiếp đến xây dựng chùa ở phía Đông, 5 là vua Phạt-xà-la, Trung Hoa dịch nghĩa là kim cương tiếp đến tạo dựng chùa ở phía Bắc. Tường thành bao quanh sừng sờ cao 5 trượng. Tất cả có đến 7 viện, mỗi viện riêng có 3 tầng đồng làm một cửa trải qua nhiều đời tạo dựng nên vô cùng tráng lệ. Chùa ấy lập định pháp chế nghiêm mật, từ khi tạo dựng chùa đến nay, không cho người nữ đến đó. Có 10 vị Tri sự hằng đêm canh tuần kiểm xét. Người chưa thọ giới Cụ túc theo thứ tự tuổi đời mà xếp Tăng chúng có vài ngàn vị. Những bậc danh Tăng du học có gần vạn vị, phần nhiều đều là tài俊 thông học, tiếng tăm vang vọng khắp đến các xứ khác, số ấy có vài trăm vị, nên chư Tăng ở Ấn Độ đều rất kính ngưỡng phép tắc ấy. Như có ai chẳng bàn đàm tạt chỉ thì hình hại tự tổ về hổ thẹn, nên những vị tự phương khác đến luận nghị cố giữ tông phong của mình mà cất vấn,

phần nhiều đều ngã gãy mà rút lui. Hoặc có du khách đến sau, luận rõ về nghệ năng, nhưng rút bỏ lui thì trong 10 vị chẳng phải 1 đến bảy, tám. Do đó những bậc tài cao bác đạt biết rộng hiểu nhiều, những bậc thông minh tài đức lợi người nối liền phát huy tiếp vật, đến như các Sa-môn Hộ Pháp, Hộ Nguyệt, chỉ trách Phương Trần, Trí Huệ, Đức Kiên vang danh ngoài vật, Quang Hữu thanh luận, Thắng Hữu Cao Đàm, Trí Nguyệt Phong Giám, Giới Hiền Chỉ Nghiệp đều thuần túy ở đương thời đồng soi sáng từ xa xưa, đã học trùm cả nghi quỹ xưa cũ, tạo thuật luận thích, mỗi mỗi có vài mươi bộ, thanh hành lưu bố nơi đời. Nên Thánh tích ở chùa ấy có thể sơ lược mà tường tự vậy.

Ở phía Tây chùa ấy có một ngôi Tinh xá, là nơi xưa kia Đức Phật từng ở 03 tháng giảng nói pháp. Tiếp đến về hướng Nam trăm bộ có một ngôi tháp nhỏ làn ơi có vị Tăng từ phương xa trông thấy Đức Phật. Lại về phía Nam có tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại đứng, hoặc có người thấy tôn tượng cầm nắm lò hương đi nhiều quanh tinh xá theo phía hữu, tiếp về hướng Nam có một ngôi tháp, là nơi Đức Phật từng ở 03 tháng mà cạo đầu, những người tật bệnh đi nhiều quanh phần nhiều được lành mạnh. Lại bên cạnh ao ở ngoài tường phía Tây có một ngôi tháp là nơi ngoại đạo chấp trước đến hỏi Đức Phật. Về phía Đông nam trong tường thành cách hơn 50 bộ có một cây gỗ kỳ lạ cao 8-9 thước đâm mọc dần bày ra hai cành, là do xưa kia Đức Phật xỉ răng vất bỏ mà sinh mọc như vậy. Lại về phía Đông có một ngôi Tinh xá lớn cao hơn 20 trượng, là nơi xưa kia Đức Phật từng ở giảng nói pháp. Tiếp về hướng Bắc cách hơn trăm bộ, có Tinh xá phụng thờ tôn tượng Quán Tự Tại, mọi người thấy ứng cảm chẳng đồng, hoặc thấy đứng bên cạnh cửa, hoặc thấy ra trước mái hiên nhà, nêu theo phép nước có tập tục đều riêng cúng dường.

Tiếp về hướng Bắc có một tinh xá lớn cao hơn 30 trượng do vua Giới Nhật tạo dựng trang nghiêm độ lượng, tôn tượng Phật đồng như ở tinh xá dưới cây Bồ-đề. Tiếp về hướng Đông bắc có ngôi tháp, là nơi Đức Phật từng ở 7 ngày giảng nói pháp. Lại về phía Tây bắc tức là nơi 4 Đức Phật ngồi. Tiếp về hướng Nam có ngôi tinh xá bằng than thạch cao 80 thước cũng do vua Giới Nhật tạo dựng đến nay còn chưa hoàn thành. Lại về hướng Đông cách hơn 200 bộ, ở ngoài tường thành có tôn tượng đứng bằng đồng cao hơn 80 thước, có 6 tầng các đồng đầy, do Trụ Vương tạo dựng. Từ đó về hướng Bắc cách 3 dặm, trong một ngôi Tinh xá bằng gạch có nhiều tôn tượng Bồ-tát hình lượng cao đồng, linh thiêng khác lạ. Mỗi năm đến ngày mồng một tháng giêng lớn thiết bày cúng dường. Vua tôi các nước đồng tấu nhạc báu suốt 7 ngày mới thôi.

Ở ngoài cửa tường chùa có một cái giếng lớn là nơi Đức Phật vì các thương nhân nóng khát, chỉ xuống đất và bảo “nơi đây có thể kiếm được nước”. Nhân đó đem trục xe thọc xuống, nước suối tuôn vọt, mọi người uống nước ấy tỏ ngộ được Thánh đạo. Lại về phía Tây nam của chùa cách khoảng 9 dặm là thôn xóm xưa cũ của Mật-đặc-già-la. Vua A-dục tạo dựng tháp để ghi chứng về Tôn giả Mục Kiền Liên. Lại về hướng Đông cách 4 dặm, là đến nơi vua Tần-tỳ; Trung Hoa dịch nghĩa là cảnh kiên nghinh đón Đức Phật. Lại về hướng Đông nam cách hơn 20 dặm là đến quê cũ của Tôn giả Xá-lợi-phất, vua A-dục tạo dựng ngôi tháp, bên cạnh có tháp phụng thờ di thân của Tôn giả và cái giếng hiện còn.

Lại về hướng Đông nam cách khoảng 5 dặm có một ngôi tháp, là nơi ở thời Đức Phật Ca-diếp-ba có 3 vị Đại A-la-hán đồng nhập diệt tại đó. Lại về hướng Đông cách hơn 30 dặm có hang Đế-thích, hang hốc hiểm nguy, rừng hoa tươi tốt sừng sờ. Hai đỉnh núi đặc biệt nổi bầy, ở hang phía Tây xoay mặt về hướng Nam có một thất đá, xưa kia Đức Phật từng dừng ở tại đó. Đế-thích đem 42 điều nghi ngờ họa vào đá mà thỉnh hỏi, dấu vết ấy nay vẫn hiện còn. Tôn tượng hiện nay phỏng ước theo xưa, vào lễ bái rất chỉnh túc nghiêm nhiên. Trên đỉnh núi có vết tích của 4 Đức Phật tọa thiền kinh hành. Ở đỉnh núi phía Đông có ngôi chùa, chư Tăng ban đêm trông nhìn về hướng Tây thấy trước thất đá có đuốc lửa chiếu rọi sáng rực. Trước chùa ở núi Đế Thích có ngôi tháp nhọn, duyên tích như trong kinh điển tả. Từ núi Đế-thích về hướng Đông bắc cách 160 dặm, đến chùa Ca-bố-đức, Trung Hoa gọi là chùa Cáp (Bồ câu), chư Tăng có 200 vị. Ở phía Đông của chùa có ngôi tháp, là nơi Đức Phật suốt 1 đêm giảng nói pháp. Về đời xưa trước, Đức Phật làm thân chim cáp (bồ câu) ném mình vào lửa và việc La-giả ăn đó. Về phía Đông có tháp vua A-dục. Từ tháp ấy về hướng Nam đến núi Đơn Lẻ rất cao vợi, có nhiều tháp miếu. Ở trên có một tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại thân tướng bé nhỏ mà lắm nhiều oai đức. Tay nắm hoa sen, đỉnh đầu đội tôn tượng Đức Phật. Có người bỏ ăn từ 7 ngày cho đến một tháng thì bèn thấy nghi dung chân thật là trong tôn tượng xuất hiện ra. Đó là nơi tinh xá do vua Tăng-già-la tạo dựng nên vậy. Lại về hướng Đông nam đi khoảng 40 dặm có một ngôi chùa, chư Tăng có 50 vị tập học theo giáo pháp Tiểu thừa, có ngôi tháp lớn rất nhiều linh dị, là nơi xưa kia Đức Phật vì các Phạm Vương v. v... suốt 7 ngày giảng nói pháp. Bên cạnh có dấu vết của 4 Đức Phật kinh hành.

Từ chùa về phía Đông bắc cách hơn 70 dặm, về phía Nam sông

Khắc-già có ngôi đền thờ trời, về phía Đông có ngôi tháp lớn, xưa kia Đức Phật từng ở nơi đó 1 đêm giảng nói pháp. Lại về hướng đông vào núi rừng cách hơn trăm dặm có ngôi chùa lớn và ngôi tháp A-dục, là nơi xưa kia Đức Phật từng ở 3 tháng giảng nói pháp. Lại về hướng Bắc cách 3 dặm có một ao lớn, chu vi rộng hơn 30 dặm, hoa sen 4 màu suốt 4 mùa khoe nở.

Lại về hướng Đông vào đường núi rừng cách 200 dặm, đến nước Y-lan-noa-bát-phạt-đa (thuộc Trng Ấn Độ), chu vi rộng hơn ngàn dặm, phía Bắc đô thành gần sông Khắc-già chu vi rộng 20 dặm. Chùa chiền có 10 ngôi, chư Tăng hơn 4.000 vị, phần nhiều tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có hơn 20 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo chung sống lẫn lộn. Trong thành có 2 ngôi chùa, mỗi ngôi có gần ngàn vị Tăng sinh hoạt tu tập, đều học theo giáo pháp Tiểu thừa. Bên cạnh sông phía Bắc thành là núi Y-lan-noa, từ xưa lại những vị tiên chứng đắc ngã thông thường ở đó. Nay hiện có đền thờ trời là nơi xưa kia Đức Phật từng ở đó 3 tháng giảng nói pháp. Từ thành về phía Nam có ngôi tháp, là nơi xưa kia Đức Phật từng ở 3 tháng giảng nói pháp. Bên cạnh có dấu vết của 3 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Ở biên giới phía Tây nước đó tức thuộc bờ phía Nam sông Khắc-già có một quả núi đơn lẻ dài hơn một dặm, xưa kia Đức Phật từng an cư 3 tháng tại đó. Và cũng là nơi Đức Phật nhiếp hóa quỷ Cú-la và Dục-xoa. Dưới sườn phía Đông nam núi ấy, trên một tảng đá lớn có dấu vết Đức Phật ngồi in sâu vào đá hơn một tấc, dài 5 thước 2 tấc rộng 2 thước 1 tấc, phía trên có tháp che phủ. Tiếp về phía Nam, trên tảng đá có Quán-tri-ca (tức là bồn tắm) của Đức Phật đáy sâu hơn 1 tấc 8, sinh mọc ra hoa. Lại từ dấu vết của Đức Phật ngồi về phía Đông nam là dấu vết của Dục xoa, dài một thước 8 tấc rộng 8 tấc, sâu 2 tấc. Trên đỉnh núi có thất xưa cũ của Dục Xoa, về phía Bắc dựng tạo vết tích Đức Phật dài một thước 8 tấc, rộng hơn 6 tấc sâu nửa tấc, phía trên có tháp che phủ. Từ đó về hướng Tây có dòng suối nóng dài sáu bảy dặm, nước rất nóng. Tại phía Nam nước ấy có rừng lớn, lắm nhiều voi đồng hoang rất lớn.

Từ đó thuận theo bờ phía Nam sông Khắc-già đi về hướng Đông cách 300 dặm, đến nước Chiêm Ba (thuộc Trung Ấn Độ), chu vi rộng hơn 4.000 dặm, phía Bắc đô thành gần sông Khắc-già, chu vi rộng hơn 40 dặm. Có vài mươi ngôi chùa, chư Tăng hơn 200 vị đều tập học theo giáo pháp Tiểu thừa. Có hơn 20 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo chung sống lẫn lộn, tường thành xây dựng bằng gạch cao vài trượng, cách địch thù cao vợi. Ở thời sơ kiếp, mới đầu người vật hoang dã sống

nơi hang huyệt. Về sau có thiên nữ xuống trong loài người đi rảo rới sông Khắc-già tắm rửa, tự mến yêu, bèn cảm linh thiêng mang thai sinh 4 người con, phân ở Nam thiêm bộ châu, phân chia biên cương dựng lập thôn ấp. Và đó là Đô thành của một người con, tức vị chúa đầu tiên ở Nam thiêm bộ châu. Đất ở đó ấm nóng rất thích nghi với loài voi. Từ thành ấy về hướng Đông nam cách 150 dặm, nước sông Khắc-già chảy xoay lại cô châu. trên sườn núi bên trong có đền thờ trời rất linh dị. Biên giới nước ấy hoang trống, voi sinh sống kéo nhau đi từng đàn.

Lại theo hướng Đông đi hơn 400 dặm đến nước Yết-chu-hút-kỳ-la (thuộc Trung Ấn Độ), chu vi rộng hơn 2.000 dặm. Có 7 ngôi chùa, chư Tăng hơn 300 vị, có 10 ngôi đền thờ Trời, các hàng Di đạo chung sống lẫn lộn. Xứ đó lắm nhiều dòng suối nước nóng. Từ thành về phía Bắc, bên bờ sông Khắc-già có một Đài cao lớn được xây dựng bằng gạch. Bốn mặt khắc chạm tôn tượng Đức Phật, chư Thiên v.v... về cảnh vực phía Nam có nhiều voi hoang đồng trống. Vua Giới Nhật đi tuần du đến phương Đông đến đó dựng tạo Hành cung. Lại theo hướng Đông vượt qua sông Khắc-già hơn 600 dặm đến nước Bôn-na-phạt-đàn-na (thuộc trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm. Chu vi Đô thành rộng hơn 40 dặm, dân chúng sinh sống đông đầy. Có hơn 20 ngôi chùa, chư Tăng hơn 3.000 vị tập học giảng pháp cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa có trăm ngôi đền thờ trời. Các hàng Di Đạo chung sống lẫn lộn, lộ bày thân hình riêng lắm nhiều. Từ thành ấy đi về hướng Tây cách hơn 20 dặm, có ngôi chùa lớn, chư Tăng có hơn 700 vị đều tập học giáo pháp Đại thừa. Các bậc Danh Tăng ở Đông Ấn Độ phần nhiều xuất phát từ đó. Có tháp vua A-dục tạo dựng. Xưa kia Đức Phật từng đến ở đó 3 thành giáo nói pháp, vào những ngày trai tỏa phóng ánh sáng. Bên cạnh có dấu vết của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Tiếp theo trong tinh xá có tạo tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại, thần biển giáng hiện chẳng chỉ một lần. Có người bỏ ăn nhiều ngày cầu nguyện hẳn có ứng cảm. Đất đai xứ đó ẩm thấp, là nơi sản sinh ra quả Bát-da-bà, đã nhiều mà lại quý, lớn như trứng hạc, hoặc tại trên cành cây hoặc ở trong rễ cây tựa như loại phục linh vậy.

Lại về hướng Đông hơn 900 dặm đến nước Già-ma-lũ-ba (thuộc Đông Ấn Độ) chu vi rộng hơn vạn dặm. Chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Xứ đó đến nay vẫn chưa có Phật pháp, dân chúng tự phụng thờ trời thần. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo đông cả vạn người. Có vua Câu-ma-la (tức là Đông tử) sinh sống tại đó, tương thừa tiếp nối cả hơn ngàn đời, đất suối ấm nóng, người vật rất xương thạch, lãnh vực phía Đông nước đó tiếp liền với phía Tây nam của nước Trung

Hoa, có các giống dân man lão ở đó triều cống v.v... Lại đi thêm khoảng hai tháng là vào biên giới phía Tây của đất Thục. Về phía Đông nam nước đó có lắm nhiều loài voi hoang dã, vua xứ đó nghe tên Sa-môn Huyền Trang từ xa đến Trung Thiên (Ấn Độ), bèn nghinh thỉnh đến Đông Ấn Độ. Khi đã thấy gặp dốc lòng kính ngưỡng như đã quen thuộc từ lâu trước, nên sinh tâm kính tin Phật pháp, mở mang hoàng hóa. Sa-môn Huyền Trang lại luận nghị nhiếp phục ngoại đạo, trao truyền pháp Quy giới, càng mở rộng xiển dương giáo hóa. Nên Phật giáo có được ở Đông Ấn Độ là do Sa-môn Huyền Trang hoằng dương vậy. Tiếng tăm vang vọng khắp xa gần, vua Giới Nhật nghe biết, lại nghinh thỉnh Sa-môn Huyền Trang trở về lại trời Tây và càng thêm sự lễ kính việc thấy rõ Biệt truyện.

Từ đó, theo hướng Nam đi 1.300 dặm đến nước Tam-ma-đát-tra (thuộc Đông Ấn Độ) chu vi rộng hơn 3.000 dặm, gần biển thấp ẩm, chu vi Đô thành hơn 20 dặm. Có hơn 30 ngôi chùa, chư Tăng hơn 2.000 vị, tu tập theo Thượng tọa bộ. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo lỏa hình lắm nhiều. Bên cạnh thành có tháp của vua A-dục, là nơi xưa kia Đức Phật đã từng đến giảng pháp 7 ngày. Bên cạnh lại có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Trong ngôi chùa bên cạnh có tôn tượng bằng ngọc sắc xanh cao 8 thước, tướng hảo oai nghiêm. Từ đó theo hướng Đông Bắc men đường biển lớn đi trong hang núi, có nước Thất-lợi-sai-đát-la, tiếp về góc biển Đông nam có nước Ca-ma-lân-ca, tiếp về hướng Đông có nước Đọa-la-bát-để, tiếp về hướng Đông có nước Thường-na-bổ-la, tiếp về hướng Đông có nước Ma-ha-chiêm-ba; tức là Lâm ấp, tiếp về hướng Tây nam có nước Diêm-ma-na-châu, cả 6 đất nước ấy đường xá hiểm trở nên chẳng đi đến.

Lại từ nước Tam-ma-đát-tra theo hướng Tây đi 900 dặm đến nước Đam-ma-lật-để (thuộc Đông Ấn Độ) chu vi rộng 1.500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm, gần bờ biển thấp ẩm. Có 10 ngôi chùa, có hơn ngàn vị Tăng. Có 50 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn, có tháp do vua A-dục dựng lập và có dấu vết của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Lại theo hướng Tây bắc đi hơn 700 dặm đến nước Yết-la-noa-tô-phạt-thích-na (thuộc Đông Ấn Độ), chu vi rộng 4.500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, người vật sinh sống đông nhiều, tà chánh lẫn lộn gồm một nửa. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hơn 2.000 vị, tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có hơn 50 ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo rất đông nhiều. Riêng có 3 ngôi chùa chư Tăng không ăn dùng sữa tồ; theo phái Điều Đạt bộ. Phía ngoài Thành có ngôi chùa

tháp do vua A-dục tạo dựng, xưa kia Đức Phật từng ở đó giảng pháp 7 ngày. Bên cạnh có ngôi tinh xá có vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền.

Lại về hướng Tây nam đi hơn 700 dặm đến nước Ô Trà (thuộc Đông Ấn Độ) chu vi rộng hơn 7.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, dân chúng kính tin Phật pháp. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng có hơn vạn vị học giảng pháp Đại thừa. Có 50 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn. Có hơn 10 ngôi tháp, đều là những nơi xưa kia Đức Phật từng đến giảng nói pháp. Về cảnh vực ở phía Tây nam trong núi lớn có ngôi chùa lớn tháp đá có lăm điềm linh dị, trong những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng, tiếp dưới mâm bày trên che thế bát, dùng lọng hoa đội đặt đó bèn đứng như đá nam châm vậy, từ đó về hướng Tây bắc có núi, chùa tháp khác lạ đồng như trước, hai ngôi tháp ấy đều do quỷ thần tạo nên. Về cảnh vực phía Đông gần biển lớn có thành Chiếc-lợi-đát-la (nghĩa là phát hành) chu vi rộng hơn 20 dặm, là nơi Thượng nhân vào biển dừng nghỉ giữa đường. Tiếp theo ngoài thành ấy có 5 ngôi chùa đài các cao lớn, tôn nghi đẹp xinh khéo lạ. Về hướng Nam đến nước Tăng-già-la cách hơn hai vạn dặm, ban đêm tĩnh lặng trông nhìn lại Tinh xá Phật nha phô bày lên trên vài trăm thước có vật báu Bát-đàm-ma-ha-già (vật báu lớn như thăng tức là hổ phách vậy) tỏa sáng soi chiếu như treo đuốc trên thành ấy.

Lại theo hướng Tây nam đến rừng lớn cách hơn 1.200 dặm đến nước Cung-ngự-đà, chu vi rộng hơn ngàn dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, gần kề bờ biển đất đai vừa nóng vừa ẩm. Có lăm vật báu như Loa bối trân châu, voi sắc xanh lớn v.v... Dân chúng xứ đó có tập tục tin theo ngoại đạo. Có trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo có hơn vạn người. Trong cảnh vực có vài mươi thành nhỏ tựa đứng vào núi biển. Lại theo hướng Tây nam đi qua rừng hoang lớn cách 1.500 dặm đến nước Yết-lục-ca (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, hiếm ít kính tin Phật pháp. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hơn 500 vị đều tập học theo Đại thừa Thượng Tọa bộ. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo đông nhiều. Phía Nam thành ấy có tháp vua A-dục cao hơn trăm thước là nói 4 Đức Phật tọa thiền. Cảnh vực phía Bắc duỗi ra núi lớn, trên đỉnh có ngôi tháp cao hơn trăm thước, là nơi vào thời thọ mạng con người không thời hạn có vị Độc giác nhập diệt tại đó. Trong nước đó vào rừng sâu cách vài trăm dặm là nơi sinh sản ra loài hương tượng, các nước lân cận vô cùng quý trọng. Xưa kia có vị Tiên nhân chứng đắc ngũ thông nung nấu nơi hang

núi, có người xúc chạm nên tất cả đều rút lui, bèn dùng chú thuật xấu ác giết hại người nước ấy. Nay chỉ còn lại hiếm ít.

Từ đó lại theo hướng Tây bắc vào trong núi rừng đi hơn 1.800 dặm đến nước Kiều-tát-la (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, trên đỉnh núi toàn là rừng chầm bao bọc chung quanh liên tiếp, chu vi Đô thành rộng hơn 40 dặm, thôn xóm cùng trông liền nhau. Dân chúng rất kính tin Phật pháp. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng có gần vạn vị đều tập học giáo pháp Đại thừa, có 70 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo chung sống lẫn lộn. Ở phía Nam của thành có chùa tháp xưa cũ, là nơi xưa kia Đức Phật từng hiện thân thông nhiếp phục ngoại đạo. Về sau, Bồ-tát Long Mãnh ở trong chùa đó. Lại về phía Tây nam cách hơn 300 dặm có núi Bạt-la-mạt-la-kỳ-ly (nghĩa là Hắc Phong) cao với riêng troi đỉnh núi hiểm nguy, đã không sườn men hang hốc như toàn là đá. Trong nước đó xưa trước có vua Dẫn chánh vì vô lậu Long Mãnh mà đục núi làm chùa. Cách núi vài mươi dặm đục mở đường thông, đứng dưới chân núi ngửa mặt nhìn xuyên đá đứng sừng, hiêng vũ kéo dài, mái bộ đài cao trùng các, mỗi mỗi có 5 tầng, mỗi tầng có 4 viện đều có Tịnh xá đẹp xinh khéo léo. Từ trên đỉnh núi trông đồ các dòng suối chất chồng giao thông lẫn nhau, khơi thông dẫn rõ bên trong suốt sáng đến lúc sức người đã hết, phủ tạng mới tận. Công việc ấy chưa đến một nửa, vua rất lo âu, Bồ-tát Long Mãnh mới kín dùng thần dược rót vào các đá lớn đều biến thành vàng. vua trông thấy vàng vui mừng đồng mãnh tạo tác thành tựu đến tầng thứ năm. Trong mỗi mỗi tầng đều có chủ đúc 4 tôn tượng bằng vàng lớn đồng như thân tượng Đức Phật, ngoài ra còn thừa cất chứa trong kho. Nhân đó mà trong chư Tăng có tránh giành, người thợ dùng xài hao phí mất tan đã lâu, nay chỉ có các Tịnh nhân giữ gìn bảo hộ số ấy lắm nhiều. Lại giấu giữ kín hang lỗ ấy không thể liền trông thấy. Lại nữa, sau khi kết tập pháp tạng hết thầy các kinh đều tàng trữ trong núi ấy không mang ra ngoài. Gần đây có vị thầy thuốc vào trong đó chữa trị bệnh, sau được trông thấy mà ra, nên hiếm có người vào được trong đó.

Lại từ hướng Nam theo đường rừng đi hơn 900 dặm đến nước Ấn-đạt-la (thuộc Nam Ấn Độ), chu vi rộng hơn 3.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm, có 20 ngôi chùa, chư Tăng có hơn 3.000 dặm. Có hơn 3.000 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo rất đông nhiều. Bên cạnh thành có ngôi chùa lớn, trùng các đẹp xinh khéo léo, tôn tượng Phật cũng khác so với trước, có ngôi tháp đá cao vài trăm thước, đều do Đại A-la-hán A-chiếc-la (tức là sở hành) tạo dựng gần chùa, về phía Tây

nam cách hơn 20 dặm có núi đơn lẻ, trên đỉnh có ngôi tháp đá. Tức là nơi Bồ-tát Trần-na tạo luận Nhân minh. Lại về phía Tây nam có một ngôi tháp, xưa kia Đức Phật từng đến đó giảng nói pháp.

Từ đó theo rừng hoang đi về phía Nam cách hơn ngàn dặm đến nước Bạt-na-yết-trách-ca (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 40 dặm. Chùa chiền bị hư hoại lắm nhiều, hiện tại chỉ còn hơn 20 ngôi, chư Tăng có hơn ngàn vị đều tập học theo Đại Chúng bộ. Có hơn năm ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo rất đông nhiều. Hai phía Đông-tây của thành men tựa giữa khoảng núi, mỗi mỗi đều có các ngôi chùa lớn. Xưa kia, vua vì Đức Phật đến đặt đá núi khắc đục đá chế tạo rất hoa vẻ rộng thoáng, là nơi đến dừng nghỉ của các bậc Hiền thành. Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn không bao lâu có ngàn vị Phạm Tăng đến an cư, tới ngày mãn hạ đều chứng đắc quả vị vô học vọt bay giữa hư không mà đi, nay vắng bật không một người. Có Luận sư Bà-tỳ-phệ-già (nghĩa là Minh Biện) tức là luận Chủ Bát-nhã-đăng, đối trước tôn tượng Bồ-tát Quán-tự-tại bỏ ăn mà uống nước suốt 3 năm đợi chờ mong thấy Đức Từ Thị. Bồ-tát Quán-tự-tại mới hiện sắc thân khiến đến nơi hang núi lớn phía Nam thành ấy; chỗ thần chấp Kim cang tưng chú Kim cang. Qua 3 năm, thần trao cho phương thức rằng: “Trong hang đá đây có cung A-tô-lạc, nếu người đứng như pháp thực hành cẩn thận, vách đá sẽ mở toan, có thể vào bên trong. Đợi Đức Từ Thị ra đời, ta sẽ vì báo cho”. Lại trải qua 3 năm đốt chú hạt cải đánh vào vách đá, bỗng nhiên liền mở suốt. Khi ấy có trăm ngàn người trông thấy đều kinh lạ tán thán. Luận sư giẫm bước vào cửa, vài ba phen ngoáy trông nhìn lại, chỉ có 6 người theo vào. Ngoài ra mọi người đều cho đó là hang rắn độc. Khi ấy vách tường đá liền khép kín lại như cũ.

Từ đó theo hướng Tây nam đi hơn ngàn dặm, đến nước Châu-lợi-na (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng 2500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 10 dặm, người vật hiếm ít. Chư Tăng chùa chiền chỉ sơ sài. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, lắm nhiều ngoại đạo lửa hình, phía Đông thành ấy có tháp vua A-dục, đó là nơi xưa kia Đức Phật độ người nhiếp phục ngoại đạo. Phía Tây thành ấy có chùa xưa cũ, là nơi Bồ-tát Đề-bà cật vấn A-la-hán Ôn-đát-la. Qua 7 ngày bảy hỏi rồi, A-la-hán Ôn-đát-la ngậm miệng không đáp, riêng vận dụng sức thần thông sang chỗ Đức Từ Thị, Đức Từ Thị bảo rằng: “Bồ-tát Đề-bà là một Đức Phật trong Hiền kiếp, chẳng phải đối tượng của ông có thể đối đáp!”. Chỉ trong khoảng khảy móng tay, A-la-hán Ôn-đát-la trở về lại cùng đối đáp. Bồ-tát Đề-bà nhận biết đó mà bảo rằng: “Đây chính là sự giải thích của Đại sĩ Từ Thị

vậy”.

Lại theo hướng Nam đi đường rừng hoang dã cách 600 dặm đến nước Đạt-la-tỳ-trà (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng có hơn vạn vị đều tập học theo Thượng Tọa bộ. Có hơn 80 ngôi đền thờ trời, và lắm nhiều lỗ hình ngoại đạo. Có tháp của vua A-dục tạo dựng là nơi xưa kia Đức Phật đã từng vài lần đến đó giảng nói pháp độ người. Ở phía Nam của thành có ngôi chùa lớn, có tháp cao hơn trăm thước, là nơi xưa kia Đức Phật từng đến giảng pháp nhiếp phục ngoại đạo. Lại có dấu vết của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền.

Từ đó theo hướng Nam đi hơn 3.000 dặm đến nước Mạt-la-củ-tra (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, chu vi Đô thành rộng 40 dặm. Chư Tăng hiếm ít. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo phần nhiều là lỗ hình, đất đai nhiễm chất muối mặn, nên không cây cối tươi tốt. Ở phía Đông của thành có ngôi chùa của em vua A-dục lại có ngôi tháp do vua A-dục dựng tạo, xưa kia Đức Phật từng đến đó giảng pháp. Như ai cầu mong gì đều được toại nguyện. Phía Nam nước đó gần biển có núi Mạc-thích-da, có cây bạch đàn hương, lại có loại cây Yết-bố-la hương thân như cây tùng, là khác lạ, hương thơm như băng tuyết, tức hương thơm long não vậy. Phía Đông núi ấy có núi Bồ-thư-lạc-ca, trên đỉnh có ao, dòng nước tuôn đổ xuống ra sông lớn, vòng quanh núi 30 vòng rồi đổ vào Nam Hải. Bên cạnh có ao và thiên cung, tức nơi đến dừng nghỉ của Bồ-tát Quán Tự Tại. Những người mong cầu, thấy là tượng Tự Tại Thiên. Phía Đông bắc núi ấy bờ biển từ thành cổ nước Tăng-già-la nay đi vào trong biển cách hơn 3.000 dặm là đến nước Tăng-già-la (chẳng nhiếp thuộc Ấn Độ, tức Chấp-sư-tử) chu vi rộng hơn 7.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 40 dặm. Nhà cửa dân chúng đông nhiều. Có vài trăm ngôi chùa, chư Tăng hơn hai vạn vị, đều tu học theo Thượng Tọa bộ. Bên cạnh cung điện có Tinh xá tôn thờ rằng Đức Phật cao rộng đồng như trước. Tại trong cung thường ngày thiết bày thức ăn cúng dường 18.000 vị Tăng. Trong khoảng 10 năm trở lại đây vì nước loạn nên mới phê bỏ. Bên cạnh tinh xá thờ rằng Đức Phật, trong một ngôi tinh xá nhỏ có tôn tượng Đức Phật ngồi bằng vàng đồng, trên đỉnh nhục kế thiết đặt vật báu kỳ lạ. Ban đêm có kẻ đến trộm nhưng không thể với tới đầu tôn tượng, bèn nói rằng: “Xưa kia Đức Phật xem thường tánh mạng vì cứu độ quần sinh, cơ sao nay lại mền tiếc vật báu như vậy?”. Tôn tượng mới cúi đầu cho đó. Về sau, nhà vua biết được mà không buộc tội kẻ ấy, lại chuộc vật báu ấy lại để thiết trí trên đỉnh đầu

tôn tượng như cũ. Đến nay cúi đầu về góc Đông nam nước đó, cách vài ngàn dặm đến châu Na-la-kê-la. Người xứ đó thân cao 3 thước, chim chóc chỉ ăn hạt da. Ở góc Đông nam châu nước ấy có núi Tuấn-ca là nơi lui tới của quỷ thần. Đức Phật xưa kia từng đến đó giảng nói kinh pháp. Từ châu đó về hướng Tây đi bằng đường biển cách vài ngàn dặm có hòn đảo đơn lẻ, ở mé phía Đông có tôn tượng Phật bằng đá cao hơn trăm thước, xoay mặt về hướng Đông dùng Nguyệt Ái Châu (ánh trăng mền ngọc) làm nhục kế, lúc ánh trăng sắp soi chiếu, nước liền từ cao đổ xuống, mọi người lấy đó để dùng từ núi đó về hướng Tây, nói theo đường biển lại trải qua vài ngàn dặm, có châu vật báu lớn, không người nương ở, vì tìm sang nhưng không ai đến đó được.

Lại từ nước Đạt-la-tỳ theo hướng Bắc đi bằng đường rừng cách hơn 2.000 dặm đến nước Cung-đạt-na-bổ-la (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng có hơn vạn vị, tập học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn. Bên cạnh cung thành có chùa lớn, tinh xá cao hơn 10 trượng, chư Tăng hơn 300 vị. Bên trong có mũ báu của Thái tử Nhất-thiết-nghĩa-thành lớn rộng vài thước. Vào những ngày trai trường tỏa phóng ánh sáng. Tức lúc đang là Bồ-tát, ở bên cạnh thành lớn, trong ngôi chùa lớn có Tinh xá cao hơn 5 trượng, La-hán Bách-nhi-ức tạo tôn tượng Từ Thị bằng gỗ chiên-đàn, cao hơn 1 trượng vào những ngày trai trường tỏa phóng ánh sáng. Từ thành ấy về phía bắc gần rừng Đa-la, chu vi rộng hơn 30 dặm, cây đa lá lớn dài, sắc màu sáng sạch, các nước đều đến hái để dùng viết sách. Trong rừng đó có tháp, vết tích của 4 Đức Phật tọa thiền kinh hành, có 200 ức tháp thờ xá-lợi của Đức Phật. Cũng trong rừng đó, ở phía Đông của thành có ngôi tháp cao 3 trượng tôn thờ xá-lợi, vào những ngày trai trường tỏa phóng ánh sáng. Xưa kia, Đức Phật từng đến đó giảng nói pháp. Lại về phía Tây bắc tại trong rừng là nơi thú dữ nương ở.

Lại cách 2.500 dặm là đến nước Ma-ha-thích-đà (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm. Đô thành ở gần sông lớn chu vi rộng hơn 30 dặm, nước đó có phong tục, có ân hân đáp trả, có oán ác báo đền, Cường-lương-bạt-hổ chẳng tiếp khách vua Giới Nhật. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng hơn 5.000 vị, tu tập cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có hàng trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo rất đông nhiều. Trong và ngoài thành lớn có 5 ngôi tháp, vết tích của 4 Đức Phật tọa thiền kinh hành, do vua A-dục tạo dựng nêu chứng đó. Ở phía Nam của

thành, trong ngôi chùa xưa cũ có tôn tượng Bồ-tát Quán Tự Tại bằng đá, mọi người đến mong cầu phần nhiều đều đạt quả nguyện. Ở cánh vức phía Đông có chùa Đại Sơn do vị A-la-hán tạo dựng, lại có tinh xá lớn cao hơn trăm thước, có tôn tượng bằng đá cao hơn 70 thước, phía trên có lọng đá 7 tầng rỗng trống giữa không trung, mỗi tầng cách nhau 3 thước. Tương truyền rằng là do nguyện lực của vị A-la-hán ấy hộ trì, hoặc do sức oai thần, hoặc do sức của dược thuật, các thuyết chẳng đồng nhất. Bốn mặt của tinh xá đều điêu khắc chạm trổ tôn tượng các tướng của Đức Phật từ nhân địa tu hành cho đến lúc chứng quả và nhập Niết-bàn. Hai phía Nam-bắc ở ngoài chùa mỗi bên đều có một tôn tượng bằng đá, tương truyền mỗi lúc tượng rỗng thì đất lay động. Từ đó theo hướng Tây đi hơn ngàn dặm vượt qua sông Nại-mạc-đà đến nước Bạt-lục-yết-chiếp (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng 2.500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Dân chúng kính tin cả tà lẫn chánh. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hơn 300 vị đều tập học theo Đại thừa Thượng Tọa bộ. Có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo chung sống lẫn lộn. Đất đai xứ đó nhiễm muối rất mặn nên cây cỏ hiếm ít.

Từ đó theo hướng Tây bắc đi hơn 2.000 dặm đến nước Ma-lạp-bà (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm, men theo sông Mạc-ha. Về phía Đông nam là chốn trong học của 5 xứ Ấn Độ. Tánh tình con người xứ đó thuần thộn hòa thuận, ở các nước khác không có, đồng như ở Nam Châu xứ Ma-kiệt-đà, rất kính Đạo giáo của cả hai nước mà thôi. Tà chánh đều tin. Có vài trăm ngôi chùa, chư Tăng có hơn hai vạn vị, đều tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Di Đạo bôi tro vào mình tập tục ấy lắm nhiều. Từ thành về phía Tây bắc cách 20 dặm có ấp Đại Bà-la-môn, bên cạnh đó có hầm hố lớn, nước chảy không đầy, tức là nơi xưa kia có vị Bà-la-môn rất khinh mạn phỉ báng Phật giáo Đại thừa nên bị vùi lấp vào chốn địa ngục. Từ đó hướng Tây nam vào đường biển, lại theo hướng Tây bắc đi hơn 2.500 dặm đến nước A-tra-ly (thuộc Nam Ấn Độ), chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, dân chúng đông nhiều, mọi nhà đều phụng thờ trời thần, có hơn 10 ngôi đền, các hàng Di Đạo chung sống lẫn lộn. Đất cát nhiễm muối mặn, sản sinh giống cây hồ tiêu như cây tiêu ở đất Thục vậy, lại sản sinh loại cây huân lục hương, là tợ như lá cây Đường. Lại từ nước Ma-lạp-bà theo hướng Tây bắc đi 3 ngày (mỗi ngày đi được khoảng năm dặm) đến nước Khế-tra (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi nước đó rộng hơn 3.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, dân chúng sinh sống đông đầy. Có hơn 10

ngôi chùa, chư Tăng hơn ngàn vị tập học cả pháp Đại thừa Tiểu thừa. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo đặc biệt đông nhiều. Lại theo hướng Bắc đi hơn ngàn dặm đến nước Phạt-lạp-tỳ 9ức riêng khác của Bắc-la-la thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm, dân chúng ở đông nhiều. Người giàu có của cả trăm ức có đến vài trăm nhà. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng hơn 6.000 vị, phần nhiều là tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo cũng đông nhiều. Xưa kia Đức Phật đã từng vài lần đến đó, vua A-dục dựng lập nhiều ngôi tháp, có vết tích của 3 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Từ đó lại theo hướng Tây bắc đi hơn 700 dặm đến nước A-nan-đà-bổ-la (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 2.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Dân chúng nhà cửa đông nhiều. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng gần ngàn vị tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn. Từ nước Phạt-lạp-tỳ theo hướng Tây đi hơn 500 dặm đến nước Tô-thích-tra (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm, phía Tây men tựa theo sông Mạc-lê, người ở Đông đây nhưng thuộc nước Phạt-lạp-tỳ kính tin cả chánh lẫn tà. Có hơn 50 ngôi chùa, chư Tăng hơn 3.000 vị tập học theo Thượng Tọa bộ. Có hơn trăm ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn. Đất đai nhiễm chất muối mặn hoa quả hiếm ít. Từ nước đó đi theo hướng Tây bằng đường biển cách không xa về phía Tây của thành trên đỉnh núi có ngôi chùa rất thoáng rộng đẹp xinh là nơi các bậc tiên hiền đến dừng nghỉ.

Lại từ nước Phạt-lạp-tỳ theo hướng Bắc đi hơn 1.800 dặm, đến nước Cù-chiếc-la (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Dân chúng đều thiếu sự kính tin Phật pháp. Chỉ có 1 ngôi chùa, chư Tăng hơn trăm vị tập học theo pháp Tiểu thừa. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo đông nhiều. Lại theo hướng Đông nam đi hơn 2.800 dặm đến nước Ổ-xà-diễn-na (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 6.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Dân chúng đông nhiều. Hiện tại có 5 ngôi chùa, chư Tăng có 300 vị tập học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng Dị Đạo chung sống lẫn lộn, đất đai nhiễm mặn, hiếm ít hoa quả. Bên cạnh thành có ngôi tháp là nơi vua Vô Ưu tạo dựng chốn địa ngục.

Lại theo hướng Đông đi hơn ngàn dặm đến nước Trích-chỉ-đà (thuộc Nam Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm, chu vi Đô thành rộng

hơn 15 dặm, có vài mươi ngôi chùa, chư Tăng hiếm ít. Có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại hơn ngàn vị. Lại theo hướng Bắc đi hơn 900 dặm, đến nước Ma-hê-thấp-phạt-la-bổ-la (thuộc Trung Ấn Độ) chu vi rộng 3.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Dân chúng không kính tin Phật pháp, có vài mươi ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo bôi tro vào thân mình. Lại từ nước Cù-chiêc-la theo hướng Bắc, trải qua bãi sa mạc hoang vu đi 2.000 dặm vượt qua sông Tín Độ đến nước Tín Độ (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 7.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Đất đai sản sinh các loại vàng bạc than đá. Trên đỉnh núi sinh sản loài lạc đà thân hình rất thấp nhỏ, phát sinh các màu đỏ trắng đen lam. Dân chúng kính tin Phật pháp. Có vài trăm ngôi chùa, chư Tăng có hơn vạn vị đều tập học theo Tiểu thừa Chánh Lượng bộ, mà phần nhiều biếng nhác hành trì. Có 30 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo chung sống lẫn lộn. Xưa kia Đức Phật từng đến xứ đó, vua A-dục tạo dựng khoảng vài mươi ngôi tháp. Bên cạnh sông Hữu Ô cách hơn ngàn dặm men theo bờ đầm có vài trăm ngàn nhà chuyên sống nghề chăn nuôi trâu (dê?), chỉ giết hại lấy làm việc chính, không có sự khác biệt của sang, hèn, nam-nữ, Đạo-tục mà cạo bỏ đầu tóc đắp mặc ca sa, hình tướng đồng như Tỷ-khưu mà hành vi thô tục. Lại ôm hoài tiểu kiến, bài xích Đại thừa. Xưa kia có vị A-la-hán bay giữa không trung sang đó giáo hóa, trao truyền cho pháp Tam quy rồi cạo đầu đắp mặc pháp phục nhiễmsắc. Sau đó trở lại ăn mặc theo phong tục vốn xưa cũ vậy.

Từ đó theo hướng Đông đi hơn 900 dặm, vượt qua bờ phía Đông sông Tín Độ đến nước Mậu-la-tam-bộ-lô (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng 4.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Dân chúng đều thuộc nước Trách-ca, có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng rất hiếm ít, đặc biệt kính tin theo trời thần, có 8 ngôi đền thờ. Các hàng ngoại đạo rất đông nhiều. Bên cạnh thành có đền thờ mặt trời, trang nghiêm rất tráng lệ, chủ đúc hình tượng trời bằng vàng, dùng các ngọc quý báu để trang sức, nữ nhạc thường luôn hòa tấu, khắp bốn phía là ao hoa rừng cây tươi tốt xinh đẹp. Các vua ở 5 xứ Ấn Độ đều đến đó tạo dựng nhà phước đức, xả thí của cải cung cấp cho người nghèo khó tật bệnh. Lại theo hướng Đông bắc đi hơn 700 dặm đến nước Bát-phạt-đa (thuộc Bắc Ấn Độ), nước ấy phụ thuộc nước Trách ca, chu vi rộng hơn 500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Dân chúng đều kính tin lẫn lộn. Có hơn 10 ngôi chùa, chư Tăng hơn ngàn vị, tập học các pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có tháp do vua A-dục tạo dựng, có 20 ngôi đền thờ trời. Bên cạnh thành có ngôi chùa lớn, chư Tăng hơn trăm vị đều tập học theo Đại thừa, gần

đây, đền thờ trời bị hỏa hoạn thiêu cháy. Đất đai nhiều lúa thóc khô.

Từ sông Tín độ theo hướng Tây nam đi 1.600 dặm đến nước A-điêm-bà-súy-la (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 5.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm. Ở cảnh vực phía Tây nhỏ hẹp, đất dần thấp xuống, gần sông Tín Độ là bờ biển lớn. Dân chúng rất kính trọng Phật pháp. Có hơn 80 ngôi chùa, chư Tăng hơn 5.000 vị, phần nhiều tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ. Có 10 ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo bôi tro thân hình. Xưa kia Đức Phật dừng đến xứ đó. vua A-dục có tạo dựng 6 ngôi tháp. Lại từ thành này theo hướng Tây cách gần 2.000 dặm đến nước Lang-yết-la (thuộc Tây Ấn Độ), chu vi ngang dọc mỗi phía vài ngàn dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 30 dặm, dân chúng sinh sống đông đầy. Gần Tây Hải vào nước Tây an, đường đi phụ thuộc nước Ba Tư. Có hơn trăm ngôi chùa, chư Tăng hơn 6.000 vị, tập học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có vài trăm ngôi đền thờ trời, các hàng ngoại đạo bôi tro thân mình rất đông nhiều. Đất đai đượm nhuần, trăm thứ cỏ cây tươi tốt.

Từ đó theo hướng Tây bắc tức đến nước Ba Tư (chẳng nhiếp thuộc Ấn Độ), chu vi rộng vài vạn dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 40 dặm. Người vật xứ đó rất đông nhiều. Có 3 ngôi chùa, chư Tăng khoảng vài trăm vị. Đền thờ trời rất nhiều. Đất đai sản sinh các thứ vàng, bạc, thau, đá, pha chi, thủy tinh. Con người chết phần nhiều vất bỏ thi thể. Bình bát của Đức Phật hiện tại trong cung vua. Cảnh vực phía Đông có thành quách Hạc mạc, chu vi rộng hơn 60 dặm, dân chúng đông nhiều. Về phía Tây bắc tiếp giáp với nước Phát-lãm (chẳng nhiếp thuộc Ấn Độ) là xứ sản sinh con bách cầu, vốn vịt đầu đỏ sinh sống ở trong hang. Căn cứ theo Cống Chức đồ thời nhà Lương nói rằng: “Từ nước Ba Tư theo hướng Tây đi 1 vạn dặm đến cùng cực, về hướng Tây nam có hải đảo có nước Tây An (chẳng nhiếp thuộc Ấn Độ). Thường năm, nước Phát-lãm riêng đưa Nam phu đến phối hợp đó vậy”. Và cũng theo Công Chức Đồ ấy lại nói: “Từ nước Ba Tư theo hướng Tây đi cách 1 vạn dặm cùng cực, và từ nước Bà-la-môn về hướng Nam cách 1 vạn dặm”. Lại là Bà-la-môn, đến nay sang đo lường nghi rất xa xăm vậy. Lại từ nước A-điêm-bà-súy-la về hướng Bắc cách hơn 700 dặm đến nước Tý-đa-thế-la (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 3.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, dân chúng đông nhiều đều thuộc nước Tín Độ. Có hơn 50 ngôi chùa, chư Tăng hơn 3.000 vị tập học theo Tiểu thừa Chánh Lượng bộ, có hơn 20 ngôi đền thờ trời. Các hàng ngoại đạo bôi tro thân mình. Từ thành về phía Bắc cách 16 dặm có một khu rừng lớn là hơn

4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. vua A-dục dựng lập tháp cao vài trăm thước, bên trong có tôn thờ xá-lợi tỏa phóng ánh sáng, là nơi xưa kia Đức Phật từng làm tiên nhân nhân nhục bị vua xứ ấy giết hại. Về phía Đông có ngôi chùa cổ. Lại về hướng Đông bắc cách hơn 300 dặm đến nước Phạn Trà (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng 2.500 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm. Nước ấy không có quân trưởng, tất cả đều tùy thuộc nước Tín Độ. Có 20 ngôi chùa, chư Tăng hơn 2.000 vị, tập học theo Tiểu thừa chánh lượng bộ, có 5 ngôi đền thờ trời, các ngoại đạo bôi tro thân mình. Đất đai xứ đó sản sinh nhiều hoa quả. Phía Đông thành đó có rừng trúc lớn và ngôi chùa cổ, là nơi xưa kia Đức Phật khai mở cho chúng Tỷ-khưu mang giày hổ phược. Bên cạnh có ngôi tháp cao hơn trăm thước. Bên cạnh đó lại có ngôi tinh xá có tôn tượng Đức Phật đứng bằng đá xanh, vào những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng. Từ đó theo hướng Nam đi 800 bộ vào trong rừng có ngôi tháp do vua A-dục tạo dựng. Xưa kia khi Đức Phật đến dừng ở nơi đó vì rét lạnh nên dùng cả 3 pháp y đắp chồng lên. Nên lại khai mở đắp mặc áo nạp. Trong rừng có chỗ xưa kia Đức Phật kinh hành. Lại có nơi của 4 Đức Phật tọa thiền, riêng đều dựng lập tháp để nêu chứng tích vậy. Lại có tháp tôn thờ tóc và móng tay, vào những ngày trai thường tỏa phóng ánh sáng.

Từ đó lại theo hướng Đông Bắc đi hơn 900 dặm đến nước Phạt-thích-noa (thuộc Tây Ấn Độ) chu vi rộng hơn 4.000 dặm, chu vi Đô thành rộng hơn 20 dặm, dân chúng sinh sống đông nhiều đều thuộc nước Ca-tát-thí. Có vài mươi ngôi chùa, chư Tăng khoảng 300 vị tập học cả pháp Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Có 5 ngôi đền thờ trời, các ngoại đạo bôi tro thân mình. Đất đai xứ đó lắm nhiều núi rừng. Ở phía Nam của thành có ngôi chùa cổ là nơi xưa kia Đức Phật từng đến đó. Bên cạnh ngôi tháp là vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Tập tục tương truyền rằng: “Nước đó về phía Tây tiếp giáp với nước Kê-lượng-na ở trong núi lớn. Lại từ đó theo hướng Tây bắc giãm trải qua núi lớn cách hơn 2.000 dặm ra cảnh vực Tây Ấn Độ, vào cảnh vực Hồ tục là nước Tào-củ-tra. Lại về phía Đông Bắc cách 1.600 dặm vào ranh giới của nước Ca-tát-thí, mọi hợp với đường phía Bắc và đường giữa. Lược nêu từ xứ Đột Quyết trở về phía Nam trong 3 biển có cả thảy 150 nước, và không nhiếp thuộc Ấn Độ, có 71 nước (tức từ nước Đột Quyết trở về phía Bắc đến tận Bắc hải mà giãm trải qua không cùng nên không thể ghi chép lại đó vậy).

CHƯƠNG V: DU LÝ

Từ khi phát khởi văn tự, bắt đầu từ Bào Hy, mãi đến thời Tiên Đường trải qua nhiều triều đại có thể ghi chép để nhận biết. Từ thời nhà Tần nhà Chu trở về trước, con người đang là thuần tố, tâm tình quan hệ chẳng xa, nên khiến hỏi thông chỉ ước tại thân châu. Từ thời nhà Hán nhà Ngụy trở về sau, văn tự rộng lưu hành nên mọi sự lắm nhiều phát khởi và rộng thấy càng xa. Nên Tượng tư chuyển tải giúp đường thông cáo ấy lập, giẫm trải không tọng mà qua côn khâu, vượt quá Khê Điền mà đạp đến Điều Huyệt. Long văn chóng nhanh nhiệm ô huyết tuy tuyệt cảnh vực mà có thể truy tìm, minh châu đã đẹp xinh tú vũ tận chân trời mà có thể nêu. Binh cùng võ phiến thật là lao sư của Đại Uyển, bưng tiết biển bần tin vương mạng mà xa che, kịp đến lúc vua Hiến Tông (Minh Đế - Lưu trang 58-76) thời Đông (Hậu) Hán cảm mộng điềm lành, là khai nguồn mở mang nhân hóa. Mọi người kính tin mền mộ đạo từ đó dần đông. Hoặc có vị bùi ngủi vì sinh sống nơi chốn Biên địa nên gieo mình tìm đến trời Tây. Hoặc có vị thông rành giáo pháp muốn hoàng dương xiển hóa nên giắt sách đến phương Đông. Hoặc có vị đích thân khai mở giáo tích, chẳng đến xa tìm kinh. Hoặc linh tướng khôn phép xưa cũ gân gũi song xem xét rõ. Những vị nêu cử nhiều ấy kết cục quy về Tích Tông. Nên dụng khai mở thân của bao gồm hay riêng biệt, lược bắt đầu từ thời Tiên (Tây) Hán, mãi đến thời Tiên Đường chúng ta đây, trước sau các sứ qua lại gồm có 20 bận. Thả như Trương Phiến tìm cội nguồn dòng nước, ấy chỉ là phạm tục, nhưng bắt đầu nghe được danh xưng của Phật thì dần đượm của Thích Hóa, nên cũng liệt thông mở đầu cầu pháp. Nay đây sưu tìm bao quát từ các truyện ký, nêu rõ ràng các đường kẻ sứ đi tường tự trước sau để bày rõ chứng cứ vậy.

- Một là: Vào thời Tiên (Tây) Hán, vua Võ Đế (Lưu Triệt 140-86 trước Tây lịch) sai phái Bát vọng hầu Trương Khiên tìm cội nguồn sông Hoàng, từ đường phía Bắc vào Đại uyển rồi đến Đại hạ, thấy gậy cung trúc, vãi bố đất Thục, người dân nước đó gọi là Thân Độc. Thân Độc tức tiếng gọi lầm bậy của Thiên Trúc. Theo Hậu Hán Thư nói: “Nước đó rộng lớn bằng phẳng, khí tiết hài hòa, là nơi các bậc Linh trí giáng hiện, những bậc Hiền ý nổi sinh. Thần tích quái lạ, lý vượt ngoài con người, cảm nghiệm rõ ràng, sự bày ngoài trời đất. Mà Trương Khiên há là người không nghe. Đâu chẳng lẽ đường bít lối, vận nước vài lần mở lối nhỏ hẹp ư?”

- Hai là: Vào thời Hậu (Đông) Hán, năm Vĩnh Bình thứ 03 (60) vua Hiến tông Hiếu Minh Đế (Lưu Trang) ban đêm mộng thấy người

vàng, thân cao lớn hơn cả trượng mang đeo ánh sáng mặt nhật mặt nguyệt bay đi trước điện, vua bèn đem hỏi quần thần. Có Phó Nghị là người thông minh đáp rằng: “Thần nghe ở Tây Vực có vị Thần tên gọi là Phật. Diêm mông của Bệ hạ chắc hẳn là đó vậy”. vua mới sai Lang Trung Thái Hâm, Bác sĩ Trần Cảnh v.v... từ núi Tuyết huyện Nam đầu men theo đường vào đến Thiên Trúc, đồ họa hình tượng, tìm hỏi Phật pháp và thỉnh dẫn các Sa-môn Ca-diếp-ma-đăng, Trúc-pháp-lan v.v... trở lại tìm theo đường cũ mà về đến Lạc Dương.

- Ba là: Vào thời Hậu Hán, năm Kiến Nguyên(1) thứ 10 (199) dưới thời vua Hiến Đế (Lưu Hiệp 190-220), Tần Châu Thứ Sử sai Thành Quang Tử từ núi Điều thử vượt qua cầu sắt mà vào, đích thân đến nước Đạt-sán. Đến ngày trở về lại men theo Đường trước mà tự lưu xuất Biệt Truyện.

- Bốn là: Vào thời vua Võ Đế (Tư Mã Viêm 265-290) thời Tây Tấn, có Sa-môn Trúc Pháp Hộ ở Đôn Hoàng vân du Tây Vực trải qua 36 nước, mang kinh điển tiếng người Hồ men theo đường vừa đi vừa phiên dịch, khi về đến Trường An dựng lập chùa phía ngoài Thanh môn, nhóm chúng Tăng tu tập có hơn ngàn vị. Nên giáo tương rộng lưu bày tại Đông Hạ, Sa-môn Trúc Pháp Hộ rất có công đặc thù. Nên Sa-môn Thích Đạo An nói rằng: “Nếu thân gần được ông ấy (Trúc Pháp Hộ) thì bút hần tự làm cương lĩnh, ác chánh chí ngôn ấy vậy”.

- Năm là: Đầu niên hiệu Long An (397) thời Đông Tấn, Sa-môn Thích Bảo Vân ở Lương Châu, cùng các Sa-môn Thích Pháp Hiển, Thích Trí Nghiêm v.v... trước sau lần lượt cùng vào Thiên Trúc, mà Sa-môn Bảo Vân trải qua các nước Đại Hạ, thông hiểu các thứ âm nghĩa. Sau, trở về lại Trường An rồi đến Giang Biểu, phiên dịch các kinh, tức nay hiện đang lưu bố hưng thạch không gì chẳng lưu xuất từ Sa-môn Bảo Vân. Song, Sa-môn Bảo Vân mến thích cảnh nhàn tĩnh, trọn đời ở tại núi Lục hợp, mà sự kiện vân du Tây Vực có lưu truyền.

- Sáu là: Trong khoảng niên hiệu Hoàng Thỉ (?) thời Hậu Tần Diêu Hưng tương đương thuộc dưới thời Đông Tấn, tại kinh Triệu có Sa-môn Thích Trí Mãnh cùng đồng bạn cả thảy 15 người, từ Lương Châu vân du đến Tây Vực trải qua các nước Thiện Thiện rồi đến nước Kế Tân, thấy gặp được 500 vị A-la-hán hỏi bày phương tục, trải qua 20 năm, đến năm Giáp tý (424) mới cùng một người bạn trở về lại phương Đông, về đến Lương Châu vào đất Thục và đến cuối niên hiệu Nguyên Gia (454) thời Tiền Tống mới về đến thành đô, sự kiện vân du Tây Vực có truyện, nêu bày chứng cứ rất rõ ràng, với tựa đề là “Sa-môn Trí

Mãnh du hành ngoại Quốc truyện”. Từng thấy tại Thục Châu vậy.

- Bảy là: Cuối niên hiệu Kiến Hưng thời Hậu Yên, Sa-môn Thích Đàm Mãnh theo đường Đại Tần vào đến thành Vương xá. Mãi tới ngày trở về thì theo đường Đá Lịch mà về đến Đông Hạ.

- Tám là: Năm Hoàng thổ thứ 2 (399) thời Hậu Tần, Sa-môn Thích Pháp Hiển cùng các bạn đồng học như Sa-môn Tuệ Cảnh v.v... phát xuất từ Trường An trải qua đường nước Vu Điền, vân du trên 30 nước. Chỉ riêng một mình Sa-môn Pháp Hiển đi đến nước Sư Tử thuộc Nam Hải, rồi mới theo thuyền biển thỉnh mang kinh tượng về đến Lao Sơn; Thanh Châu, lên đất Tấn, sang Dương Châu, Kinh Châu v.v... phiên dịch các bộ kinh, quá trình vân du có truyện ghi để lại.

- Chín là: trong khoảng niên hiệu Chu sơ, tại Lương Châu có Sa-môn Trí Nghiêm vân du đến Tây Vực, đến nước Kế Tân để thọ học Thiên pháp rồi trở về lại Trường An theo hướng Nam đến Dương Châu, Tống Đô, phiên dịch các kinh. Nhưng vì đối với sự thọ giới, có điều nghi ngờ nên lại sang Thiên Trúc, gặp được vị La-hán, bèn hỏi, nhưng vị La-hán ấy không thể tự quyết xét bèn vì lên cung trời hỏi Bồ-tát Di Lặc rồi trở lại mách bảo cho về sự đắc giới. Từ đó, Ngài trở về đến nước Kế Tân thì thị tịch, sai bảo các đệ tử như Sa-môn Trí Vũ v.v... báo nêu chứng từ Tây Vực trở về.

- Mười là: Năm Vĩnh Sơ thứ 6 (1) thời Tiền Tống, tại Hoàng Long có Sa-môn Thích Pháp đồng là người có chí khí oai hùng cao xa, nghĩ suy mẫn mộ Thánh tích, bèn vời gọi các đồng bạn, như Sa-môn Tăng Mãnh, Đàm Lãng v.v... cả thảy 25 vị, phát xuất từ Ung Châu theo hướng Tây vào núi Tuyết, vượt trải qua cầu dây, trạm mác, vượt vách đá, đến lúc xuống đất bằng thì đã có 12 vị qua đời. Các đồng bạn còn lại cùng dẫn nhau đến nước Kế Tân, rồi theo hướng Nam giẫm trải khắp các xứ Ấn Độ. Sau đó, theo thuyết biển về đến Quảng Châu. Quá trình du hành có truyện ghi chép lưu để lại.

- Mười một là: Trong khoảng niên hiệu Nguyên Gia (424-454) thời Tiền Tống, tại Lương Châu có Sa-môn Thích Đạo Thái vân du các nước Tây Vực lâu thỉnh được luận Đại Tỳ-bà-sa rồi trở về đến Lương Châu, dòng tộc trở cừ nhóm tập chúng Tăng phiên dịch và lưu truyền.

- Mười hai là: Trong khoảng niên hiệu Nguyên Gia (424-454) thời Tiền Tống, tại Ký Châu có Sa-môn Thích Tuệ Duệ vân du đến biên giới phía Tây nước thục đến Nam Thiên Trúc, thấu hiểu các thứ phương tục âm nghĩa, trở về lại Lô Sơn, lại vào Quang Trung và trở về Giang Nam.

- Mười ba là: Khoảng cuối niên hiệu Thái Võ(1) thời Hậu (Bắc) Ngụy, có Sa-môn Thích Đạo Dực theo đường của nước Sơ Lặc vào kinh huyện vượt đến nước Tăng-già-thi. Đến lúc trở về, tìm theo đường cũ, có trước thuật truyện 1 quyển.

- Mười bốn là: Trong thời Tiền Tống (420-479), có Sa-môn Đạo Phổ; người nước cao xương vân du đến Đại Hạ, chiêm bái 4 ngôi tháp, Đạo Thọ và các Linh Tích, riêng có ghi thuật bộ truyện lớn. Lại còn có Sa-môn Thích Pháp Thanh cũng người nước Cao Xương vân du sang nước Phật, có trước thuật truyện 4 quyển.

- Mười lăm là: Năm Thần Quy thứ nhất (519) thời Hậu (Bắc) Ngụy, có Tống Vân; người xứ Đôn Hoàng cùng Sa-môn Đạo Sinh v.v... theo đường cầu sắt bên cạnh núi Xích Lĩnh đến chỗ tháp Tước Ly ở nước Càn-đà-vệ, đến lúc trở về, lại men tìm đường cũ.

- Mười sáu là: Trong thời Tiền Đường, Sa-môn Huyền Trang ở chùa Đại trang nghiêm tại kinh đô, vào năm Trinh Quán thứ 3 (629), một mình một bóng vân du Tây Vực tìm cầu giáo tích. Mới đầu từ kinh ấp theo hướng Tây đến Sa Châu, riêng giãm trải hiểm nguy, qua các bờ ải, đến xứ Cao Xương, đã nhận chịu đủ thứ nguy khốn. Bấy giờ vua nước Cao Xương là Khúc Thị vì ban cấp mọi vật, truyền đưa đến các Nha sở của Đột Quyết, iệp Hộ. Ở kia lại dẫn đưa đến núi Tuyết rồi theo hướng Bắc đến các nước Phiên, Hồ, chiêm ngưỡng trông xem khắp các nơi xưa kia Đức Phật từng đến giáo hóa. Lại theo hướng Đông nam ra khỏi núi Tuyết lớn đi đến các nước Ấn Độ, trải suốt 10 năm. Sau đó, từ phía Nam Thông Lĩnh, thuộc phía Bắc núi Tuyết giãm trải qua các núi nước mà trở về phương Đông, trải qua các nước Vu Điền, Lũ Lan v.v... cả thảy có 150 nước. Đến năm Trinh Quán thứ 19 (645) mới về đến kinh đô, vâng phụng sắc chiếu phiên dịch các kinh. Có trước thuật bộ “Tây Vực truyện” 12 quyển.

Tôi (Đạo Tuyên) qua quá trình tìm xem các bộ Tăng truyện và rộng xét mọi thấy nghe, chư vị tiền bối vân du đến đất Phật đầy đủ như trên vậy. Những những điểm trông thấy trong các truyện ký có lúc nêu bày ẩn hiện, do đó chỉ lấy điểm sáng tỏ mới làm giếng mối tiếp nối đó. Đến như các Sa-môn Pháp Duy, Pháp Biểu tuy có nêu danh mà không ghi chép, tính lường đó thật khó biên tập vậy. Lại nữa, những vị qua lại ở thời nhà Tùy và dưới thời Tiền Đường đây đều luôn tiếp nối du lịch, đầy đủ trình tự du tố. Với hạng ấy thì sao có thể đầy đủ cụ thể ư?!

CHƯƠNG VI: THÔNG CỤC

Lợi kiến của Đức Pháp Vương chưa phân cách trung biên (chính giữa và các khía cạnh), thích hợp giáo hóa thì không phân phương hướng, đâu chỉ chuyên nơi Hình giáo. Đến như mọi người nghe đồng một pháp mà nhận hiểu khác nhau. Nói chỉ là một mà sự tỏ ngộ lại khác biệt. Nên đối với hàng Tăng vị Địa mà đi lên, hàng buộc bít mê mà giáng xuống. Tướng của toàn thân hay toái thân, nghĩa của tháp tụ hay tháp tán. Đuốc thân sáng thì tà kế gãy đổ. Linh tích nổi trội thì tin sâu kết chặt, các hạng như thế thật là đông nhiều, đầy đủ như nêu bày ở chương trước. Từ khi dòng nước giáo pháp xuôi chảy đến phương Đông, ánh Đạo soi chiếu ở trời Tây. Tiếng tăm vang hưng thịnh bay vượt thật đến Đông Xuyên. vua A-dục tạo dựng tháp tiêu biểu, bắt đầu mở lớn khắp cùng. Hình ảnh thích phụ tỏa ngời kiêu Hán. Từ đó, trải qua các thời đại tiếp tục càng lớn nhiều. Cảnh chẳng chỉ riêng trời Tây xiển dương thần hóa. Nên trong kinh nói: “Về sau, chánh pháp lan tỏa cùng khắp trước tiên là đến phương Bắc, tiếp theo đến Đông nam rồi đến Trung Hoa mới diệt”. Tại phía Nam nước Chấn Đán đây trông nhìn về Hoa Tư, nên dung nghi Đức Phật lúc diệt độ xoay thân nghiêng đầu về hướng Bắc, tức là sự kiện ấy vậy. Do đó, ý cứ theo sách biên theo thứ lớp, lấy làm chương “Thông cục” vậy.

Căn cứ theo “Chu thư dị ký” thì vua Chiêu Vương (Cơ Hạ) ở ngôi vua 24 năm (1000-976 trước Tây lịch). Vào ngày mồng 08 tháng 04 năm Giáp Dần, khắp các sông hồ ao suối bỗng nhiên nước dâng tràn, nước giếng cũng tuôn tràn ra, núi sông chấn động. Có ánh sáng 5 sắc soi suốt vào Thái Vi, khắp phương Tây đều có sắc màu xanh hồng. Quan Thái sử Tô Do nói rằng: “Có bậc Đại Thánh nhân xã hội ở phương Tây. Qua 1.000 năm sau, Thánh giáo sẽ lan tỏa đến xứ này”. Vua Chiêu Vương liền ban sắc khắc ghi vào đá và đem chôn trước đền thờ trời ở Nam giao. Đó tức là thời gian của Đức Phật xuất hiện nơi đời vậy.

Đến lúc vua Mục Vương (Cơ Mãn) ở ngôi vua 32 năm (976-921 trước Tây lịch) thời Tây chu, qua vài lần thấy ở phương Tây có hơi khí sáng, trước kia quan Thái sử Tô Do đã nói Thánh nhân ra đời. Liền cùng Tướng quốc Lã Hầu cưỡi ngựa Hoa Lựu đi đến phương Tây, tìm cầu Phật nhân vì để cúng tế nó. Đến lúc vua Mục Vương 53 tuổi vào ngày 15 tháng 2 năm Nhâm thân, đang lúc sáng sớm bình thản bỗng nhiên gió bão nổi dậy phá hoại sụp đổ nhà cửa, cây cối ngã gãy, trái đất rung động, bầu trời sấm tối. Ở phương Tây có 12 vầng cầu vồng sắc trắng. Quan Thái sử Hồ Đa nói rằng: “Ở phương Tây, bậc Đại Thánh nhân

diệt độ vậy”. Đó tức là tướng Niết-bàn. Có thuyết nói là Đức Phật ra đời dưới thời Chu Trang, Lỗ Trang, nay chỉ lấy văn của phần nhiều để ghi chép vậy.

Theo “Sử Lục” nói rằng: “Thương Thái Tể Hy hỏi Khổng Tử rằng: “Ai là Thánh nhân?” Khổng Tử đáp: “Ở Tây phương có người đứng là bậc Thánh, không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tin, không chuyển hóa mà tự thực hành, thiên thang thay khắp muôn dân không tên gì đáng để tôn xưng đó vậy!”. Lại theo “Tây tạng kinh” của Lão Tử nói: “Thầy ta giáo hóa vân du đến Thiên Trúc, khéo vào Niết-bàn”.

Lại, trong khoảng niên hiệu Nguyên Thú (122-116 trước Tây lịch) thời Tiền (Tây) Hán, vua Võ Đế (Lưu Triệt) muốn chóng dứt trừ bệnh đánh dẹp hung nô, đến Cao Lan vượt qua núi Cư Diên, đánh bắt được vua Côn-da-hưu-xà v.v... lại bắt được người vàng thân cao hơn cả trượng đưa về liệt bày ở cung Cam tuyền, vua cho đó là bậc Đại thần nên đốt hương lễ bái. Kịp đến lúc, từ Tây Vực sai sứ Trương Khiên trở về Đại Hạ nói là có nước Thân Độc. Nước Thân độc là một tên gọi của nước Thiên Trúc, mới nghe giáo pháp của Phù Đồ (Phật-đà). Đó tức là Hình giáo tướng của Phật dần hiển bày vậy.

Trong khoảng niên hiệu Nguyên Thọ (02-01 trước Tây lịch) lười thời vua Ai Đế (Lưu Hân - thời Tây Hán) sai Cảnh Hiến sang nước Đại Nguyệt Chi, nhân tụng kinh giáo Phù Đồ rồi trở về đất Hán. Đang lúc có phần thực hành trai giới Phù Đồ. Và dưới thời vua Thành Đế (Lưu ngao 32-06 trước Tây lịch) thời Tây Hán, Đô Thủy sứ giả Quan Lục đại phu Lưu Hưởng tương truyền rằng: “Từ trước, tôi rộng đọc xem các sách sử thường luôn thấy có kinh Phật”. Kịp đến lúc trước thuật “Liệt tiên truyện” lại nói rằng: “Tôi xét xem kho sách, Thái sử bắt đầu loạn liệt tiên đồ. Từ thời Hoàng đế mãi đến ngày nay, hẳn định kiểm xét thật lục gồm có 146 vị, trong đó có 74 vị đã thấy kinh Phật”. Căn cứ vào đó thì rõ từ thời nhà Tần nhà Chu trở về trước sớm đã có Phật pháp lưu truyền đến xứ Chấn Đán. Do đâu mà biết vậy? Nay thì căn cứ theo chỗ nêu bày.

Nên trong Phật truyện nói là: Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn 116 năm, tại nước Đông Thiên Trúc (Ấn Độ) có vị Thiết luân vương thống nhiếp châu Diêm Phù Đề, thấu gom linh cốt của Đức Phật và sai sử quỷ thần, cứ nơi có 1 ức người thì dựng lập một ngôi tháp, và khắp trong 4 biển xây dựng tất cả 84.000 ngôi tháp. Nên khắp xứ của 9 châu đây đều có Di tháp, đó là do vua A-dục tạo dựng vậy. Và bấy giờ là tương đương với thời vua Lệ Vương (Cơ Hồ 857-841 trước Tây lịch) thời Tây Chu.

Nên tháp Phật tạo dựng khắp cùng thế gian đã trải qua hơn 20 đời vua. Mãi đến năm Thỉ Hoàng (Doanh chính 246-209 trước Tây lịch) 34 tuổi thiêu đốt sách sử. Các tháp do vua A-dục tạo dựng do đó mà dần mất tiêu. Kinh Phật lưu truyền nơi đời chẳng biết tại đâu. Lại theo kinh lục của Sa-môn Thích Đạo An, Chu Sĩ Hành v.v... tự nói là: “Dưới thời Thỉ Hoàng, có các Sa-môn người ngoại quốc như Thích Lợi Phòng v.v... cả thảy 18 vị Hiền giả mang kinh Phật đến giáo hóa Thỉ Hoàng, nhưng Thỉ Hoàng chẳng chịu theo, bèn bắt giam vào cấm tù, đem đến có 6 người cầm chày Kim cang đến phá cửa ngục dẫn đưa ra. Thỉ Hoàng vô cùng kinh sợ nên cúi đầu sám tạ đó”. Y cứ vào đây mà nói thì biết rõ từ thời nhà Tần nhà Hán trở về trước đã có Phật pháp. Sau này, Sa-môn Thích Đạo An ghi nêu 12 vị Hiền giả cũng tại trong số 70 vị trước đó. Nay thấy trong “Liệt tiên truyện” có 72 vị.

Căn cứ theo “Văn-thù Nê-hoàn kinh” nói: Sau khi Đức Phật diệt độ 450 năm. Bồ-tát Văn-thù đến trong núi Tuyết vì 500 tiên nhân mà giảng nói pháp”. Lại căn cứ theo “Địa lý chí”, “Tây Vực truyện” nói: “Núi Tuyết tức là Thông Lãnh vậy”, phía dưới có 36 nước, từ trước trở lại kính phụng theo nhà Hán. Thông Lãnh ấy xoay quanh từ phía Đông đến Chung Nam. Chỗ Bồ-tát Văn-thù giáo hóa Tiên nhân tức là địa vực ấy vậy. Rõ ràng mà nghiệm xét thì điểm luận bàn của Lưu Hưởng có thể đáng làm chứng cứ vậy.

Theo “Hậu Hán Giao Kỳ chí” nói rằng: “Phật, tiếng Hán (Trung Hoa) phiên dịch nghĩa là “Giác”, rồi mới giác ngộ cho quần sinh. Tổng quát thì, đứng về giáo tức lấy tu thiện từ tâm làm chủ, không giết hại các sinh loại, chỉ chuyên việc thanh tịnh. Đứng về mặt Tinh là Sa-môn, tiếng Hán (Trung Hoa) phiên dịch nghĩa là “Tức Tâm”, tức cạo bỏ râu tóc, hủy hoại dung nghi, xả bỏ gia đình vượt ra thế tục, dứt tình tủy dục mà quy hướng về vô vi. Lại là, con người khi chết, tinh thần chẳng mất, tùy đó trở lại nhận thọ thân hình. Mọi hành vi thiện ác đến đời sau đều có báo ứng. Điểm quý trọng là thực hành việc thiện tu Đạo để luyện tinh thần mình, luyện mà không thôi, cho đến chứng đạt vô sinh mà thành tựu Phật quả, thân hình cao lớn 1 trượng 6 thước, sắc màu vàng ròng, trên cổ mang đeo ánh sáng mặt nhật mặt nguyệt. Biến hóa vô thường, không đâu chẳng vào, nên hay biến thông muôn vật, cứu tế khắp quần sinh, kinh sách có hơn ngàn quyển. Lấy hư vô làm tông, bao gồm tinh thô không gì chẳng gồm cả. Khéo vì mở thoáng lời thẳng lớn, chỗ mong cầu tại trong một thể, điểm tỏ sáng ở ngoài thấy nghe, kết quy về Huyền vi suy xét khó được mà thấp kém. Nên các bậc vương công

đại nhân quán xem ngần mé của sinh tử báo ứng, không ai chẳng khiếp sợ mà tự mất. (Ngoài ra còn lại đều như Hán Pháp bản nội truyện).

Lại theo “Ngụy thư” nói là: “Thái Hâm thỉnh cầu được kinh Phật 42 chương và tôn tượng Đức Phật Thích-ca đứng. Vua Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Đông Hán sai bảo người khéo giỏi ghi chép đồ tả tôn trí tại Đài Thanh Lương, kịp đến lúc Hiến Tiết Lăng dâng trình kinh văn, đều tôn trí trong thạch thất tại Lan Đài. Sự trở về của Thái Hâm là mang kinh từ Bạch Mã đến đất Hán, nhân đó mà dựng tạo chùa Bạch Mã tại phía Tây Ung môn Lạc Dương. Ý chỉ của kinh ấy đại lược mà nói thì tất cả các loài hàm sinh đều nhân hạnh nghiệp mà khởi. Có ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai, với thứ lớp tu đạo cấp bậc tâm hành v.v... chẳng phải một đều men duyên từ cạn đến sâu. Mượn nhỏ nhiệm để lấy làm trước, dẫn hiện tại tích chứa nhân thuận, dứt trừ ham thích dục lạc, tập hành rộng rang vắng lặng mà thành soi sáng cùng khắp. Mới đầu tu tâm thì nương tựa theo Phật pháp Tăng thọ trì Tam quy. Pháp Tam Quy tựa như Tam úy của Quân tử. Lại có ngũ giới tức dứt bỏ sát sinh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ và uống rượu, đại ý tương đồng như nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Nghĩa là người phụng trì các giới ấy thì sinh vào cõi trời người ưu thắng, xa lìa các khổ của nạ quỷ, súc sinh. Nói về nơi chốn của Thiện ác thì có 6 đường. Người sống hiện tại, nghiêm phòng giữ tâm, thân miệng chân chánh, gồm tất cả thì gọi là Thập (10) thiện pháp, người có khả năng gìn giữ đầy đủ như thế thì gần tức được quả báo ở cõi trời, xa thì thành đạt Đạo quả Bồ-đề.

Xưa kia, vào đêm mồng 08 tháng 04, Đức Phật từ hông phía hữu của mẹ mà sinh ra, nổi bày 32 tướng tốt khác người, đến sau khi đã qua đời (nhập Niết-bàn), các hàng đệ tử v.v... dùng các thứ gỗ hương thơm thiêu đốt nhục thân, linh cốt phân nát, lớn nhỏ tựa như hạt thóc, sắc màu hồng trắng, đánh đập chẳng vỡ bể, thiêu đốt không cháy tiêu, thường có tỏa phóng ánh sáng thần nghiệm. Mọi về sau, vua A-dục dùng sức thần phân chia xá-lợi của Đức Phật, sai sử các quỷ thần tạo dựng 84.000 ngôi tháp báu. Nay tại các xứ Lạc Dương, Bành Thành, Phù Phong, Thục Châu, Cô Tàng, Lâm Truy v.v... đều có tháp ấy và đều có thần dị”.

Theo “Ngô thư” nói rằng: “Năm Xích Ô thứ 4 (241) thời Đông Hán, có Sa-môn Khương Tăng Hội; người nước Khương Cư du hành hóa đạo, mới đầu đến đất nhà Ngô, dựng lập am tranh, thiết bày tôn tượng hành đạo, dân chúng nước Ngô thấy vậy cho là yêu dị, Quan Hữu Ty tấu trình. Bấy giờ, Ngô chủ là Tôn Quyền hỏi rằng: “Phật có Linh

nghiệm gì ư?”. Khương Tăng Hội đáp: “Đức Phật ẩn mất linh tích đã hơn ngàn năm, nhưng di cốt xá-lợi ứng hiện không ngừng”. Tôn Quyền bảo. Nếu như cầu được xá-lợi thì sẽ tạo dựng tháp phụng thờ”. Trải qua 21 ngày mong cầu bèn cảm có xá-lợi 5 sắc ngời sáng, phân bổ đó lại càng cứng rắn, thiêu đốt thì không cháy mà tỏa phóng ánh sáng vượt ra ngoài lửa làm thành hoa sen lớn chiếu soi khắp cùng cung điện, Tôn Quyền kinh lạ tán thán, phát khởi tín tâm, vì đó mà tạo dựng chùa Kiến Sơ, độ người xuất gia. Tôn Quyền hỏi: Thượng thư lệnh Đô Hương hầu Hám Trạch rằng: “Từ thời vua Minh Đế (Lưu Trang (58-76 - Đông Hán) đến đây nay bao nhiêu năm, Phật giáo lưu nhập vào đất Hán đã lâu, mới đâu bởi duyên gì mà đến Giang Đông?”. Hám Trạch đáp rằng: “Từ năm Vĩnh Bình thứ 10 (67) đến nay là năm Xích Ô thứ 4 (241) cả thấy có được 170 năm. Nhưng vào năm Vĩnh Bình thứ 14 (71), các Đạo sĩ ở Ngũ Nhạc cùng Ca-diếp-ma-đăng lúc tranh độ sức, Đạo sĩ chẳng sánh bằng, nên Trử Thiện Tín, Phí Thúc Tài v.v... ở Nam Nhạc ngay tại hội tự cảm mà chết, môn đồ con em đưa về an táng tại Nam Nhạc, chẳng ai dự phần xuất gia nên không có người lưu bố. Về sau lại gặp nạn nhà Hán ta chinh chiến lẩn lược giặc dã không ngưng dứt, mãi đến nay đã trải qua nhiều năm mới được phục hưng hành hóa”. Tôn Quyền lại hỏi: “Khổng Khâu, Lão Tử có được sánh đối bằng Đức Phật chăng?”. Hám Trạch đáp rằng: “Thần tìm xét, Khổng Khâu; người nước Lỗ là bậc anh tài trội vượt tuần tú, Thánh đức chẳng ai bằng, nên người tôn xưng là Tổ Vương, chế tác kinh điển, dạy răn giúp đỡ chu đạo, giáo hóa hậu lai, phong thái của bậc thầy Nho đượm nhuần xưa nay, cũng có những vị trội vượt hơn quá người thường như Hứa Thành Tử, Nguyên Dương Tử, Trang Tử, Lão Tử v.v... sách của Bách Gia Tử đều là tu thân tự vui, phóng thích chốn núi hang, buông lớn tâm ấy, học thì kết quy về đàm bạc, sự trái với chi tiết nhân luân lớn bé, cũng chẳng phải là mỹ phong an trị ở đời dạy răn dân chúng. Đến như vua Cảnh Đế (Lưu Khải 155-140 trước Tây lịch) thời Tây Hán lấy Hoàng tử, Lão Tử nghĩa thể rất sâu, cải đổi tử làm kinh mở đầu lập môn Đạo học, ban sắc từ triều đình đến thôn giả, mọi người thấy đều phải đọc tụng kinh nếu đem sự sâu xa của hai nhà Khổng Tử và Lão Tử sánh với sự sâu xa của Phật pháp thì là rất xa vậy. Tại sao? Lão Tử thiết lập giáo, phép tắc tại trời chế định, chẳng dám trái với trời, còn chư Phật thiết lập giáo, pháp trời phụng hành không dám trái với Phật. Lấy đó để nói thì thật chẳng thể đối sánh rõ ràng vậy”. Tôn Quyền rất vui mừng. Lấy Hám Trạch làm Thái tử thái phó. Theo Ngụy thư nói rằng: “vua Minh Đế (?) từng muốn phá

hoại Phù Đồ ở phía Tây cung, có vị Sa-môn; người ngoại quốc mới dùng chiếc mâm bằng vàng đựng đầy nước đặt ở trước điện rồi đem xá-lợi ném vào trong nước, bỗng nhiên có ánh sáng 5 sắc tỏa phát ra, vua càng thêm kinh lạ tán thán, mới đến phía Đông đường đi tạo dựng Phù đồ lớn trăm gian và lấy đó làm tinh xá”. Đến lúc Ngô Hậu chúa là Tôn Hạo cải ngược chính sách, phế bỏ dâm từ, chùa Phật lần lượt cũng đồng bị phá dẹp. Hạn định cùng các Thần thiên rằng: “Khương Tăng Hội cảm được điềm lành, Thái hoàng (Tôn Quyền) tạo dựng chùa, như toại hủy phá, sợ để lại hối hận về sau”. Và đào bồi đất trong hậu cung có được tôn tượng bằng vàng, Tôn Hạo bèn đem làm điều dơ bẩn đó, bèn cảm nơi chỗ kín rất đau nhói, tiếng kêu than khó nhẫn chịu. Thái bốt bảo là: “Bởi do trái phạm thần lớn nên vậy”. Từ đó, đi cầu đảo khắp các danh sơn, sông lớn, không đâu chẳng đến, mà sự thống khổ càng tăng thêm nhiều. Có người đến xin thỉnh cầu Phật. Tôn Hạo bảo: “Phật là Thần lớn ư? Thử có thể nên cầu xin đó”. Vừa chỉ một lần cầu thỉnh bèn lành, mới đưa xe ngựa đến nghinh thỉnh, Sa-môn Khương Tăng Hội vì trình bày cho biết mọi sự báo ứng, Tôn Hạo thấy bản nghiệp có cả thấy 120 điều nguyện đều vì chúng sinh, nên càng dốc lòng kính trọng, bèn đến chỗ Sa-môn Khương Tăng Hội, theo thọ trì ngũ giới”. Chuẩn cứ vào sự đào bồi đất mà có được tôn tượng đây thì rõ biết từ thời nhà Tần nhà Chu đã có Phật giáo thật rất xác nghiệm vậy.

Vào năm Kiến Hưng thứ nhất (313) thời vua Mẫn Đế (Tư Mã Nghiệp) thời Tây Tấn, có 2 tôn tượng bằng đá trôi nổi bồng bềnh trên sông Ngô tòng. Các ngư dân nghi đó là Thần biển nên mới thỉnh thầy đồng cốt chú nguyện để nghinh thỉnh, sóng gió trên sông trở nên nổi mạnh. Những người kính thờ Hoàng Lão cho đó là Thiên sư, lại sang nghinh thỉnh, sóng gió cũng nổi dậy như trước. Có cư sĩ Chu Ứng; người ở Ngô huyện vốn có tâm chí thành kính tin Phật cùng với Bạch Ni ở chùa Đông Linh và vài người kính tin đến cửa sông Hổ độc để nghinh thỉnh đó. Sóng gió tự nhiên vắng lặng. Từ xa trông thấy 2 người đến, mới là tôn tượng đá đứng cao 7 thước, bung đi trong sóng lên thiết đặt tại chùa Thông Huyền, có khắc minh trên lưng tôn tượng, một tên là “Duy vệ; và một tên là Ca-diếp”, chẳng lường biết vào đời vua nào mà dấu vết chữ in rõ ràng.

Ngày mồng 08 tháng 02 năm Ninh Khương thứ 3 (375) thời vua Hiếu Võ Đế (Tư Mã Xương Minh) Đông Tấn, Sa-môn Thích Đạo An là bậc đức lớn sáng ngời, vang danh khắp xứ, ở phía Tây thành quách tượng đương chú đúc tôn tượng Đức Phật Vô Lượng Thọ cao tượng sáu,

đến tháng 09 năm sau (276) mới nghiêm sức hoàn thành. Tôn giả ấy mới theo hướng Tây lên đến vạn sơn. Bấy giờ khắp xóm làng mọi người đều kinh sợ tán thán nghinh thỉnh trở về lại chùa cũ. Và trong đêm đó, tôn tượng lại ra đứng ngoài cửa chùa. Quan thứ sử Hy Khôi mới cải đổi tên là chùa Kim Tượng (chùa tượng vàng). Đến năm Phổ Thông thứ 3 (522) thời Nam Lương, vua Võ Đế (Tiêu Diễn) đến vườn Kiến Hưng chú đúc tòa họa bằng vàng đồng để tượng ngồi kiết già cao 6 thước, rộng 1 trượng, ban sắc Lưu Hiếu Nghi làm văn dựng lập bia tóm thán đức hạnh. Mãi đến thời Võ Đế (Võ văn cung) thời Bắc Chu phá diệt Phật pháp, năm Kiến Đức thứ 3 (574), có Thái nguyên công Vương Khương làm Kinh châu thứ sử cùng Phó tướng Trường Tôn Triết vốn không tin Phật pháp trước đã muốn phá hoại tôn tượng đó, bèn sai bảo hơn trăm người dùng dây buộc vào cổ tượng để kéo mạ tượng y nhiên không lay động. Trường tôn triết cho là không dụng sức, bèn nắm gậy ra hiệu lệnh để lôi kéo, nhưng tượng vẫn như cũ; không lay động, nên lại tăng thêm số 300 người, cho đến 500 người lôi kéo mới nghiêng đổ, tiếng vang động cả đất trời, liền khiến những người phá hoại đó cất tiếng tự vui mừng, mới vội cưỡi ngựa muốn về báo cùng Quan thứ sử, vừa mới đi được khoảng trăm bộ, bỗng nhiên ngã té nơi đất mất tiếng trợn mắt, sau đó bèn chết. Các hàng Đạo tục cất tiếng mừng vui. Đang lúc phá hủy tượng, ở dưới nách ngã rũ trong tay áo tôn tượng có khắc ghi bài minh rằng: “Năm Thái Nguyên thứ 19 (394) thời Đông Tấn, tức năm Giáp Ngọ, Tỳ-khưu Thích Đạo An ở thành quách phía Tây Tương Dương tu tạo một tôn tượng bằng vàng cao trượng tám. Tôn tượng này trải qua 3 giáp đến năm Giáp ngọ (574) tức 180 năm tròn sẽ bị phá hủy”. Tính xét về năm tháng hẳn là phù hợp vậy. Nên tin biết tay Ấn Thánh nhân thật không hư dối đó vậy. Nhưng đem sự mà suy xét thì năm Thái Nguyên thứ 3 (378) thời Đông Tấn tấu tức năm Mậu dần, tức tương đương với năm Kiến Nguyên thứ 15 của Phù Kiên (nhà Tần), Sa-môn Thích Đạo An cùng Chu Tự Tập úc bị bắt tại đất Tần. Đến năm Thái Nguyên thứ 10 (385) thì Sa-môn Đạo An thị tịch tại Quan ải. Sau khi thị tịch 10 năm mới đến năm Giáp Ngọ (394). Một lần xem lược qua về niên kỷ thì có sự sâ mê sai, dự thấy chưa hẳn vậy, trải qua 3 lần năm Giáp ngọ, tức lấy số cùng cực của vận lớn, lại hiển bày thông Thánh của Tay ấn vậy.

Trong khoảng niên hiệu Thái Nguyên (376-397) thời Đông Tấn, có Sa-môn Thích Đàm Dực đến Kinh Châu tạo dựng chùa Trường Sa, đến lúc chùa hoàn thành mà chưa có tôn tượng Phật, Sa-môn Đàm Dực bảo rằng: “Di tích của Đức đại thành khắp cùng cả Diêm-phù-đề, há ta

không có cảm mà chẳng giáng ứng ư?”, bèn khiết trai kính ngưỡng cầu mong. Đến đêm mồng 08 tháng 02, thấy ở phía Bắc thành có hình nghi rất nghiêm túc cao 7 thước tỏa phóng tướng ánh sáng soi chiếu lên trời, các nơi đến nghinh thỉnh mới đầu chẳng thể giắt nổi. Sa-môn Đàm Dục bảo: “Há chẳng phải cảm thông giáng hiện đến chùa Trường Sa của chúng ta ư?”. Bèn cùng 3 người bưng thỉnh, bỗng nhiên nhẹ nhàng nâng nghinh vào chùa. Trước kia, qua đêm có người cho là quái lạ nên dùng dao rạch vào tôn tượng, tự nhiên có tiếng kêu vàng, trông xem lại thì đó là tôn tượng bằng vàng. Chỗ dao rạch trên ngực dường vẫn nổi hiện ra ngoài. Về sau có vị Sa-môn người nước Kế Tân bảo: “Đó là tôn tượng của vua A-dục tu tạo, trên ánh sáng có chữ rõ ràng”. Bấy giờ mọi người rất kính trọng. vua Võ Đế (tiêu diễn 502-550) thời Nam Lương nghe thế, từng đến xin nghinh thỉnh về Đông Hạ. Tuy dốc hết sức lực mà trọn không đến được. sau đó, với tâm chí thành tịnh trọng cầu thỉnh rất mực ân cần, tôn tượng mới xuống. Thuyền đi cách thành đô khoảng 18 dặm, vua tự ra nghinh đón, men theo đường tỏa phóng ánh sáng không dứt. Các hàng đạo tục tán thán mừng vui. Về sau, tôn trí tại điện Thái cực lại thiết bày cúng dường. Xong rồi nghinh đưa ra cửa Đại thông, vào chùa Đồng Thái, lại thiết lễ cúng dường. Kịp đến lúc chùa bị nạn hỏa hoạn, điện dường đều cháy rụi, chỉ tôn tượng vẫn nghiêm nhiên giữa điện. Về sau lại nghinh thỉnh đưa về chùa cũ ở kinh châu. Ban đêm, tôn tượng ấy ra đi nhiều quanh tháp, dáng hiện điềm linh chẳng chỉ một lần và đến lúc vua Nguyên Đế (Tiêu Dịch 552-555) thời Nam Lương Băng hà, gặp lúc có hung sự, tôn tượng bèn đổ mồ hôi đất. Và gần đây, lúc vua Thái tông (Lý Thế dân 627-650) thời Tiên Đường băng hà, tôn tượng cũng đổ mồ hôi như trước, những điềm ứng hiện như thế rất nhiều.

Trong khoảng niên hiệu Hàm Hòa (326-335) thời Đông Tấn, có Cao Khôi ở huyện Duẫn; Đan Dương thấy bến bờ cầu Trương Hầu có ánh sáng khác lạ, sai bảo người đến tìm xem, bèn gặp được một tôn tượng bằng vàng không có tòa ngò, liền vận chuyển đến cửa cảng Trường Can, trâu dừng đứng không chịu đi, mới mặc tình theo đó nên nghinh đưa vào chùa Trường can. Sau đó vài năm, có ngư dân Trương Hệ thế ở gần biển đến nơi cửa biển, thấy có tòa hoa sen bằng đồng trôi nổi trên nước, mới dâng biểu tấu trình, vua bèn ban sắc nghinh đưa về, thiết trí tôn tượng, quả nhiên phù hợp. Về sau có 5 vị Sa-môn; người nước Thiên Trúc đến nhà Cao Khôi nói rằng: “Xưa trước tại nước chúng tôi có được tôn tượng do vua A-dục tu tạo, đến lúc Huyện Nghiệp gặp loạn, bèn cất giấu bên bờ sông. Gần đây, cảm mộng tôn tượng bảo là:

“Ta đã ra đến Giang Nam, và Cao Khôi gặp được”. Cao Khôi mới dẫn đưa đến chùa, 5 vị Tăng ấy trông thấy mà rơi lệ, tôn tượng lại vì tỏa phóng ánh sáng soi chiếu khắp trong ngoài. Các vị Tăng ấy bảo: “Tôn tượng này là do người con gái thứ 4 của vua A-dục tu tạo. Văn từ ghi ở tòa hoa ngai”. Nhân đó kiểm xét thật đồng vậy. Lại nói: “Vốn có ánh sáng tròn, tính ứng hẳn sẽ đến”. Về sau, đến năm Hàm An thứ nhất (371) thời Đông Tấn tại Giao Châu, nơi bến đậu của những người lược nhật châu ngọc, có Huân Tông Chi thấy dưới đáy biển có ánh sáng nổi vọt trên nước, bèn tìm được ánh sáng Phật, nên đem sự việc ấy tấu trình. vua Giản Đế (Tư Mã Dục 371-373) mới ban sắc treo nơi lỗ hồng sau lưng tôn tượng, đồng ánh sáng sắc màu không biến đổi. Hơn 40 năm, sông biển các biệt, một mai mới đầy đủ, trăm người nghĩ nhớ tán thán. Từ thời nhà Tấn đến thời nhà Trần trải qua 5 triều đại, các bậc quân vương không ai chẳng thân gần kính lễ. Mỗi lúc gặp phải nạn hạn hán, nghinh thỉnh tôn tượng lên kiệu đưa vào cung, khẩn thiết nguyện cầu, thủy đều có được mưa. Đến trong niên hiệu Trinh Minh (587-589) thời nhà Trần, tôn tượng ấy tự nhiên xoay thân mặt nhìn về hướng Tây, tuy chỉnh sửa lại nhưng vẫn xoay như thế, mọi người bèn đem sự việc ấy tấu trình Hậu Chúa (Trần Thúc Bảo 583-589) bèn nghinh thỉnh về tôn trí tại điện Thái cực, thiết trai hành đạo, tôn tượng mới rơi mất mũ 7 báu xuống móc nơi tay. Hậu chúa bèn đốt hương phát thệ nguyện rằng: “Nếu như nước nhà có điềm không tốt lành thì nguyện xin hiện lại tượng ấy”. Và đưa mũ ấy đội lại trên đầu tượng. Đến sáng hôm sau cũng lại rơi khỏi như trước, vua tôi thấy đều đổi sắc mặt. Kịp đến lúc nhà Tùy phá diệt nhà Trần. Quan Triều tả để lộ bày mặt buộc vào kinh. vua Văn Đế (Dương Kiên 581-605) thời nhà Tùy biết thế bèn nghinh đưa vào trong cung, thường luôn kính hầu cúng dường. Về sau, vua ban sắc chiếu rằng: “Trẫm tuổi già không thể đứng lâu có thể nên làm tòa. Tôn tượng của vua A-dục nên đưa vào cúng dường chùa hưng Thiện”. Thấy hình tượng nhỏ thiết đặt tại mặt phía Bắc, đến lúc sáng sớm hôm sau mới thấy tại phía Nam, lần lượt bên trong hồ thẹn. Nay thấy tại điện đồ tả rất lớn vậy. (Và trong niên hiệu Nhân Thọ 601-605 thời nhà Tùy dựng lập bảo tháp, hơn 100 châu đều có tòa phóng ánh sáng tốt lành. Như nói trong cảm ứng truyện).

Năm Thái Diên thứ nhất (435) thời vua Thái Võ Đế (Thác bạt Đào) thuộc thời Nguyên (Bắc) Ngụy, có Sa-môn Lưu Tát Hà gia đình vốn ở Bình Nguyên, Nam Cao; Ly Thạch, nay thuộc Từ Châu. Xưa trước đi đến Hòa quận thuộc Tây Phiên, Lương Châu, đứng ở phía Đông

Bắc ngóng trông về Ngự cốc và xa kính lễ mà nói rằng: “Núi này sẽ có tôn tượng hiển hiện, nếu linh tượng đầy đủ thì trong đời an vui thời vận bình yên, còn như có điểm khuyết thiếu thì đời loạn lạc, dân chúng khổ sở”. Sau đó trải qua 87 năm, đến năm Chánh Quang thứ nhất (520) thời Bắc Ngụy, nhân gió mưa lớn, sấm sét nổ đùng, từ núi hang nổi lên hình tượng, thân cao một trượng tám thước, thân hình tượng tốt đoan nghiêm, chỉ không có phần đầu. Bèn chọn đá thuê thợ đục tạc phần đầu, gắn đặt lên rồi trở lại rơi xuống. Từ đó, triều đình nhà Ngụy lấn lướt loạn lạc, lời nói trước kia Phật có chứng nghiệm vậy. Mãi đến năm thứ nhất của triều đại Bắc Chu (557), mới đầu bình trị Lương Châu, từ thành về phía Đông cách khoảng 7 dặm có 1 khe suối, bỗng nhiên thấy một đầu tượng Phật bằng đá, hình sắc tỏa sáng, bèn đưa sang lắp đặt quả nhiên phù hợp, thần nghi điều khuyết. Hơn 40 năm, thân đầu khác xứ, cách xa nhau hơn 200 dặm, bỗng nhiên một mai tròn đủ. Mọi người đều cảm thán lạ thường. Bấy giờ có ánh đuốc soi chiếu, tiếng chuông vang vọng chẳng ai biết từ đâu có đến. Đến năm Kiến Đức thứ nhất (572) thời Bắc Chu, đầu tôn tượng lại rơi xuống, Đại trưng Tể cùng Tể Vương đích thân sang trông xem, mới bảo xếp đặt lên lại, đến đêm cũng rơi xuống như cũ, trải qua vài mươi lần, lại đưa gắn các phần đầu khác, trọn cũng rơi rớt như thế. Sau đó phá diệt Phật pháp chỉ được 4 năm, khắp bốn phương đều bị tang diệt, tiếp tục lời nói trước ấy lại có ứng nghiệm vậy. Nên phỏng tả tượng trạng ấy rất cuộc hình lượng có sai. Nay làm thành chùa cảm thông vậy. Lưu-tát-hà bèn thị tịch tại Tửu Truyền trong khe nước cách thành 7 dặm về hướng Tây. Di cốt như hạt quỳ, có người gom nhặt xâu bỏ lại đó, như văn bia ở chùa kia nói vậy. Đầu niên hiệu Trinh Quán (627) thời Tiền Đường, Tôi (Đạo Tuyên) vân du ngoài ải nên có đến bái yết bản miếu của Lưu-tát-hà tại trong chùa ở Từ Châu. Hình ảnh đoan nghiêm cao vợi, thường ngày có lễ kính lớn, từ các châu Thạch Thất, Từ, Nham, Diên, đan, Tuy, Ngân v.v... đều đồ tả hình sùng kính cúng dường, xưng gọi là Lưu sư Phật vậy.

Trong khoảng niên hiệu Thiên Bình (534-538) thời Nguyên Ngụy, tại Định châu có mộ sĩ tôn kính Đức tạo tôn tượng Bồ-tát Quán Thế Âm và tự thêm sự kính lễ. Về sau gặp phải giặc dã kéo lôi, không giằng nổi sự đánh đập khổ đau, nên vọng thừa nhận tội chết. Sắp đến lúc xử chém, mộng thấy có 1 vị Sa-môn bảo tụng kinh “Cứu sinh Quán Thế Âm” 1.000 biến hẳn sẽ được thoát khỏi. Quan Hữu ty cầm nắm dây trói dẫn đến chợ, vừa đi vừa trì tụng, đến lúc hành quyết thì đủ số 1.000 biến. Dao chém tự gãy phân thành 3 đoạn, da thịt không tổn thương.

Ba lần rút dao chém đều gãy như thế, trông xem vào trên cổ của tôn tượng có 3 dấu vết dao, bèn dâng trạng văn tấu trình, quan Thừa tướng Cao Hoan Biểu xin khỏi tội chết. Ban sắc ghi tả kinh ấy rộng lưu truyền nơi đời. Nay xưng gọi đó là kinh “Cao Vương Quán Thế Âm” vậy. Từ thời nhà Tấn, nhà Tống, Lương, Trần, Ngụy, Yên, Tần, Triệu, đất nước phân thành 16 phần, thời gian trải qua 400 năm, những người xưng niệm trị tụng danh hiệu Quán Thế Âm, Địa Tạng, Di Lặc, Di Đà v.v... mà được cứu giúp, không thể ghi chép hết nổi, đã có đầy đủ trong các sách truyện, nên nay đây chẳng ghi đầy đủ.

Trong khoảng niên hiệu Thiên Giám (502-520) thời Nam Lương, vua Võ Đế (Tiêu Diễn) tạo dựng chùa Quang Trạch tại Bản Đệ, chủ đúc tôn tượng bằng vàng đồng cao trượng tám, sắp đến sửa khuôn, nghi đồng không đủ, các thợ mới muốn tấu trình để xin, bèn có chiếu ban truyền lãnh 15 xe đồng đưa đến v.v... các thợ vâng phụng sắc đưa đến chùa liền hợp rót, chỉ một lần đúc bên thành mà cảm thấy có phần cao lớn, bèn đo xét lại thì đến 2 trượng 2 thước, các thợ dâng trạng văn tấu trình, vua bèn ban sắc: “Mới đầu chẳng đưa đồng đến, đó là do cảm thông”. Bèn khắc nơi tòa hoa ngồi để làm linh chi. Đến nay vẫn còn vậy.

Đến lúc vua Võ Đế (Trần Bá Tiên) thời nhà Trần băng hà (560), người con đầu là trần xuyên (tức vua Văn Đế) kế thừa sự nghiệp tạo xe ôn lương, mới lấy các thứ châu ngọc tại điện Trùng vân của vua Võ Đế (Tiêu Diễn) thời Nam Lương để trang sức, đưa hết sức người đã đồng nhiều, khắp bốn phương đều đến chỉ thấy mấy khí bút giảng bao nhiêu quanh điện Phật, ngoài ra chỉ tại phía tả mở sáng, ánh mặt nhật chiếu ngời, phút chốc mưa lớn trút đổ, sấm sét nổ vang, mây khói tràn tỏa ngoài Điện, lửa cháy đỏ rực trong mây, lưu tỏa ánh sáng trùm khắp cao thấp lần lượt theo nhau, và thấy ảnh bóng của điện Trùng Vân, hai tôn tượng bằng vàng bằng bạc, tám bộ thần vương đều cùng trải tòa đồng một lúc vạt bay, khói lửa cặp theo, bỗng nhiên đến xa ẩn mất. Mãi đến sau khi trời tạnh, mọi người khắp cả nước trông thấy đồng đến xét xem nơi chỗ điện cũ ấy chỉ còn những đá tảng mà thôi. Đến hơn một tháng sau, có người từ Đông Châu đến nói rằng: “Ngày ấy thấy điện ảnh tượng nương giữa hư không bay trên biển. Có người trông nhìn ra biển có lúc cũng thấy vậy.

Vào thời nhà Ngụy, tại Lạc Kinh, Hồ Hậu của vua Minh Đế (?) tạo Phù đồ ở chùa Vĩnh Minh cao cách đất ngàn thước, khắp cả một châu Diêm-phù không nơi nào hơn tháp ấy. Về sau vì trời chấn động, sự

duyên lược đồng như trước. Có người ở Đông Hải cũng thấy tướng ấy. Lại cũng dưới thời nhà Ngụy, tại Bắc Đài thường an đặt hang đá, trong vòng 30 dặm liên tiếp lần lượt xếp đặt cao hơn 20 trượng, bên trong có thể dung chứa cả ngàn người. Quanh eo biển của nước Chấn Đán, các núi Thần Châu, thường luôn có các chùa Thánh cảm hiện trông thấy chẳng chỉ một. Vả lại lược thuật vài ba điểm để lấy làm thật lục.

Xưa trước, khoảng đầu niên hiệu Thái Nguyên (376) thời Đông Tấn, tại Đôn Hoàng có Sa-môn Đàm Du là người có chí nghiệp chuyên cầu mạnh mẽ, chỉ thường đi khát thực xong rồi tọa thiền, nhân đi đến núi Thạch Thành ở Huyện Diêm; Cối Kê, có đàn hổ đến vây quanh trước mặt, Đàm Du vì nó mà giảng nói pháp, trong đó có một con hổ ngủ gật, Đàm Du mới dùng gậy như ý gõ đánh vào đầu nó, bỗng nhiên có 10 con rắn vây bọc chung quanh, Đàm Du vẫn như ban đầu không tỏ vẻ kinh sợ. Lại có thần núi xả bỏ vườn nhà mà thí cúng Đàm Du. Về sau, Đàm Du lại sang núi Xích Thành an tọa. Nói ấy cùng núi Thiên Thai, Bảo Bố, Tứ Minh liên thuộc với nhau. Có các vị phụ lão nói rằng: “Ở núi Thiên Thai có chùa Thánh”. Đàm Du bèn sang kiếm tìm đó. Cầu đá gác qua hang sắc xanh trơn nhẵn, khó thể vượt qua, lại có đá đổ chắn ngang đường, không do đâu để đến được. Về đêm, bèn dừng nghỉ tại đầu cầu, nghe bên kia hành đạo tiếng xướng vọng vang, Đàm Du bèn khiết trai tự cố gắng, bỗng thấy tảng đá nằm ngang mở suốt, nên bèn liền đi tới trước, trông thấy Tinh xá, có vị thần Tăng đốt hương. Sau khi thọ trai bữa trưa xong, bảo Đàm Du rằng: “10 năm sau hãy tự nên đến đây!”

Lại có Sa-môn Thích Viên Thông ở chùa Đại Trang Nghiêm tại Nghiệp Hạ trong thời nhà Tề, cảm có một vị thần Tăng đến nghe giảng trong mùa hạ. Đến sau khi mãn hạ tự tứ xong, giả từ mà nói rằng: “Tại chùa Trúc Lâm muốn mời thỉnh Viên Thông qua chùa”. Viên Thông bèn hỏi cụ thể về đường đi. Qua năm sau liền tìm đến, vừa tới phía Đông Bành Sơn, tức thuộc phía Tây bắc của nghiệp hạ, vị Thần Tăng ấy ra nghinh tiếp, Viên Thông thấy rõ đầy đủ cửa ngõ, phòng nhà đẹp xinh cao thoáng, rừng trúc che phủ trời, trải qua dừng nghỉ một đêm đi quanh cùng khắp, lời ý bàn nói hợp đạo. Viên Thông bèn có ý muốn ở đó, vị Thần tăng ấy mới vì hỏi xin Đại Hòa thượng nhưng không được chấp thuận. Đến lúc trở lại đường cũ ra về, vừa mới đi cách hơn 3 dặm, ngoảnh trông nhìn lại chẳng thấy gì cả. Về sau, Viên Thông lại sang tìm mà chẳng biết xứ ấy tại đâu!

Gần đây, tại Đặng Châu, có Sa-môn Đạo Cần, đến chùa Bắc của

châu, tựa nương núi đứng, muốn tìm hỏi đến chùa tiên, bèn như lời nói mà thấy rõ đủ đầy, bèn rảo bước trông xem khắp cùng, quả thật là chùa đẹp xinh, mọi thứ vật dụng đều đầy đủ, chỉ không thấy người ở. Bước xuống tầng dưới, bỗng chốc liền mất lối trở về, mới ở bên mé đường dựng thất ở để phỏng tìm. Lại có hang Bảo Phước ở núi nơi ranh giới phía Đông của Phần Châu, là núi của chư Tăng ở, thường thấy có các Sa-môn nương giữa không trung mà qua lại.

Lại nữa, tại núi Tam học ở phía Đông Ích Châu thường có các đèn thần từ không trung chiếu sáng, vào những ngày trai lại gấp bội lắm nhiều. Lại nữa, tại hang Hồng Nhai ở phía Nam Lương Châu, nơi Trờ cừ Mông Tôn tạo dựng bia, chùa ấy hiện còn có vị Thánh tăng đắp họa thường hành đạo, có người đến thì bèn ngưng nghỉ, người đi khỏi thì tiếp tục hành Đạo. Nên bên cạnh đó các dấu vết chân khú vào là Đồ chúng của vị ấy, không thể nêu bày nơi đây đầy đủ vậy.

Tôi (Đạo Tuyên) nghe trong “Nhập Đại thừa luận” nói các Tôn giả Tần-đầu-lô, La-hầu-la v.v... cả thấy 16 vị Đại A-la-hán thường trú nơi đời hoằng thông giáo pháp. Lại có 9 ức vị Vô học cũng ở trong châu này, chưa nhập Niết-bàn”. Y cứ theo đó mà bàn rõ thì nay ở trong các núi hay nghe có tiếng khánh, hoặc bỗng nhiên gặp có chùa, đâu chẳng phải đó là trú xứ của các Thánh hiền ư?

Nay ước về các môn thông cục để phân thì: -01 là ước về đời đã qua, -02 là ước về ngay trong Hiền kiếp này và -03 là ước về chỉ trong thời gian của một Đức Phật Thích-ca.

- Ước về đời kiếp đã qua dùng để biện thông các bút tắt, như nêu bày trên, những hành sự trong đời kiếp đã qua, nào như Bồ-tát xả thân về máu đổ vẫn hiện còn, Thái tử Tu-đạt-noa xả thí con bị đánh đổ máu, Bồ-tát trái tóc bít lấp chỗ bần đơ, nơi Bồ-tát xả bỏ thân để mong được nghe bài kệ, nơi vua Nguyệt Quang chém đầu, nơi vua Thi-tỳ hiến dâng thịt cho chim săn v.v... những vết tích ấy đều từ đời xưa trước, tính lường về các tai ương lắm nhiều cỡ sao vẫn hiện còn ư? Các bậc danh Tăng ở Ấn Độ cũng xét quyết điều đó rất chí lý. Như điều hỏi trên thì không nên lưu lại, mà các việc đã qua, những đời sống trước càng mở rộng tại 5 xứ Ấn Độ. Có người nói rằng: Đó là do thần lực của Đức Như Lai, là chí hạnh của Bồ-tát, tuy có gặp phải Tam tai cũng không thể hủy diệt. Sau khi thế giới mới đã lập thành, nương tựa theo đó mà nhóm tụ vậy. Lại có người nói: Sự biến đổi của tam tai, không điều gì xưa trước chẳng dứt trừ, chỉ vì muốn khiến đời sau bắt chước theo đó mà kính ngưỡng, nên khi thế giới mới lập thành, y theo vết tích xưa cũ tương tự mà hiện,

đều là vết tích Phật hóa thần cảm nên vậy. Nên trong 5 thứ không thể nghĩ bàn thì 1 là sức thần của Phật vậy. Do đó, những sự việc trong đời kiếp xưa trước đã qua nương tựa theo mà hiện bày.

- Ước về ngay trong đồng đời kiếp này để rõ, thả như một là bình bát mà ngàn Đức Phật cùng đồng sử dụng. Tương truyền rằng Đức Phật Thích-ca thọ thực, 4 vua dâng cúng Bình bát, sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, bình bát ấy lưu hành đến nước Tỳ-xá-ly, một trăm năm sau lại đến nước Càn-đà-vệ, lần lượt lại đến các nước Nguyệt Chi, Vu Điền, Quy Tư và sẽ đến nước Chấn Đán rồi trở lại nước Sư Tử, về lại nước Thiên Trúc, lên cung trời Đâu suất, Bồ-tát Di Lặc thấy thế bảo rằng: “Bình bát của Phật Thích-ca nay lại đến đây!”. Bèn suốt 7 ngày cúng dường. Rồi bình bát ấy xuống lại nơi Long cung. Đến lúc Đức Di Lặc thành đạo thì 4 vua trở lại dâng cúng bình bát. Hai là hình ảnh Đức Phật nơi Long cung, ngàn Đức Phật đều đồng lưu lại. Ba là tảng đá vuông, nơi giảng nói pháp, ngàn Đức Phật đều đồng ngồi, tức dưới cây Tát-bát-la tại nước Kiền-đà. Bốn là tháp đá thanh suy, ngàn Đức Phật đồng chung một thời, trong các truyện trên phần nhiều nói rõ vết tích của 4 Đức Phật kinh hành tọa thiền. Chuẩn cứ theo đây thì trong tương lai ước cũng có thể thấy được vậy.

- Ước về một đời Đức Phật Thích-ca, những sự thông cục chẳng đồng, như thêm cấp bằng vật báu đường lên trời ẩn diệt rồi không dấu vết tiếp nối. Tháp lớn của Tra Vương 7 lần hóa diệt đã. Ba cây Đạo diệt phá rồi mà lại sinh mọc. Dấu chân Đức Phật phá hủy rồi lại hiện, cành dương chặt phá hết rồi lại sinh mọc. Xá-lợi đem thử lại càng linh. Những sự nêu bày như trên, hẳn nên chẳng thông cùng các Đức Phật sau. Đến như núi Kê Túc, Tôn giả Đại Ca-diếp lưu hóa, cung nhỏ của Từ Tôn biện rõ giữ thân hình để chờ đợi Thánh. Bọn của Trử Cừ diệt định, đồ chúng của Ma-chi La-hán, mọi sự hạn cục tương lai, thần vận du tuyệt vực, đều vì sáng tỏ đạo, mở bày bụi mờ, tâm từ dần dặt hữu tình, lắng thần các cõi nên vậy!

CHƯƠNG VII: THỜI TRỤ

Căn cứ theo thế giới Sách-ha, trong một Đại kiếp có 1.000 Đức Phật ra đời, lại phạm hiện của kiếp-ba không thể lấy số thời gian mà suy lường. Giả sử lấy một thành đá vuông làm thời gian của một kỳ hạn, trong đó có đủ 4 đại kiếp và 4 trung kiếp, nghĩa là có đủ quá trình thành - trụ - hoại - không vậy.

Như từ khi tuổi thọ con người chỉ có 10 năm dần tăng lên 8 vạn

năm, rồi từ 8 vạn năm trở lại giảm xuống chỉ còn 10 năm. Trải qua 20 lượt như thế là 1 tiểu kiếp, và qua 20 tiểu kiếp làm một kiếp thành, nếu lấy năm tháng để tính thì trải qua tám ngàn vạn ức trăm ngàn tám trăm vạn tám vạn năm chỉ là một tiểu kiếp. Đến nay, kiếp thành đã qua, từ khi vào kiếp trụ đến nay đã qua 9 tiểu kiếp. Đức Thích-ca Như Lai là Đức Phật thứ 4 trong kiếp trụ và hiện còn 996 Đức Phật theo thứ tự tiếp tục xuất hiện nơi đời.

Y cứ theo kinh “Ma-da” nói rằng: “Sau khi Đức Như Lai diệt độ, chánh pháp trú nơi đời 500 năm, tượng pháp 1.000 năm”. Lại y cứ theo luật “Thiện kiến” luận “Tỳ-bà-sa” thì nói là: “Sau khi Đức Như Lai diệt độ, chánh pháp trú nơi đời 1.000 năm, và tượng pháp cũng vậy. Nhưng vì Đức Phật hóa độ người nữ nên chánh pháp diệt giảm mất 500 năm. Nếu các người nữ có thể tuân theo pháp bát kính, đúng như pháp mà hành Đạo thì chánh pháp trụ nơi đời trở lại trọn được 1.000 năm”. Lại nói là: “Phật pháp trú nơi đời một vạn năm, trong đó, 5.000 đầu, những vị xuất gia tu đạo có thể chứng đắc Tam đạt linh trí, và 5.000 sau, những vị xuất gia tu đạo không thể chứng đắc Tam đạt linh trí. Qua khỏi thời gian đó trở về sau thì kinh pháp kết quy về long cung còn tôn tượng thì tự hủy hoại. Các hàng Tỷ-khưu chỉ đồng như người thế tục, chỉ có cạo đầu mặc áo ca sa mà thôi. (Phật pháp lưu truyền đến Chấn Đản đã 3 lần bị phá hủy thiêu đốt. Lần đầu tiên là Hách-liên-bột-bột hiệu là nước Hạ, mới đầu đánh phá Trường An, hễ gặp chư Tăng thì đều giết. Lần thứ hai là vua Thái Võ Đế (Thác bạt Đào 424-452) thời Bắc Ngụy nghe theo lời Thôi Hạo mà hủy diệt Tam bảo. Về sau ăn năn hối hận, Thôi Hạo bị tăng thêm 5 tội hình. Và lần thứ 3 là vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu chỉ buộc chư Tăng hoàn tục, đều chẳng được miễn khỏi, như các truyện ghi chép rõ ràng vậy).

CHƯƠNG VIII: GIÁO TƯỚNG

Từ khi Phật giáo lưu truyền đến nước Chấn Đán, khai mở cứu tế đến cùng, phát ngộ sơ thông, thoát lừng bụi trần. Trong đó, điềm ứng tốt lành đầy đủ một chương rõ ràng ở trước. Nay đây tạm thuật vài điều dùng để trình bày sự không lầm hoặc. Xưa kia chu sĩ hành tìm cầu giáo pháp, chỉ ý chỉ đặt để ở Đại thừa, sắp cất bước từ Tây Vực trở về mới có gặp phải lưu nạn, bèn đem kinh ném vào lửa, các kinh chẳng cháy mà lửa tự tắt mất, khi về đến phương Đông đây, kinh liền tỏa phóng ánh sáng. Lại nữa, Sa-môn Đàm-vô-sấm thỉnh được kinh Niết-bàn, vừa đi đến xứ Lương Châu, ban đêm giấc cướp muốn cướp lấy nhưng giắt không lên

nổi, bèn cúi đầu sám tạ. Thứ nữa lúc vua Võ Đế (Võ Văn Ung) thời Bắc Chu hủy hoại Phật pháp, đập phá tôn tượng thiêu đốt kinh văn, đều thấy tạng kinh lần lượt bay lên giữa không trung, lâu sau ẩn vào giữa khoảng không. Các điều như thế có thật lắm nhiều, không thể ghi tả hết đầy đủ. Nhưng hoàng dương giáo pháp chính tại nơi người, có nước làm gốc. Độ người dựng chùa, đắp họa tôn tượng phiên dịch kinh điển. Ở đời ước về tướng cầu, nên phát xuất từ đầu đến nay xưng minh Phật giáo. Từ thời nhà Hán nhà Ngụy đã qua hẳn không được rõ ràng, còn từ thời nhà Tấn nhà Tống đến nay, lược ghi tường tự như sau:

- Thế tổ Võ Hoàng Đế (tức là vua Võ Đế - Tư Mã Viêm 265-290) thời Tây Tấn (rất mở mang mọi Phật sự, rộng tạo dựng các chùa lam).

- Vua Huệ Đế (Tư mã Trung 290-307) thời Tây Tấn (tạo chùa Hưng Thánh tại Lạc Hạ, thường cúng dường trăm vị Tăng).

- Vua Mẫn Đế (Tư Mã Nghiệp 313-317) thời Tây Tấn (tạo dựng chùa Thông Hư và chùa Bạch Mã tại Lạc Dương).

Vào thời Tây Tấn có 2 kinh thành, cả thảy 180 ngôi chùa, có 13 vị phiên dịch kinh, được 73 bộ (Tăng ni gồm có 37.000 vị).

- Trung tông Nguyên Đế (tức vua Nguyên Đế - Tư Mã Duệ 317-323) thời Đông Tấn (tạo chùa Ngõa quan và chùa Long cung tại Giang Tả, độ ngàn vị Tăng ở Đan Dương).

- Túc tông Minh Đế (tức vua Minh Đế - Tư Mã Thiệu 323-326) thời Đông Tấn (tạo chùa Minh Hưng và chùa Đạo Tràng, nhóm tập 100 vị Tăng nghĩa học).

- Hiển Tông Thành Đế (tức vua Thành Đế - Tư Mã Diên 326-343) thời Đông Tấn (tạo chùa Trung Hưng và chùa Lộc Dã, nhóm tập 1.000 vị Tăng nghĩa học).

- Thái Tông Giản Văn Đế (tức vua Giản Văn Đế - Tư Mã Dục 371-373) thời Đông Tấn (tạo tôn tượng Phật, độ Tăng xuất gia, xây dựng chùa chiền, tạo tháp gỗ tại chùa Trường Can).

- Liệt Tông Võ Đế (tức vua Hiếu Võ Đế - Tư Mã Xương Minh 373-397) thời Đông Tấn (tạo chùa Hoàng Thái, lập bản dựng chùa tại Bản Đệ).

- vua An Đế (Tư Mã Đức Tông 397-419) thời Đông Tấn (tạo chùa Đại Thạch nơi tháp vua A-dục).

Triều Đại Đông Tấn có cả thảy 104 năm (317-420), tạo lập được 1.768 ngôi chùa. Có 27 người phiên dịch kinh lược được 263 bộ (Tăng ni gồm có 24.000 vị).

- Cao tổ Võ Đế (tức vua Võ Đế - Lưu Tục 420-423) thời Tiền

Tống (đọc tụng Phạm bản, tự tay ghi tả giới kinh, tạo 4 ngôi chùa, như chùa Linh Căn, Pháp Vương v.v... cúng dường 1.000 vị Tăng).

- Thái tông Minh đế (tức Danh Dương Vương - Lưu Nghĩa Phù 423-424) thời Tiền Tống (tạo tôn tượng bằng vàng cao trượng tám, nhân ngày trai cảm được xá-lợi, tạo chùa Hoàng Phổ Trung, chiêu tập các bậc Danh tăng).

- Thái Tổ Văn Đế (tức vua Văn Đế - Lưu Nghĩa Long 424-454) thời Tiền Tống (phụng trì trai giới không giết hại, tạo chùa Thiền Linh, thường cúng dường ngàn vị Tăng).

Dưới thời Tiền Tống tạo dựng được cả thảy 1.913 ngôi chùa, phiên dịch được 210 bộ kinh (Tăng ni có cả thảy 36.000 vị).

- Thái tổ Cao Đế (tức vua Cao Đế - Tiêu Đạo Thành 473-483) thời Nam Tề (tự tay ghi tả kinh Pháp Hoa, miệng đọc tụng kinh Bát Nhã. Ngày mùng 08 tháng 04 thường bảo chủ đúc tôn tượng bằng vàng, vào ngày 15 tháng 07 đến chùa Bạch Phổ dâng bát cúng dường 300 vị Tăng, tạo chùa Trắc Dĩ và chùa Chánh Quy).

- Thế tổ Võ Đế (tức vua Võ Đế - Tiêu Trách 483-494) thời Nam Tề (tạo chùa Chiêu Huyền và chùa Du Hiền, nhóm tập 300 vị Danh tăng cách lượng Tam giáo suốt 4 năm khảo định).

- Cao tông Minh Đế (tức vua Minh Đế - Túc Loan 494-499) thời Nam Tề (ghi tả hết thảy kinh, tạo ngàn tôn tượng bằng vàng, đọc kinh Bát Nhã, thường tụng kinh Pháp Hoa, tạo chùa Quy y, nhóm tập các bậc Thiền Tăng, thường hành trì lục trai).

Dưới thời Nam Tề, chùa chiền có cả thảy 2.015 ngôi, phiên dịch được 72 bộ kinh (Tăng Ni có cả thảy 32.500 vị).

- Cao tổ Võ Đế (tức vua Võ Đế - Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương (chế định 5 thời luận, đọc tụng 4 bộ kinh Phương Đẳng, tạo chùa Quang Trạch, Đồng Thái v.v... cả thảy 5 ngôi, thường cúng dường ngàn vị Tăng, khắp cùng nước mọi người đều hành trì học trai và bát giới).

- Thái tông Giản Văn Đế (tức vua Giản Văn Đế - Tiêu Cương 550-551) thời Nam Lương (xây dựng chùa Tư Kính và chùa Báo Ân, trích máu tự ghi tả 10 bộ kinh Bát Nhã, ngày giỗ Thái hậu bỏ ăn mà thiết trai cúng dường, tuyển chọn pháp tập ghi chép hơn 200 quyển, Pháp Bảo Tôn Trí nối liền tường vách cũng hơn 200 quyển).

Dưới thời Nam Lương tạo tụng cả thảy 2. 846 ngôi chùa, phiên dịch 248 bộ kinh (Tăng Ni có cả thảy 82.700 vị).

- vua Tuyên Đế (Tiêu Sát 557-562) và vua Minh Đế (Tiêu Quy 562-586) thời Hậu Lương. Hai vị vua này xây dựng xả tắc, tạo dựng các

chùa Thiên Hoàng, Trắc Dĩ, Đại Minh v.v... ở Kinh Châu, sửa trị 108 ngôi chùa tại Giang Lăng (Tăng Ni có 320 vị).

- Cao tổ Võ Đế (tức vua Võ Đế - Trần Bá Tiên 557-560) thời nhà Trần (tạo chùa Đông An, Hưng Thánh, Thiên Cư v.v... ở Dương Châu, ghi tả hết thủy kinh gồm 12 tạng, tạo 100 vạn tôn tượng bằng vàng, độ 7.1 vị Tăng, sửa sang 32 ngôi chùa cổ).

- Thế tổ Văn Đế (tức vua Văn Đế - Trần Xuyễn 560-567) thời nhà Trần (ghi tả 50 tạng kinh, độ Tăng ni 2.000 vị, sửa sang 60 ngôi chùa cổ).

- Cao tông Tuyên Đế (tức vua Tuyên Đế - Trần Húc 569-583) thời nhà Trần (tạo chùa Thái Hoàng ở Cẩm Trung; Dương Châu, tạo pháp gổ cao 7 cấp, lại tạo chùa Sùng Hoàng; chùa cao 15 trượng; phía dưới tôn trí móng tay Đức Phật, tạo hơn 20.000 tôn tượng bằng vàng, sửa sang 501 ngôi chùa cổ, sửa 130 vạn tôn tượng cũ, ghi tả 12 tạng kinh, độ Tăng gồm một vạn vị).

Trong thời nhà Trần có 5 vị vua, với thời gian 34 năm (557-589), tạo dựng được 1.232 ngôi chùa, trong nước có 1.700 ngôi chùa mới, Tăng ni có 32.000 vị. Phiên dịch được 11 bộ kinh. Theo Hưng Địa Đồ nói rằng: “Dưới thời Nam Lương, tại Đô Hạ xưa trước có hơn 700 ngôi chùa, gặp lúc Hậu Cảnh nổi loạn đốt phá gần hết. Đến lúc nhà Trần đã thống nhất nước nhà, ban sắc dân chúng đều tu bổ sửa sang tất cả, dựng tháp nêu bày cùng trông như lưới sao nâng cao liển, sự phong phú của kinh tượng không thể nói hết”.

- Thái tổ Đạo Võ Đế (tức vua Đạo Võ Đế - Thác Bạt Quế 386-409) thời Bắc (Nguyên) Ngụy (tạo tháp cao 15 cấp tại đất Ngô, lại tạo chùa Khai Thái và Định Quốc, ghi tả hết thủy kinh, tạo 1.000 tôn tượng bằng vàng, mỗi tháng nhóm tập 300 vị Danh tăng luận pháp).

- Cao tông Văn Thành đế (tức vua Văn Thành Đế - Thác Bạt Duệ 452-466) thời Bắc Ngụy (Trùng Hưng lại Phật giáo, mở mang dòng họ Thích, độ Tăng ni 30.000 vị).

- Cao tổ Hiếu Văn Đế (tức vua Hiếu Văn Đế - Thác Bạt Hoàn 471-476) thời Bắc Ngụy (tạo chùa An dưỡng tại Nghiệp Đô, chiêu tập chư Tăng khắp bốn phương, các thị nữ trong sáu cung mỗi năm đều thọ trì 3 tháng 6 ngày trai. Người nào kính mộ Đạo thì được cho phép xuất gia. Tự tay chẳng lìa quyển kinh, chỉ đọc trong khoảnh khắc bèn giảng. Vì Tiên Hoàng mà tu sửa lại chùa Đại Giác, Đại Hạnh, Bố thí cúng dường. Độ Tăng Ni 14.000 vị).

- Thế Tông Tuyên Võ Đế (tức vua Tuyên Võ Đế - Nguyên Khác

500-516) thời Bắc Ngụy (tự giảng kinh Duy Ma tại Điện Thức Càn, tạo chùa Phổ Minh, Đại Định v.v... cả thấy 4 ngôi, thường cúng dường ngàn vị Tăng).

- Tiêu tông Hiếu Minh Đế (tức vua Hiếu Minh Đế - Nguyên Hư 516-528) thời Bắc Ngụy (tạo chùa Đại Giác tại Nghiệp Hạ).

- Kính tông Hiếu Trang Đế (tức vua Hiếu Trang Đế - Nguyên Tử Du 528-530) thời Bắc Ngụy (tạo 5 ngôi Tinh xá và một vạn tôn tượng bằng đá).

- Vua Võ Đế (?) thời Tây Ngụy (tạo chùa Trắc dĩ tại Trường An, cúng dường 200 vị Tăng).

- Vua Văn Đế (Nguyên Báo cự 535-552) thời Tây Ngụy (tạo chùa Bát Nhã, dùng cung cấp những người nghèo khổ già yếu, miệng trì tụng kinh Pháp Hoa, thân thọ trì giới Phật).

Trong thời Nguyên Ngụy, gồm 17 đời vua, trải qua 170 năm (386-556) khắp trong nước nhà có 47 ngôi chùa lớn, tại Bắc Đài thường an trí khắc đá đặt khám tiếp liền 30 dặm. Các Vương công v.v... tạo 839 ngôi chùa, trong dân chúng tạo hơn ba vạn ngôi chùa. Độ Tăng ni cả thấy hơn 200 vạn vị. Phiên dịch được 49 bộ kinh. Từ khi Phật giáo lưu truyền đến phương Đông, trong thời đại này rất là hưng thịnh. Chỉ có trong đời vua Thái Võ Đế (Thác Bạt Đào 424-452), vì tin dùng lời xiểm nịnh ton hót của quan Tư đồ Thôi Hạo nên phá hoại Phật pháp, ngầm ẩn suốt 7 năm. Về sau, biết đó là đối trá sai lầm nên vua giết dòng họ Thôi, trở lại phục hưng Phật giáo, xiển dương tỏ rạng như trước.

- Cao tổ Văn Tuyên Hoàng Đế (tức vua Văn Tuyên Đế - Cao Dương 550-560) thời Bắc Tề (sau khi lên ngôi, vua liền Thiên pháp nơi Thiên sư Tăng Điều, phát tâm thọ giới Bồ-tát, dứt trừ ăn thịt, cấm buôn bán rượu, phóng thả chim săn, phá chài lưới. Lại chấm dứt sự giết hại trong thiên hạ. Mỗi năm 3 tháng 6 ngày khuyến hóa dân chúng thọ trì trai giới. Các nơi trồng tía rau lá ngũ tân bất kể của công hay riêng đều phá bỏ. Độ 8.000 người).

- Túc tông Hiếu Chiêu Đế (tức vua Hiếu Chiêu Đế - Cao Diễn 560-561) thời Bắc Tề (vì Tiên Hoàng mà ghi tả 12 tạng kinh gồm cả thấy 8.047 quyển, độ 3.000 vị Tăng).

- Thế tổ Võ Thành Đế (tức vua Võ Thành Đế - Cao Chàm 561-565) thời Bắc Tề (tạo dựng tháp báu, đọc tụng kinh Đại phẩm).

Trong thời Bắc Tề có 6 vị vua, suốt thời gian 28 năm, (550-578) trong Hoàng gia tạo dựng 43 ngôi chùa, phiên dịch được 14 bộ kinh. Độ người tương tiếp như thời Nguyên Ngụy.

- Hiếu Minh Đế (có phải là Hiếu Mẫn Đế - Võ Văn Giác 557-557?) thời Bắc Chu (vì Tiên Hoảng mà tạo tôn tượng bằng thêu dệt thành cao 2 trượng 6 thước và tạo 12 tôn tượng ngang bằng thân hình, cùng các thị vệ).

- Thái tổ Văn Đế (có phải là vua Minh Đế - Võ Văn Dục 557-561) thời Bắc Chu (?) (tạo các chùa Trung Viễn, Trắc Dĩ, Đại thừa v.v... cả thảy 6 ngôi tại Trường An. Độ 1.000 người. Lại tạo 5 ngôi chùa, cúng dường đồ chúng Thiền sư Bảo).

- Cao tổ Võ Đế (tức vua Võ Đế - Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu (vì Văn Hoàng mà tạo tôn tượng bằng tơ lụa cao một trượng sáu thước, xây dựng 120 ngôi tháp báu. Lại tạo chùa Ninh Quốc, Hội Xương, Viễn Minh tại kinh hạ. Độ tăng 1.800 vị, ghi tả 1.700 bộ kinh. Về sau, gặp phải sử xiểm nịnh của Trương Tân mới bị bất thiện làm đầu, phế bỏ Tăng ni 300 vạn vị).

- Hiếu Tuyên Đế (tức vua Tuyên Đế - Võ Văn Huân 579-579) thời Bắc Chu (phục hưng lại Phật giáo, đắp họa 4 tôn tượng, tạo hơn một vạn cái khám, ghi tả 3.000 quyển kinh Bát Nhã, sau ngày trai và tám giới thường mở mang không ngưng dứt).

Trong thời Bắc Chu có 5 vị vua. Với thời gian 25 năm (557-581) tạo dựng được 931 ngôi chùa, phiên dịch được 16 bộ kinh.

- Cao tổ Văn Hoàng Đế (tức vua Văn Đế - Dương Kiên 581-605) thời nhà Tùy (năm Khai Hoàng thứ 3 (583), với các chùa bị phá hủy thời Bắc Chu đều được tạo dựng lại. Dưới các danh sơn mỗi mỗi đều có tạo dựng chùa. Khắp hơn 100 châu tạo dựng tháp tôn thờ xá-lợi. Độ Tăng ni 23 vạn vị, lập 3.792 ngôi chùa, ghi tả 46 tạng kinh gồm 132.086 quyển, tu sửa 3.853 bộ kinh cũ. Tạo 16.584 tôn tượng, ngoài ra các thứ tạo dựng riêng biệt không thể ghi tả đầy đủ nơi đây).

- vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) thời nhà Tùy (vì Văn Hoàng Đế và Hiến Hậu mà tạo 2 chùa Thiền định tại Trường An, và tạo 2 ngôi tháp gỗ, dựng lập riêng 10 ngôi chùa, các quan cúng dường tứ sự, tu sửa 612 tạng kinh cũ gồm 29.172 bộ, tu sửa 11.000 tôn tượng cũ, tạo 3850 tôn tượng mới. Độ Tăng 6.200 vị).

Trong thời nhà Tùy có 2 vị vua, suốt thời gian 37 năm (581-618), tạo dựng 3.985 ngôi chùa, Tăng ni có 236.200 vị, phiên dịch được 82 bộ kinh.

Đến thời Tiền Đường chúng ta đây mở thoảng, Phật giáo công nghiệp lớn nhiều, chưa thể nêu ghi nên khó mở đầu nêu bày vậy.

Năm Vĩnh Huy thứ nhất (650) thời Tiền Đường tức năm Canh Tuất. Sa-môn Ngô Hưng Thích Đạo Tuyên ở chùa Phong Đức, núi Thái nhất tại chung Nam nhân sang dự tham công việc phiên dịch kinh, bên cạnh đó, đọc xem biệt truyện thấy văn nhiều khó tìm nên lược nêu điểm cốt yếu và nhuận chỉnh phong sắc xếp đặt theo loại, ngõ hầu trong tương lai gặp việc tốt lành dùng Bồ-tát tinh sáng vậy.

